



Phép Lạ Thánh Thể

Lm. Đoàn Quang, CMC

Nguồn: Xuanha_net

Mục lục Phép lạ Thánh Thể (theo thời gian)

(ĐQ Góp nhặt từ cuốn "Phép Lạ Thánh Thể" của Joan Carroll Cruz, Tu sĩ Matthias M. Ngọc Đình, CMC chuyên ngữ, Hiệu sách Regina xb, USA, 2002;

This is My Body, This is My Blood của Bob & Penny Lord, mấy Web site, và mấy sách khác...)

Thế kỉ 8/ Thế kỉ 12 /Thế kỉ 13 /Thế kỉ 14/ Thế kỉ 15

Thế kỉ 16 /Thế kỉ 17/ Thế kỉ 18 /Thế kỉ 19 /Thế kỉ 20

*** Một số Phép lạ Thánh Thể khác**

PHÉP LẠ THÁNH THỂ

Thế kỉ 8

1. PHÉP LẠ THÁNH THỂ ĐẦU TIÊN

Khoảng năm 700

Tại làng Lanciano, nước Ý (ITALY)

(Linh mục nghi ngờ, Bánh đã trở thành Thịt, Rượu đã trở thành Máu thật)

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 1, Regina xb, USA, 2002)

Đây là phép lạ cổ kính nhất, đã được Tòa Thánh cho xét nghiệm 5 lần, và ngày nay Thánh Tích vẫn còn trưng bày, được rất đông khách hành hương khắp nơi kính viếng.

Trình thuật phép lạ:



Phép Lạ Thánh Thể tại Lanciano

Lanciano, thị trấn cổ vùng Frentani, nước Ý, đã lưu giữ phép lạ hàng đầu về Phép Thánh thể trong Giáo hội công giáo. Lịch sử phép lạ như sau:

Vào khoảng năm 700 (thế kỉ thứ 8), trong ngôi nhà thờ nhỏ của Tu viện kính thánh Longinô (Legonziano-tên người lính đâm cạnh sườn Chúa), một linh mục Dòng thánh Basiliô đã hồ nghi không biết "sau khi Truyền phép" Chúa Giêsu có ngự thật trong phép Thánh Thể hay không!

Ông xin Chúa lâu ngày, cho một dấu để dẹp tan sự nghi ngờ.

Một hôm, sau khi đọc lời truyền phép, cha bối rối, bàng hoàng vì phép lạ tỏ tường, cha thấy ngay trước mặt: **bánh trở thành Thịt và rượu trở thành Máu.**

Sợ hãi nhưng hài lòng. Với nét mặt vui tươi, mắt ngấn lệ, cha quay nói với giáo dân và những người có mặt: "Hỡi những người đang tham dự chung quanh đây thật có phúc. Vì Chúa đã tỏ hiện trong bí tích Cực Thánh và trở nên hữu hình ngay dưới mắt anh em, để phá vỡ sự cứng lòng chai đá của tôi. Xin anh em tiến đến gần mà chiêm ngắm. Chúa đã trở nên gần gũi với chúng ta. Đây là Thịt và Máu Chúa Giêsu yêu quý của chúng ta".

Người ta không biết rõ tên linh mục đan sĩ này. Chỉ biết ông là linh mục thuộc đan viện nhỏ của Thánh Basilio đến Lanciano ty nạn, trong làn sóng di cư của các đan sĩ Đông Phương tới nước Ý, thời vua Leone III L'Isaurico. Thời này, từ năm 726 có phong trào mạnh mẽ đập phá tượng ảnh, chống lại việc tôn kính các ảnh tượng đạo. Phong trào này buộc các đan sĩ phải lưu vong ra ngoài quốc. Dân chúng ở Lanciano dành cho nhóm đan sĩ di cư này nhà thờ nhỏ Thánh Legonziano. Tại đây, trong thánh lễ bằng tiếng Latinh các đan sĩ dùng bánh lớn tròn, khác với bánh hình vuông có men của đan sĩ Hy Lạp.

Bảo tồn thánh tích:

Suốt 5 thế kỉ sau, các cha dòng thánh Basiliô trông coi gìn giữ Minh Máu Chúa cẩn thận.

Năm 1176, đức thánh cha Alexandriô trao cho các linh mục dòng Benedicto.

Từ năm 1252, đức Innocentê lại trao cho các cha dòng thánh Phanxicô.

Năm 1258, một đền thờ rộng lớn xây bao trùm nhà thờ nhỏ thánh Legonziano. Thánh tích được đặt ở đây.

Từ năm 1566 đã qua nhiều lần phải cất giấu quân giặc Thổ, xây nhà nguyện, lập bàn thờ...sau 150 năm,

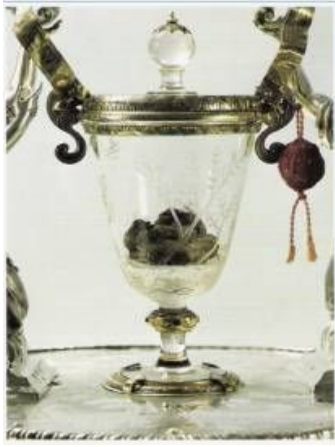
Năm 1809, theo lệnh vua Napoléon I, bãi bỏ các dòng tu, dòng Phanxico phải rời đi và mãi tới năm 1953 mới trở lại sinh hoạt bình thường.

Năm 1953 các cha dòng Phanxicô lại trông coi như trước.

Phép lạ này được ghi chép trên tài liệu viết trên giấy da rất cổ. Nhưng vào đầu thế kỷ 15 bị hai đan sĩ dòng Basilio lấy cắp của dòng Phanxicô. Hiện nay chỉ còn tài liệu năm 1631, ghi trên giấy da bằng tiếng Hy Lạp và Latinh về tất cả chi tiết phép lạ ở Lanciano.

Trước hết Thánh tích được đặt trong một hòm bằng ngà voi và được đặt tại nguyện đường cạnh nhà thờ chính. Năm 1902 được lưu giữ đằng sau bàn thờ ở giữa cung nguyện. Bánh Thánh trở thành Thịt, như ngày nay người ta quan sát, được kính giữ trong hào quang bằng bạc, có kích thước như Minh Thánh lớn vẫn được các linh mục dùng trong Thánh Lễ. Thịt có màu hơi nâu và trở thành hồng nếu quan sát dưới ánh sáng trong. Rượu hóa thành Máu được kính giữ trong chén thánh bằng thủy tinh, hợp thành 5 giọt to nhỏ khác nhau. Từ năm 1923, Thịt Thánh được trưng bày trong một hào quang, và những hột máu khô được đựng trong một chén lễ thủy tinh ở dưới chân hào quang. Trước nay, qua thời gian, các Thánh Tích được các tín hữu và khách hành hương rất mực tôn kính. Vào những dịp đặc biệt Thánh Tích được rước qua các đường phố trong thị trấn.

Khảo nghiệm kiểm chứng:



Rượu hóa thành Máu được kính giữ trong chén thánh bằng thủy tinh, hợp thành 5 giọt to nhỏ khác nhau
Phép lạ Minh Máu Chúa ở Lanciano là một phép lạ lâu dài, liên tiếp.

Để đánh tan dư luận và hồ nghi lâu đời trong dân chúng, sau công đồng Trente (1545-1563) Tòa Thánh đã 5 lần cho khảo nghiệm Thánh Tích ở Lanciano, và kết như sau:

- **Năm 1574**, chứng tử còn ghi lại để trong nhà nguyện bên tay phải gian chính nhà thờ. Sau mấy trăm năm, Thánh Tích được đựng trong hòm sắt: Thịt vẫn còn nguyên vẹn. Máu phân thành 5 phần không đều nhau. Khi thì 5 phần hiệp thành một cục khi thì tách rời ra.

- **Năm 1637**, Đức Tổng Giám Mục Rodriguez cho cân lại máu đã đông từ lâu, trước mặt giới hữu trách và đông người. Được thấy trọng lượng 5 cục máu cộng lại cũng bằng từng cục. Trọng lượng 5 cục là 16, 505 grams.

- **Năm 1770 và 1886**, có cuộc tranh luận về sự biến thể từ bánh rượu hóa ra Thánh Thể chất (Transsubstantiation) qua trọng lượng như cân đo ở trên. Chúa muốn chứng tỏ dấu hiệu mới sự hiện diện của Ngài trong Mầu Nhiệm Thánh Thể. Tức là trong mỗi giọt rượu và mẩu bánh được thánh hiến có sự hiện diện thực sự của toàn thể Mình và Máu Thánh Chúa Giêsu.

Từ năm 1713, Thịt được lưu giữ trong một Mặt nhật bằng bạc chạm trổ nghệ thuật, do một nghệ thuật gia trường thành Neapoli chạm trổ. Máu được đựng trong chén kiểu nghệ thuật xưa bằng đá phalê trong suốt.

Bánh Thánh Thịt ấy đã được giữ rất cẩn thận tới ngày nay, cũng có kích thước lớn như bánh được Giáo hội quen dùng. Bánh có màu nâu nhạt, và trở thành màu hồng khi chiếu ánh sáng từ phía sau dội lại. Máu thì đông lại và ngả màu đất, vàng vàng như màu đất thó.

- **Năm 1971**, sau công đồng Vatican 2, các Tu sĩ dòng Phanxicô quyết định trao cho một nhóm bác học danh tiếng viện đại học Siena khảo sát lại theo khoa học.

Cuộc khảo sát đã đưa đến những quả quyết khoa học tuyệt đối không thể chối cãi và trở thành tài liệu với những bức hình chụp bằng ống kính hiển vi tinh xảo, có thể giúp ích cho việc tôn thờ công cộng. Giáo sư Odoardo Lioni trong một cuộc họp vào ngày 4 tháng Ba năm 1971 tại nhà thờ có phép lạ đã đưa ra những kết luận sau. Công trình nghiên cứu này, được nhiều tạp chí khoa học trên thế giới đăng tải:

1- Thịt và Máu là thịt máu thật,

2- Thịt và Máu của cùng một người, đang sống, cùng một loại AB. Trong máu có protein là chất thường có để giữ máu tươi.

3- Thịt máu có đủ các thành phần như thịt máu chúng ta: cũng có những khoáng chất: chlorides, phosphorus, magnesium, potassium, sodium và calcium.



Sau khi nghiên cứu, giáo sư Linoli tuyên bố: *Tôi không thể ngờ được trong những điều tôi phân tích đó có những chất hữu cơ cách đây 12 thế kỷ. Khoa học phải đầu hàng đứng trước sự kiện lạ lùng không thể giải thích nổi.* Ông đã viết kèm theo hồ sơ phân tích, cho dòng Phanxico một câu ngắn: *In principio erat Verbum et Verbum Caro factum est.* (Từ đầu đã có Ngôi Lời và Ngôi Lời đã trở nên Thịt) (LC. Số 214, 7-2000, tr. 8-11).

Những lời quả quyết trên đây được Giáo quyền xác nhận trong một cuốn sách nhỏ có chuẩn ấn của Đức Cha Leopoldo Teofili, Tổng Giám mục Lanciano.

(Bánh Thánh trở thành Thịt, như ngày nay người ta quan sát, được giữ trong hào quang bằng bạc, có kích thước như Minh Thánh lớn vẫn được các linh mục dùng trong Thánh Lễ).

Việc các di tích thánh này được lưu trữ một cách tự nhiên trong 12 thế kỷ qua, không bằng chất hóa học, giữ trong không khí thường, mà Thịt Máu vẫn tồn tại cách khác thường, là một hiện tượng không sao giải thích theo khoa học được.

Ngày nay, cứ 12 giờ trưa Chúa nhật thứ 2 sau lễ Phục sinh (lễ kính Lòng Thương Xót Chúa), người ta có thể đến nhà thờ thánh Longinô, để nhìn ngắm tận mắt Minh Máu Chúa.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 12

1. Con lừa thánh Antôn Padua quì lạy Minh Thánh.

Thánh Antôn thành Padova (1195-1231) là tu sĩ hèn mọn dòng thánh Phanxicô. Có thể nói ngài là một trong những vị thánh được kêu cầu nhiều nhất của Giáo Hội Công Giáo. Thánh Antôn gốc Bồ-đào-nha nhưng đã chọn Italia làm quê hương thứ hai và trở thành người Ý. Ngài có tên thật là Fernando. Tài hùng

biện kèm theo tâm tình đạo đức sâu xa đã khiến các Bề Trên gởi Cha Antôn đi thuyết giảng nhiều nơi. Linh Mục Antôn có biệt tài bề gãy mọi lý lẽ của bọn lạc giáo - cách riêng nhóm Albigeois - lúc ấy đang tung hoành tại Toulouse và vùng Tây Nam nước Pháp. Mức độ thánh thiện của Linh Mục tu sĩ Antôn trở vượt đến độ, chỉ vồn vẹn một năm sau khi ngài qua đời, Đức Giáo Hoàng Gregorio 9 (1227-1241) đã nâng Cha Antôn lên bậc hiển thánh! Đó là năm 1232.

Ưu điểm cuộc đời thánh Antôn là lòng tôn sùng Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể. Chính tâm tình kính yêu này đã giúp thánh nhân đánh bại mọi tấn kích vô thần đối với Đức Tin Công Giáo. Một ngày, thánh Antôn có mặt tại Toulouse để bác bỏ các lầm lạc của nhóm Albigeois liên quan đến bí tích Thánh Thể. Cuộc tranh cãi diễn ra vô cùng sôi nổi. Thánh Antôn lý luận rành mạch và vững mạnh đến độ nhóm lạc giáo phải cứng miệng. Cứng miệng nhưng không dễ đầu hàng. Họ cố gắng cầm cự cho đến phút chót. Sau cùng, trưởng nhóm lạc giáo đề nghị:

- Đẹp một bên các lý luận. Bây giờ chúng ta đi vào thực tế. Nếu ông có thể đưa ra một bằng chứng, qua một phép lạ tỏ tường, trước sự chứng kiến của toàn dân rằng: Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ hiện diện thật sự trong Bánh Thánh, thì tôi sẵn sàng từ bỏ lạc giáo và trở về với Đức Tin Công Giáo.

Đầy tin tưởng nơi quyền năng vô biên của Đức Chúa GIÊSU KITÔ Thánh Thể, thánh Antôn trả lời ngay:

- Tôi chấp thuận đề nghị của anh.

Ông lạc giáo Albigeois nói tiếp:

- Ở nhà tôi có một con lừa cái. Tôi sẽ nhốt nó vào chuồng và bỏ nó nhịn đói 3 ngày. Ngày thứ ba, tôi sẽ dẫn nó đến đây, trước mặt mọi người, và dọn cho nó một thùng kiều mạch thơm ngon. Còn ông, ông hãy đưa cho nó "cái" mà ông gọi là Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Nếu con vật bị đói mà không thèm ăn của ngon người ta dọn cho nó nhưng lại chạy đến cùng Đấng THIÊN CHÚA, mà theo lời ông, hết mọi thọ sinh phải bái gối thờ lạy, thì tôi sẽ trọn lòng tin nơi giáo huấn của Hội Thánh Công Giáo.

Đúng ngày hẹn, toàn thể dân thành Toulouse chen chúc có mặt tại quảng trường chính, nơi diễn ra cuộc thách thức. Tín hữu Công Giáo cũng như đồ đệ lạc giáo, mỗi người dấu ẩn một tâm tình riêng tư. Gần đó, trong một nhà nguyện, thánh Antôn dâng Thánh Lễ thật sốt sắng.

Bên ngoài, ông lạc giáo Albigeois kéo con lừa cái đến và truyền mang cho con vật thức ăn nó ưa thích. Nhóm lạc giáo có mặt đông đảo lộ vẻ hoan hỉ như cầm chắc thắng lợi. **Thánh Antôn từ thánh đường bước ra, tay giơ cao Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Giữa bầu khí im lặng như tờ, thánh Antôn lớn tiếng ra lệnh cho con lừa:**

- Nhân danh THIÊN CHÚA, Đấng tạo dựng nên người, và mặc dầu bất xứng, ta đang giữ Ngài trong tay ta, ta truyền cho người, hỡi con vật đáng thương, hãy mau lẹ đến quỳ gối thờ lạy Người. Phải làm cho các kẻ lạc giáo nhìn nhận rằng, mọi thọ sinh đều phục tùng Đấng THIÊN CHÚA Tạo Hóa mà vị Linh Mục Công Giáo được diễm phúc làm cho Ngài ngự xuống trên bàn thờ.

Cùng lúc ấy, người ta đưa thùng kiều mạch thơm ngon đến trước mặt con lừa. Lạ lùng thay, con lừa không đoái hoài đến thức ăn. Trái lại, nó nghe theo lệnh của thánh Antôn. Nó gập hai cẳng trước và quỳ xuống cung kính thờ lạy Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ.

Trước cảnh tượng này, các tín hữu Công Giáo vui mừng không tả xiết. Còn nhóm lạc giáo thì tỏ ra kinh hoàng rúng động. Trước phép lạ tỏ tường, ông trưởng nhóm lạc giáo Albigeois đã giữ đúng lời hẹn. Ông

từ bỏ lạc giáo và khiêm tốn trở về với giáo huấn chân thật của Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.

2. Thánh Clara (1194 - 1253)

Thánh Clara là thiếu nữ xinh đẹp của một gia đình giàu có ở Assisi. Khi mười tám tuổi, được khích động bởi một bài giảng của Thánh Phanxicô Assisi, ngài cương quyết noi gương các tu sĩ Phanxicô, thề sống khó nghèo, tận hiến cho Thiên Chúa. Gia đình ngài hoảng sợ, dùng võ lực ép buộc ngài phải trở về nhà; nhưng một đêm kia, trong một hành động vừa có tính cách khôn khéo và vừa có ý nghĩa, ngài lên ra khỏi nhà qua "cánh cửa người chết" (cánh cửa nhỏ để khiêng người chết ra ngoài), và đến với các tu sĩ Phanxicô. Trong một nhà nguyện nhỏ bé ở ngoại ô, Thánh Phanxicô đã cắt mái tóc của Clara và trao cho thánh nữ chiếc áo nâu thô kệch làm chiếc áo dòng. Sau đó, thánh nữ sống với các nữ tu dòng Bê-nê-đi-cô cho đến khi có thêm sự gia nhập của các phụ nữ khác, trong đó có cả người mẹ goá bụa của ngài và các phụ nữ thuộc gia đình quý tộc ở Florence.

Cộng đoàn nhỏ bé ấy dần dà được biết đến dưới tên Các Chị Em Hèn Mọn (các tu sĩ Phanxicô là Anh Em Hèn Mọn). Khi tu hội được thành lập, Thánh Phanxicô đề nghị Clara làm bề trên, nhưng ngài từ chối cho đến khi được hai mươi một tuổi. Các nữ tu trong dòng tận tụy trong việc cầu nguyện, chăm sóc bệnh nhân và thi hành việc bác ái cho người nghèo và người bị ruồng bỏ.

Họ sống theo một quy luật khắc khổ hơn bất cứ nữ tu hội nào khác trong thời ấy, và tuyệt đối khó nghèo, cả về phương diện cá nhân cũng như cộng đoàn. Họ đi chân đất, không có giường, mà nằm trên các khúc gỗ được kết lại và chần mền là vỏ cây gai dẹt thành. Gió mưa tha hồ lọt qua các vết nứt ở mái nhà cũng như vách gỗ. Họ ăn rất ít và không bao giờ ăn thịt. Thực phẩm của họ là tất cả những gì xin được. Bất kể sự khắc khổ của đời sống, những người theo Thánh Clara lại là những thiếu nữ xinh đẹp nhất Assisi và lúc nào họ cũng có niềm vui vì được sống gần Thiên Chúa.

Thật vậy, Thiên Chúa đã gìn giữ họ khỏi sự nguy hiểm khi bọn lính hung dữ đến tấn công Assisi và dự định bóc rập tu viện này trước hết. Lúc ấy, dù đang đau nặng, **Thánh Clara đã gắng gượng quỳ xuống trước công, tay nâng Minh Thánh trong mặt nhật và ngài cầu xin, "Lạy Chúa, xin hãy gìn giữ các nữ tu mà con không thể nào bảo vệ nổi."** Sau đó, dường như có tiếng trả lời: **"Ta sẽ luôn gìn giữ họ,"** và đồng thời **ngay lúc ấy, quân lính cảm thấy vô cùng sợ hãi và họ chạy tán loạn.**

Thánh Clara làm bề trên tu viện trong bốn mươi năm mà hai mươi chín năm ngài luôn đau yếu. Nhưng lúc nào ngài cũng vui vẻ vì cho rằng đó là sự phục vụ Thiên Chúa. Nhiều người cho rằng các nữ tu đau yếu là vì quá khắc khổ. Ngài nói, "Họ nói chúng tôi quá nghèo khổ, nhưng một tâm hồn có được Thiên Chúa vĩnh cửu thì có thực sự nghèo hay không?"

Thánh Clara từ trần ngày 11 tháng Tám 1253. Chỉ hai năm sau, ngài đã được Đức Giáo Hoàng Alexander IV Phong Thánh.

3. PHÉP LẠ TẠI BRAINE, NƯỚC PHÁP

Năm 1153

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 2, Regina xb, USA, 2002)

Vào thời kỳ phép lạ xảy ra, có rất đông người ngoại giáo sinh sống tại Braine, một thành phố thuộc tổng giáo phận Soissons. Nữ bá tước Agnes sống ở một lâu đài trong thành phố đã cố gắng chinh phục nhiều

người trở lại, trong số đó, bà dồn nỗ lực vào một thiếu nữ Do Thái xinh đẹp. Không coi sao lòng nhiệt thành của bà bá tước, thiếu nữ ấy vẫn ương ngạnh, không chịu tin kính Thánh Thể và giữ thái độ ngò vức. Quyết tâm chinh phục thiếu nữ về với đức tin, bà bá tước đã dùng thế lực để ép cô về sống tại lâu đài, và sau cùng, cô đã trở thành một hầu gái, và rồi một quận chúa tương lai.

Năm 1153, đức cha Anculphe de Pierrefonds, tổng giám mục Soissons, đã cử hành một thánh lễ đại trào trọng thể và tổ chức cuộc rước kiệu chung quanh thành phố Braine nhân dịp lễ kính Chúa Thánh Thần. Mọi cư dân tại Braine, kể cả những người ngoại giáo, đều tham gia các nghi thức, một phần vì tôn trọng đức tổng giám mục, một phần vì óc hiếu kỳ muốn xem các nghi thức tỉ mỉ đã được chuẩn bị.

Trong lúc hy tế Thánh Lễ đang được cử hành, đến phần tôn vinh Thánh Thể, thay vì nhìn thấy một Bánh Thánh, mọi người đều được thấy một con trẻ. Các tài liệu mô tả không thấy nói thị kiến kéo dài bao lâu, nhưng hiển nhiên là rất uy nghi và đầy ấn tượng đến nỗi những người ngoại giáo, lúc ấy được đầy Chúa Thánh Thần, đã đòi được chịu phép Thánh Tẩy. Người ta tin trong số những người xin chịu phép Thánh Tẩy, đã có cô thiếu nữ Do Thái mà bà bá tước cố gắng hoán cải.

Sau khi phép lạ xảy ra, nữ bá tước Agnes đã thiết lập một tu viện để gìn giữ Thánh Thể ấy trong nhiều thế kỷ.

Được biết vào năm 1233, tức là 80 năm sau phép lạ, đức hồng y Jacque de Virtry đã đến kính viếng và thờ lạy Thánh Thể phép lạ. Tuy nhiên, 15 năm sau, một sử gia thành Valois tên là Carlier phát hiện ra Bánh Thánh, theo qui luật. **Vào năm 1718, tức là hơn 550 năm sau phép lạ, Dom Martene đã nhìn thấy Bánh Thánh vẫn còn nguyên vẹn và được tả lại bằng với kích cỡ của một đồng tiền lớn.** Bình thường, chỉ còn là một chút bụi. Trước thời gian ấy, Bánh Thánh đã được lưu giữ trong một nhà tạm, cùng với chén thánh đã được sử dụng trong thánh lễ có phép lạ xảy ra.

Chiếc hộp bằng ngà đựng Bánh Thánh được coi như một báu vật. Khi các tu sĩ rời bỏ tu viện trong thời kỳ Cách Mạng Pháp (bùng nổ năm 1798), họ đã giao chiếc hộp ngà này cho ông Lambert, vị cảnh sát trưởng gìn giữ. Năm 1839, chiếc hộp ấy đã được trả lại cho nhà thờ Braine, và được giữ trong phòng áo trong một thời gian rất lâu.

Không những chỉ có Bánh Thánh và chén thánh, mà những lễ phục được sử dụng trong thánh lễ phép lạ ấy cũng được gìn giữ cẩn trọng. Chiếc áo lễ – lễ phục rộng bên ngoài linh mục mặc khi dâng thánh lễ – được may bằng lụa mịn, và được thêu công phu với những biểu tượng phụng vụ, vạt trước là gương mặt một thiên thần, vạt sau là con chiên Thiên Chúa. Viền quanh cổ là một vòng vàng, điểm xuyết thêm bằng những hạt ngọc xinh đẹp và một vài hạt đá quý. Vì vẻ đẹp và giá trị của chiếc áo lễ ấy, nhưng nhất là vì đã được mặc trong thánh lễ có phép lạ xảy ra, nên chiếc áo lễ ấy đã được các tín hữu rất quý trọng.

Vì có sự bất đồng ý kiến giữa các tu sĩ và ngài Heduin, một thành viên thuộc ngành cảnh vệ quốc gia, nên một cuộc kiểm tra đã được thực hiện từ ngày 21 – 24 tháng 4 năm 1790, chỉ một năm sau cuộc Cách Mạng Pháp bùng nổ. Họ khám phá thấy chiếc áo lễ quý giá đã biến mất. Ngài Heduin nhân cơ hội ấy đã khởi tố lên giới chức thành phố, và họ đã xúc tiến một cuộc điều tra. Hóa ra trước đó một năm, vị bề trên tu viện đã đem bán chiếc áo lễ ấy cho một thương gia tại thành phố Lyon để đáp ứng nhu cầu của tu viện và thánh đường. Người thương gia kia không chịu điều đình để hoàn lại chiếc áo lễ, nhưng đã dâng cúng số ngọc được gỡ ra trên chiếc áo.

Một bản phúc trình ghi rằng tất cả những vật dụng được sử dụng trong thánh lễ phép lạ ấy đã được lưu giữ trong thánh đường, kể cả những đồ đạc được dùng làm bánh lễ. Điều này dường như cũng được cuộc điều tra thời Cách Mạng Pháp xác nhận, liệt kê cụ thể tất cả những món đồ được dùng trong thánh lễ có

phép lạ. Bảng điều tra vẫn được giữ trong văn khố của văn phòng tại Laon; tuy nhiên, chính các món đồ thì đã thất lạc hoặc bị hư hại.

Cha sở hiện nay của nhà thờ Braine xác nhận phép lạ Thánh Thể thực sự đã xảy ra, và những cuộc cung nghinh đã được tổ chức trong nhiều năm trời để tôn kính Thánh Thể, nhưng hiện nay thì không còn.

4. PHÉP LẠ TẠI FERRARA, NƯỚC Ý

Năm 1171

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 3, Regina xb, USA, 2002)

Một tài liệu cổ xưa từ năm 454 đã nói về một địa điểm được gọi là một capital, nơi có bức ảnh Đức Trinh Nữ Rất Thánh của Giáo Hội Byzantine được sùng kính. Sau đó, số các tín hữu sốt sắng gia tăng, đưa đến việc kiến thiết một ngôi thánh đường nhỏ tại capital. Ngôi nhà thờ này được xây vào năm 657, tại khúc cạn của con sông và được đặt một cái tên phù hợp là S. Maria del Vado, tức là Đức Maria của khúc cạn. Chính tại ngôi thánh đường nhỏ bé ấy, gần 500 năm sau, một phép lạ Thánh Thể trọng đại đã xảy ra.

Vào Chúa Nhật Phục Sinh, ngày 28 tháng 3 năm 1171, cha Pietro de Verona chủ sự thánh lễ cùng với các cha Bono, Leonardo, và Aimone, trước sự tham dự của tất cả cộng đoàn dòng Kinh Sĩ Portuensi. Vào lúc Bánh Thánh được bẻ làm đôi, mọi người hiện diện đều sững sờ khi thấy một dòng máu từ Bánh Thánh phụt ra. Máu phụt mạnh và nhiều đến độ làm bắn tung toé lên mái vòm hình bán nguyệt hơi chệch về phía sau của bàn thờ. Không những các chứng nhân nhìn thấy dòng máu, mà còn thấy Bánh Thánh đã hóa thành thịt.

Tin về phép lạ nhanh chóng loan đến những người bên ngoài thánh đường, và những người này đồn thổi tin ấy khắp giáo xứ và cả những vùng lân cận, khơi lên một sự sốt sắng lạ thường.

Đức giám mục Amato của giáo phận Ferrara và đức tổng giám mục Gherardo của giáo phận Ravenna vội vã đến hiện trường. Các ngài cũng được nhìn thấy chứng cứ của phép lạ: máu và Bánh Thánh đã biến thành thịt. Các ngài xác nhận rằng máu ấy “là Máu thực rất lạ lòng của Chúa Giêsu.”

Tài liệu cổ xưa nhất kể về các chi tiết của phép lạ này là Gemma Ecclesiastica, được Geraldo Cambrense viết vào năm 1197. Tài liệu này đã được Antonio Samaritani, một sử gia sống tại Ferrara tìm thấy vào năm 1981. Nguyên bản hiện nay đang được lưu giữ tại London, một bản thảo được giữ tại Vatican. Tài liệu này xác nhận tại Ferrara, vào Chúa Nhật Phục Sinh, Bánh Thánh đã biến thành thịt.

Một tài liệu khác đề ngày 6 tháng 3 năm 1404 được đức hồng y Migliorati viết, cũng xác nhận điều lạ, và được đức Eugenio IV chính thức công nhận trong bửu sắc ngày 7 tháng 4 năm 1442. Ngoài ra, đức Benedict XIV (1740-1758) cũng đã công nhận phép lạ này, giống như đức hồng y Nicolo Fieschi đã làm vào năm 1519.

Trong số tất cả những tín hữu hành hương kính viếng bàn thờ phép lạ trên, đáng chú ý nhất có chân phúc giáo hoàng Pius IX, người đã hành hương đến nhà thờ này vào năm 1857. Ngài vừa chỉ vào những giọt máu, vừa reo lên: “Những giọt máu này giống như những giọt máu trên khăn thánh tại Orvieto!” (x. chương 11, về phép lạ ở Bolsena-Orvieto).

Vào năm 1500, ngôi nhà thờ chật hẹp được mở rộng, tôn tạo, và được nâng lên bậc vương cung thánh đường như hiện nay. Trong thời gian thi công, mái vòm cẩm thạch đã dính máu thánh, hiện nay vẫn còn

màu hường, đã được gỡ ra và chuyển sang nhà nguyện ở bên cạnh, và đặt vào một chỗ thật lộng lẫy. Ngôi đài hai tầng gồm có một bàn thờ ở tầng trệt; mái vòm được bài trí trên tầng hai. Một cầu thang dẫn lên hai bên bàn thờ giúp người xem có thể nhìn thật sát và quan sát mái vòm. Máu thánh hiện giờ mất trần vẫn còn nhìn thấy rõ, và được tôn kính trân trọng như một thánh tích phi thường.

Từ năm 1930, vương cung thánh đường này đã được đặt dưới sự cai quản của dòng Thừa Sai Máu Thánh, con cái tinh thần của thánh Gaspart del Bufalo, một vị tông đồ lớn, nhiệt thành cổ động lòng tôn thờ Máu Thánh Đấng Cứu Độ - một điều xem ra rất phù hợp.

Vào năm 1970, một nghi thức dài đủ một năm, kỷ niệm chín trăm năm phép lạ đã xảy ra.

5. PHÉP LẠ TẠI AUGSBURG, NƯỚC ĐỨC

Năm 1194

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 4, Regina xb, USA, 2002)

Lịch sử phép lạ này bắt đầu với một người đàn bà ở Augsburg, bà nảy ra ý nghĩ muốn giữ Thánh Thể trong nhà mình. Với mục đích này, vào một buổi sáng nọ, bà đã lên rước lễ và kín đáo lấy Thánh Thể ra khỏi miệng và đưa về nhà. Tại đây, bà đã tạo ra hai miếng súp, đặt Bánh Thánh giữa rồi hàn kín các mép lại, tạo nên một chiếc hộp đựng thô kệch. Bà đã giữ Thánh Thể như thế suốt năm năm trời; nhưng trong quãng thời gian ấy, lương tâm cắn rứt đến độ bà đã buộc lòng phải đem câu chuyện ấy trình bày với cha sở vào năm 1199, và cha sở đã tức tốc đi đến nhà bà và đưa Bánh Thánh về nhà thờ Thánh Giá.

Trong số những vị linh mục của giáo xứ lúc bấy giờ có một vị tên là Berthold làm ca trưởng ca đoàn được coi là một vị thánh. **Cha Berthold được ủy thác mở chiếc hộp súp, và chính ngài là người đầu tiên nhìn thấy phần Bánh Thánh ấy đã biến nên như thịt, có những gân đỏ rõ ràng.** Tất cả các linh mục tại cộng đồng chứng kiến việc mở chiếc hộp súp đều kinh ngạc. Họ bàn luận vấn đề một lúc lâu, và sau đó quyết định rằng họ có thể xác định tốt hơn tính chất của hiện vật nếu như bẻ làm hai phần. Trước sự ngỡ ngàng của các ngài, Thánh Thể không thể bẻ làm đôi bởi vì đã được kết chặt với nhau bằng những gân máu giống như các sợi chỉ. Khi ấy, các ngài xác nhận hiện vật ấy chính là thịt của Chúa Giêsu Kitô.

Trước cảnh tượng ấy, một số linh mục không nói nên lời, một số kinh hãi, và một số khác đề nghị giữ kín sự kiện biến thể ấy. Tuy nhiên, vị coi phòng áo kiến nghị nên tường trình sự việc cho đức giám mục, và thế là vấn đề lập tức đã được thông tri cho đức giám mục.

Trước sự hiện diện của đức giám mục Udalskalk, người đã cẩn thận xem xét Bánh Thánh phép lạ, nhiều tín hữu trong giáo xứ và các linh mục từ các nơi cũng đến chứng kiến phép lạ. Lúc ấy, đức giám mục ra lệnh đặt Minh Thánh phép lạ vào chiếc hộp súp và đưa về nhà thờ chính tòa.

Tại nhà thờ chính tòa, Minh Thánh đã được bày kính trong suốt thời gian từ lễ Phục Sinh đến lễ thánh Gioan Tẩy Giả. Trong thời gian này, một phép lạ thứ hai đã xảy ra: người ta nhìn thấy Minh Thánh nở to ra và làm vỡ chiếc hộp súp và tách ra ngoài. Minh Thánh màu đỏ máu tự động tách khỏi chiếc hộp súp bên ngoài, không do can thiệp nào của con người.

Theo đề nghị của đức giám mục, Minh Thánh phép lạ và những mảnh súp bấy giờ được đặt vào trong một chiếc hộp pha lê và được trả về nhà thờ Thánh Giá. Tại nhà thờ này, Minh Thánh phép lạ đã được lưu giữ trong chiếc hộp pha lê ấy một cách hoàn hảo trên 780 năm.

Đức giám mục Dekret, vào ngày 15 tháng 5 năm 1199, đã ấn định tổ chức những nghi lễ đặc biệt hằng năm để ghi nhớ phép lạ này. Ngày lễ kỷ niệm hằng năm được gọi là Fest des Wunderbarlichen Gutes, tức là ngày lễ Báu Tàng Phép Lạ Kỳ Diệu. Hằng năm, cứ vào ngày 11 tháng 5, lễ ngày được cử hành trọng thể, với những lễ phục đặc biệt.

Dần dần, những nhà thờ khác cũng bắt đầu mừng ngày lễ ấy, trong số đó có nhà thờ thánh Moritz; sau đó, năm 1485 là nhà thờ thánh George; năm 1496 là nhà thờ Domkirche; và vào khoảng năm 1639, lễ này đã được cử hành thường niên trong toàn thể giáo phận Augsburg, và các nhà thờ mới cũng sử dụng các nghi thức truyền thống ấy. Nhiều sự kiện được chữa lành bệnh xảy ra trong thời gian cử hành các nghi thức tôn vinh các phép lạ thánh.

Ngay sau biến cố năm 1199, nhiều chi tiết về vụ việc đã được ghi chép lại trong các tài liệu và được truyền bá rộng rãi. Thực hết sức may mắn, vì vụ hỏa hoạn vào năm 1314 tại Hl. Kreuzkloster, tức là tu viện Thánh Giá, đã thiêu cháy tất cả những giấy tờ nguyên gốc liên quan đến phép lạ. Qua nhiều thế kỷ, các văn gia người Đức đã dựa vào các bản tài liệu cũ có từ ban đầu. Từ ấy, đã có nhiều tài liệu liên quan về phép lạ cũng đã được phát hành.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 13

1. Phép lạ tại làng Santarem, nước Bồ (Portugal)

Năm 1266

Mình Thánh Tỏa sáng

(Có thể đọc tại: Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 6, Regina xb, USA, 2002).

Santarem, một làng nhỏ tại Bồ Đào Nha, tọa lạc giữa Fatima và thủ đô Lisbon, cách Fatima chừng 35 dặm.

Năm 1266, (có sách nói năm 1225, hoặc 1247) đang thời Đức Clementê IV làm Giáo Hoàng ở Roma và vua Alfonso III cai-trị Bồ-đào-nha, một truyện lạ Thánh-thể xảy ra ở nước Bồ như sau:

Một cặp vợ chồng cư ngụ ở đường Esteiras, thành phố Santarem.

Bà vợ, tương đối đạo hạnh, nhưng đau khổ vì chồng lạnh nhạt, bất trung.

Bà vợ rất buồn sầu. Bà hay lui tới nhà thờ thánh Stephan, gần ngay nhà bà, cầu xin Chúa và khấn thánh Stephan cho chồng mình trở về đàn chính.

Gần chỗ bà ở, có một mụ Do-thái hành nghề phù thủy. Thiên hạ đồn đãi bà ta có phép màu, trừ khử tà ma, yêu quái, thay đổi lòng người dễ dàng như trở bàn tay. Bữa nọ, bà vợ rầu rĩ quá, liền tìm đến mụ phù thủy, thổ lộ hết bầu tâm sự. Mụ phù thủy, giả nhân giả nghĩa, đăm chiêu, suy nghĩ một hồi, rồi nói:

- "Tôi bảo đảm hoán cải được chồng chị. Chỉ cần chị làm một việc. Nhưng chị hứa phải tuyệt đối giữ bí mật: Chị đi lễ, sau khi rước lễ chị lấy ngay Minh Chúa ra khỏi miệng, gói vào một cái khăn, đem đến cho tôi. Tất cả phép màu hoán cải chồng chị là nhờ ở đó.

Bà vợ dễ tin, xin làm y lời mục phù thủy. Một hôm, đi nhà thờ, rước lễ xong, bà lấy Minh Chúa ra khỏi miệng, ý tứ không để ai biết, bọc vào miếng vải nhỏ.. Rồi nhét cẩn thận vào khăn trùm đầu, đeo trước ngực... Bà ra về, định bụng tới nhà mục phù thủy...

Bà vừa bước chân ra khỏi nhà thờ, thì mấy người đang đứng đó thấy máu tươi loang lổ ở nút khăn trước ngực, chảy xuống cả tay. Họ ngỡ ngàng hỏi bà bệnh tật gì mà máu me như vậy. Bà nhìn xuống khăn, giật mình, mặt mũi tái mét, lấy tay che ngực, chạy thẳng về nhà.

Tới nhà, bà bỏ cả bọc có Minh Chúa, cả khăn trùm đầu vào một ngăn tủ. Khóa lại cẩn thận. Bà không muốn cho chồng hay bất cứ ai biết việc vừa xảy ra. Rồi suốt ngày bà sợ hãi, lo lắng tính toán, phải giải quyết ra sao?

Ông chồng suốt ngày đi vắng... Mãi khuya mới về, ông vào phòng ngủ với bà. Ngủ được một chập, ông giật mình, mở mắt, thì thấy trong ngăn tủ, chỗ bà giấu bọc Minh Chúa, có ánh sáng giãi ra, cả phòng sáng rực lên... như ánh sáng mặt trời giữa trưa từ ngoài rọi vào. Thêm vào đó, lại có tiếng nhạc đầu đàn du dương, trầm bổng, chen lẫn mùi nước hoa thơm tho, ngào ngạt thường...

Bà vợ biết không thể nào giấu giếm truyện kỳ lạ kia được nữa, mới xung thú, kể lại cho chồng đầu đuôi mọi sự... Cả ông cả bà sợ hãi, rối rít, không còn biết làm gì hơn, là cùng quỳ gối, sấp mặt xuống đất trước Minh Chúa giấu trong tủ.

Sáng sớm hôm sau, cả ông cả bà vội vã đến nhà thờ thánh Stephan, gặp cha sở, kể lại đầu đuôi mọi sự...

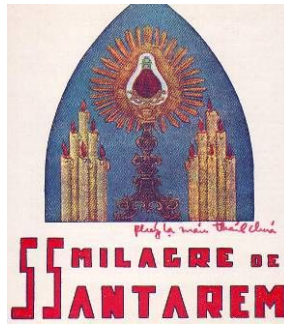
Cha sở đến tận nhà xem xét. Khi mở ngăn tủ, cha sở thấy bọc Minh Chúa bà kia đã giấu, có máu đỏ tươi loang lổ trên khăn... nhìn nhận Chúa đã làm một sự lạ phi thường, vừa để cảnh cáo những ai cản trở phạm thánh, vừa để chứng minh sự Chúa hiện diện thật sự trong hình bánh sau khi đã truyền phép...

Tin lạ đồn ra. Các nhà thờ trong thành phố đổ chuông. Giáo dân, xa gần, kéo đến nhà xây ra sự lạ.

Sau đó, linh mục, giáo dân, cờ quạt, chiêng trống, hân hoan rước Minh Chúa qua các đường phố Santarem về nhà thờ. Minh Thánh được đựng trong một chiếc hộp bằng sáp, và được lưu giữ cẩn thận trong Nhà Tạm.

Tưởng thế là xong, một phép lạ khác lại xảy ra. Lần kia khi cha xứ mở cửa Nhà Tạm, hộp trắng sáp đựng Thánh Thể đã bị vỡ tung thành nhiều mảnh. Thế vào đó, ngài đã làm một hộp pha lê đựng Máu Thánh. Hộp đó đã được giữ cẩn thận ở ngôi thánh đường này cho đến ngày nay.





Từ đó, ngôi thánh đường đã được đổi là: "Thánh Đường Phép Lạ".

Từ ngày phép lạ xảy ra, hằng năm, vào Chúa Nhật thứ hai trong Tháng Tư, dân địa phương đã diễn lại sự kiện trên, và Phép Lạ Thánh Thể đã được long trọng cung nghinh từ ngôi nhà xảy ra phép lạ về nhà thờ chính.

Từ năm 1684, căn nhà này đã trở thành nhà nguyện để cho khách thập phương kính viếng.

Phép Lạ Thánh Thể Santarem chỉ rời thành một lần vào lúc quân đội Napôlêon chiếm Bồ Đào Nha vào năm 1810. Vì dân làng lo sợ sự phạm thánh do tay những người Pháp, nên Thánh Thể đã được Đức Giám Mục thành Lisbon chuyển đi nơi khác. Ngài đã đặt Thánh Thể để các giáo hữu Lisbon tôn kính. Có người cho rằng ngài muốn giữ Thánh Thể vĩnh viễn tại thánh đường Pacao. Dân thành Santarem hay tin đã nổi giận và mở một cuộc biểu tình quá gây cản. Thế rồi, Phép Lạ Thánh Thể đã được đem về Santarem cách bí mật trong ngày 2/12/1811 nhưng dân Lisbon không hay biết gì. Phép Lạ Santarem được cất giữ cẩn thận và ít khi được đem ra trưng bày. Tuy nhiên, khách hành hương dễ dàng đến kính viếng và chiêm ngắm Máu Thánh. Minh Thánh được đặt trong một mặt nhật bằng vàng có 33 tia sáng cho tới ngày nay.

Bánh Thánh có hình khác thường với những đường máu chảy từ trên xuống dưới và người ta đã thu được một số lượng máu ở hộp đựng Bánh Thánh.

Bác sĩ Hoagland ở New Jersey đã đến viếng Bánh Thánh nhiều lần và nhận thấy rằng có nhiều lúc máu có màu như máu tươi, có những lúc như máu chết. Máu Thánh vẫn còn ở thể lỏng tới 750 năm sau khi Phép Lạ xảy ra vào đầu thế kỷ 13.



Sau khi được sự chuẩn nhận của giáo quyền Nhà Thờ Thánh Stêphanô được đổi tên là "Nhà Thờ Phép Lạ Thánh Thể."

Tu viện thánh Đa minh ở Santarem cũng được vinh dự lớn, tồn trữ một phần nhỏ miếng vải bà kia đã dùng bọc Minh Chúa...

2. PHÉP LẠ TẠI ALATRI, NƯỚC Ý

NĂM 1228

Một thiếu nữ quê tại thành phố Alatri mê say một chàng trai, nhưng anh này lại được nhiều cô ái mộ. Vì thất bại trong cố gắng chinh phục sự lưu tâm của anh ta, cô quyết định đi tìm một người có thể cho cô một thứ tình dục, và chẳng bao lâu cô đã tìm được một phụ nữ nổi tiếng thông thạo về những vấn đề như thế. Thiếu nữ này được cho biết hãy đi rước lễ rồi lấy Bánh Thánh ra và nhẹ nhàng đặt vào một chiếc khăn.

Thiếu nữ đã làm theo lời căn dặn và mẫn nguyện vì không ai phát giác ra việc lấy Bánh Thánh. Tuy nhiên, lương tâm của cô tức thì bị hoang mang. Đang lúc trên đường về, và nhất là khi bước vào nhà, cô xao xuyến quá mức đến độ phải quyết định đi giấu Bánh Thánh. Đặt Bánh Thánh vào một chiếc túi nhỏ, và giấu vào góc kho đựng bánh.

Hai ngày hai đêm đã trôi qua. Trong giấc ngủ chập chờn, cô bị những cơn ác mộng ám ảnh và tưởng như đã nghe những lời phán xét trầm đọa cô vào lửa muôn kiếp. Đến ngày thứ ba, trời vừa rạng sáng, cô chỗi dậy khỏi giường và đi lấy Minh Thánh. Trong lúc phân vân không biết có nên giao Minh Thánh cho người đàn bà đã chỉ bày cho cô hoặc đem trả lại cho nhà thờ, cô lấy chiếc túi ra và mở những nếp vải gấp. Đây đây kinh hoàng, cô thấy **Bánh Thánh không còn là tằm bánh nữa, mà đã chuyển sang màu thịt – mà là thịt còn tươi.**

Những tiếng khóc lóc thôn thức của thiếu nữ làm cả nhà chú ý, họ vội vàng chạy đến chỗ cô và nhìn thấy phép lạ. Họ đã nhanh chóng loan tin cho những người láng giềng. Tin báo lan truyền khắp cả xứ đạo, và với nỗ lực của những người đưa tin, cả thành phố đều bàn tán về sự kiện.

Khi được thông tri, cha sở đã đến ngôi nhà ấy cùng với mấy linh mục khác, ngài lấy chiếc túi đựng Bánh Thánh và dùng một chiếc khăn phủ lên. Trên đường trở về, thay vì đem Minh Thánh đến cho đức giám mục, cha sở quyết định đưa về nhà thờ xứ mình vì lòng nhiệt thành và nôn nao của đám đông dân chúng muốn được tận mắt chứng kiến phép lạ.

Người ta kể rằng trong số những người cùng đi với vị linh mục, có một người đã biến mất – đó là người phụ nữ trước kia đã đề nghị cách làm bùa yêu. Về sau, bà này thú nhận rằng khi nghe tin về phép lạ, bà đã trốn trong xó nhà, nghĩ cách chữa mình. Ngoài những điều khác, bà quyết định nói rằng mình là một con người cầu nguyện, tốt lành, và thật thà; chính thiếu nữ kia mới là một đứa dối trá đã đặt chuyện để vu khống bà. Sau khi an tâm vì tìm được đủ lý do bào chữa, bà cảm thấy lạc quan, và khi được những người đưa tin triệu đi trình diện đức giám mục, bà sẵn sàng đi với họ. Khi người phụ nữ nhận thấy đám đông không có ác ý với mình, bà cảm nghiệm được những tình cảm mới lạ nên quyết định sấp mình dưới chân đức giám mục xin ơn tha thứ.

Trong lúc đó, Minh Thánh đã được tôn kính trên bàn thờ đầy đèn nến và hoa lá tại nhà thờ chính tòa. Dòng người nối nhau hầu như bất tận đến cung chiêm phép lạ. Ngày hôm sau, những người từ các miền lân cận cũng tỏ vẻ hiếu kỳ. Trong lúc ấy, đức giám mục Giovanni của giáo phận Alatri hầu như lúc nào cũng bận rộn gặp gỡ các giới chức giáo quyền và dân sự muốn tìm hiểu vấn đề.

Trong khi mọi người đồng ý đây là một tội phạm thánh nặng nề, nhưng lại không biết nên xử hai người phụ nữ bằng hình thức sám hối nghiêm khắc nào để làm gương. Vì thế, đức giám mục Giovanni đã thảo một bức thư và gửi lên đức thánh cha Gregory IX, tường trình vắn tắt vụ phạm thánh và sự kiện lạ lùng của phép lạ sau đó. Bức thư cũng hỏi đức thánh cha nên áp dụng hình phạt nào cho những người đàn bà

đã thú nhận tội lỗi và thành tâm hối lỗi. Bức thư - mang con dấu của đức giám mục và chữ ký của các vị phụ tá - đã được một người chạy tin đưa đến Rôma.

Trong mùa Phục Sinh năm ấy, tức là năm 1228, đức giám mục giáo phận Alatri vui mừng thông báo cho các linh mục thư của đức thánh cha. Bức thư bằng giấy da đề ngày 13 tháng 3 với chữ ký của đức thánh cha hiện nay đang được lưu giữ cẩn thận trong văn khố của nhà thờ chính tòa giáo phận Alatri. Sau khi nhắc lại những sự kiện, đức thánh cha tuyên bố:

... Chúng ta hãy thể hiện lòng biết ơn hết sức chân thành với Đấng, ngoài việc luôn luôn thực hiện mọi công việc của Người một cách kỳ diệu, nhiều khi còn làm những phép lạ và thực hiện những điều lạ lùng tân kỳ để kêu gọi các tội nhân hối cải, qui hồi những người xấu xa, và phá tan những việc gian tà bằng cách củng cố đức tin, nâng đỡ đức trông cậy, và khơi lên đức mến của Giáo Hội Công Giáo.

Vì thế, hỡi chư huynh, qua bức tông thư này, Ta chỉ đạo chư huynh hãy ra một hình phạt rất nhẹ cho thiếu nữ, người mà theo ý kiến của Ta, đã phạm một tội lỗi nặng nề đường ấy chỉ vì yếu đuối hơn là vì sự gian tà xúi giục, nhất là khi xét đến việc thiếu nữ ấy đã thành tâm thống hối khi thú nhận tội lỗi. Tuy nhiên, đối với phụ nữ xúi giục, người đã dùng tà tâm mà xúi bẩy thiếu nữ phạm sự thánh, chư huynh hãy áp dụng những biện pháp kỷ luật mà chư huynh nghĩ là thích đáng; ngoài ra cũng phải ra lệnh cho kẻ này phải kính viếng tất cả các giám mục quanh vùng để xưng tội và nài xin ơn tha thứ trong tinh thần suy phục sốt sắng.

Bánh Thánh phép lạ vẫn nguyên vẹn qua nhiều thế kỷ, mãi cho đến năm 1700, khi đức giám mục Guerra nhượng cho đức hồng y Cybo một phần, được mô tả chỉ nhỏ bằng một hạt đậu hà lan. Phần nhỏ này được đức hồng y đặt trong một chiếc hộp và giao cho nhà thờ S. Maria degli Angeli alle Terme tại Rôma, nơi ngài muốn được mai táng sau khi qua đời. Tuy nhiên, khi các tu sĩ đảm trách nhà thờ này được chuyển chuyên đi nơi khác sau đó vài năm sau, có lẽ họ đã quên lời trời của đức hồng y và ước nguyện của ngài muốn lưu giữ phần Bánh Thánh phép lạ ấy tại nhà thờ này. Trong những năm gần đây, người ta đã cố công tìm lại phần Bánh Thánh ấy, nhưng vẫn chưa có kết quả.

Phần chính của Bánh Thánh phép lạ vẫn còn được lưu giữ tại nhà nguyện tôn kính phép lạ này trong nhà thờ chính tòa Alatri, và được bày kính công khai mỗi năm hai lần, vào Chúa Nhật sau lễ Phục Sinh và Chúa Nhật sau lễ Hiện Xuống. Vì tính cách khiêm ần, nên Bánh Thánh này được gọi là “Phép Lạ của Giới Nghèo.”

Năm 1960, nhân dịp mừng ngân khánh giám mục, đức cha Edoardo Facchini của giáo phận Alatri đã tuyên bố ngài “... nhận thức được đức tin sâu xa của dân chúng vào sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Thánh Thể, đức tin đã được củng cố nhờ phép lạ Bánh Thánh nhập thể, mà thánh tích đang được tôn kính và lưu giữ tại vương cung thánh đường của chúng ta.” Đức giám mục cho rằng dịp mừng này rất thích thuận để tiến hành việc công nhận thánh tích theo Giáo Luật, và công việc đã được xúc tiến với sự hiện diện của một vị giám mục khác và nhiều giáo sĩ.

Hộp đựng đã được đưa từ nhà nguyện đến một gian phòng trong vương cung thánh đường, ở đây, các dấu niêm được cẩn thận xem xét và thấy vẫn còn nguyên vẹn. Ông thủy tinh chứa Bánh Thánh được lấy ra khỏi hộp đựng, giải lụa đỏ cũng như dấu niêm của đức cha Pietro Saulini, giám mục Alatri, đã được xác nhận. Nhiều điều này được tuyên bố giống với tình trạng đã được mô tả trong các biên bản của lần xét nghiệm trước đó, ngày 1 tháng 12 năm 1886.

Sau khi phá dấu niêm, đức cha Facchini đã đưa Bánh Thánh phép lạ ra ngoài. Ngài tuyên bố **Bánh Thánh vẫn giữ nguyên hình dạng như lần xét nghiệm trước – tức là một miếng thịt có màu hơi nâu nâu**, “... có hình trụ của ống đựng, và hơi bóng bóng ở tất cả những phần tiếp xúc với chiếc ống.”

Sau khi đã tham khảo các nhân chứng và họ công nhận thỏa mãn với quá trình xét nghiệm, Bánh Thánh phép lạ đã được đặt lại vào ống thủy tinh và niêm bằng một dấu ấn kép, sau đó, được đặt vào một triều thiên bằng bạc và vàng, có hình thánh giá với những tia sáng dài gắn bằng vàng.

Vào năm 1978, nhân dịp kỷ niệm 750 năm phép lạ xảy ra, những nghi thức đặc biệt đã được cử hành và những buổi diễn thuyết đã được tổ chức. Các bài thuyết trình được gom lại trong một quyển sách, kể lại tường tận các chi tiết của phép lạ. Trong dịp lễ mừng 750 năm, đức cha Cesario D’Amato đã tuyên bố với cử tọa rằng: “Phép lạ vẫn còn đó. Thật là nhân tiên, bền vững, và chân thực.”

3 và 4- Hai Phép Lạ Thánh Thể tại Firenze (Bắc Italia)

Năm 1230 và năm 1595

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 7, Regina xb, USA, 2002)

Nhà thờ San Ambrogio, tọa lạc tại trung tâm thành phố Firenze (Florence) được vinh dự không những có một, mà là hai thánh tích Thánh Thể.



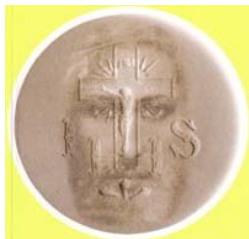
- **Phép lạ thứ nhất xảy ra vào ngày 29 tháng 12 năm 1230**, liên quan đến một vị linh mục lão thành tên là Huguccion (Ugccione) , khi ấy đang làm tuyên úy cho một nữ đan viện cạnh nhà thờ San Ambrogio.

Vào sáng hôm trước, sau khi dâng lễ, cha đã vô ý quên lau chén thánh, hoặc lau không kỹ, nên còn sót lại chút Máu thánh dưới đáy chén vàng. Sáng hôm sau, 30-12-1230, **khi rót rượu vào chén, ngài hết sức bàng hoàng vì thấy dưới đáy chén thánh có một lượng máu đông đỏ thẫm**. Giọt máu phân ra 3 phần đều nhau. Rồi 3 phần giọt máu kết hợp lại và nổi lên trên mặt rượu đổ vào, giống như giọt dầu nổi lên trên mặt nước.

Cha Huguccion bàng hoàng xúc động. Lòng Cha trào dâng niềm kính trọng thánh thiêng. Cha bỗng bật lên khóc nức nở. Các nữ tu Biển Đức vội vàng chạy lên bàn thờ vì nghĩ rằng có lẽ vị Linh Mục cao tuổi bị một bất ngờ chẳng. Nhưng khi lên đến nơi các Chị mới hiểu sự việc và kinh ngạc trước Phép Lạ Thánh Thể. Chị Taida - Nữ Đan Viện Trưởng - nhanh chân đi lấy một bình thủy tinh dùng để đựng Dầu Thánh và đưa cho vị Linh Mục. Cha Huguccion trang trọng đổ vào bình thủy tinh Giọt Máu Thánh cùng với phần rượu đổ vào Chén Thánh. Sau đó, Cha lấy lại bình tinh và tiếp tục dâng hết Thánh Lễ.

Giọt Máu Thánh được kính cẩn đặt vào Nhà Tạm. Nhưng 3 ngày sau, một Phép Lạ Thánh Thể khác diễn ra. Xuyên qua bình thủy tinh, người ta trông thấy **Giọt Máu Thánh giờ đây chuyển thành Tấm Thịt Thánh và treo lơ lửng bên trong bình thủy tinh, không chạm vào thành bình thủy tinh**. Ngoài ra phần rượu chưa được truyền phép bỗng chuyển thành màu hồng rồi khô đi và biến mất, không để lại dấu vết gì cả.

Tiếng vang Phép Lạ Thánh Thể đồn ra khắp thành Firenze. Vị Giám Mục giáo phận lúc bấy giờ là Đức Cha Ardingo. Ngài cử nhiều Linh Mục đến nhà thờ Thánh Ambrogio để lấy bình thủy tinh đựng Phép Lạ Thánh Thể và đem về điều tra thật kỹ lưỡng. Sau đó Đức Cha giữ thánh tích Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ tại tòa giám mục.



Tuy nhiên sắp đến ngày mừng lễ Thánh Ambrogio (339-397), các nữ tu Biển Đức muốn xin Đức Giám Mục trao lại thánh tích. Các Chị nhờ các Linh Mục dòng Phanxicô đến tòa giám mục rước về. Thế là Thánh Thể Phép Lạ được long trọng rước về nhà thờ Thánh Ambrogio giữa tiếng hát chúc tụng các bài Thánh Thi và Thánh Ca của một đoàn ngũ đông đảo các tín hữu Công Giáo đạo đức và sốt sắng.

Về phần Đức Cha Ardingo, vị Giám Mục dửng dưng cứng cỏi và thiếu lòng yêu mến kính trọng đối với Phép Lạ Thánh Thể, ngài sớm bị chính Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể khiển trách. Ngay đêm sau đó trong giấc ngủ, Đức Cha Ardingo nghe một tiếng nói rõ ràng rót vào tai: “Hỡi giám mục, người tiếp rước Ta lạnh lùng và trả lại Ta cũng lạnh lùng trở lại!” Tiếng nói lặp lại ba lần như thế. Vị giám mục giật mình thức giấc. Lời trách cứ khiến vị giám mục mở mắt tinh thần. Ngài hiểu ngay thái độ bất xứng của mình đối với Phép Lạ Thánh Thể trọng đại. Đức Cha Ardingo thật lòng ăn năn thống hối. Ngài lập tức đặt làm một Nhà Tạm bằng ngà nạm bằng vàng, và phủ khăn nhung đỏ thẫm. Đức Cha cho người mang Nhà Tạm đến nhà thờ các nữ tu Biển Đức để các Chị đặt vào Nhà Tạm Minh Thánh Phép Lạ Đức Chúa GIÊSU KITÔ.

Thế nhưng Minh Thánh Phép Lạ vẫn còn ở trong bình thủy tinh bình thường. Một lần nữa, chính Đức Mẹ MARIA lại can thiệp để Minh Thánh Chúa được cất giữ cách tương xứng. Đức Mẹ hiện ra trong giấc mơ với một thiếu nữ thuộc đan viện Thánh Ambrogio. Đức Mẹ truyền cho thiếu nữ báo cho Chị Margarita - nữ tu lo phòng thánh - biết: Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU vẫn chưa có nơi trú ngụ xứng đáng. Được ơn trên soi sáng, Chị Margarita hiểu ngay phải chuẩn bị một Chén Thánh thật đẹp thay cho bình thủy tinh đang đựng Minh Thánh Chúa. Sau khi đặt các nhà điêu khắc tài ba làm một Chén Thánh tuyệt mỹ, Đức Cha Ardingo đích thân đến nhà thờ Thánh Ambrogio. Chính ngài đặt Minh Thánh Phép Lạ vào trong Chén Thánh mới rồi long trọng đặt vào Nhà Tạm.

Sau 750 năm, lượng máu ấy vẫn còn được gìn giữ nguyên vẹn. Trong nhà thờ San Ambrogio, nơi Thánh Thể phép lạ được lưu giữ, những bức tường được trang trí bằng những họa phẩm của nghệ nhân Cosimo Rosselli diễn tả cuộc cung nghinh Máu Thánh phép lạ qua các đường phố thành Florence vào năm 1340, khi thành phố bị một trận bệnh dịch hoành hành.

-Phép lạ thứ hai xảy ra vào ngày 24 tháng 3 năm 1595, khi tấm vải bàn thờ chính bị cháy, làm hư hại bàn thờ và nhà tạm. Một bình đựng Minh Thánh lăn xuống sàn nhà và mở ra vì chấn động. **Những Bánh Thánh đổ ra trên tấm thảm dưới chân bàn thờ co lại và kết liền với nhau do sức nóng của ngọn lửa.** Tuy nhiên, khối Bánh Thánh này vẫn được giữ tốt nguyên sau gần 400 năm.

Ngày nay, hai Thánh Thể phép lạ ấy đã được lưu giữ trong cùng một mặt nhật. Trên chóp đỉnh là một hộp nhỏ, có một thiên thần nhỏ bằng vàng nâng giữ, hộp này có thể đựng một Bánh Thánh mới được

truyền phép. Phía dưới hộp này, ở giữa hai thiên thần lớn hơn, là một bình thủy tinh, người ta có thể nhìn thấy bên trong có một ống pha lê và lượng máu đông của phép lạ năm 1230. Bên dưới bình thủy tinh hình trụ này, và phía sau một tấm kính là một chiếc hộp đựng các Bánh Thánh phép lạ năm 1595, có thể được nhìn thấy rõ ràng. Mặt nhật đựng các thánh tích này được giữ tại một ngôi nhà nguyện có nhà tạm xinh đẹp được nghệ nhân Mino Fiesole điêu khắc vào năm 1481.

Hằng năm, mặt nhật đựng hai thánh tích Thánh Thể này được trưng bày tại nhà thờ San Ambrogio. Theo cha sở của giáo xứ, các phép lạ này "... là sự nhắc nhở mạnh mẽ về sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu trong bí tích Thánh Thể."

5- Phép Lạ Thánh Thể ở Daroca, Tây Ban Nha, năm 1239

(CHIẾN THẮNG NHỜ CHÚA GIÊSU THÁNH THỂ)

(Có thể đọc Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 8, Regina xb, USA, 2002)

Thành phố Daroca ở miền đông bắc Tây Ban Nha, thành này nằm sát thành Valencia.



Năm 1239, người Arập Hồi giáo muốn đánh chiếm Tây-Ban-Nha. Trước tiên, họ tiến chiếm thành Valencia, cạnh thị trấn Dacora. Valencia nằm về mạn Đông Nam Tây-Ban-Nha.

Một hôm, nhóm hồi giáo bất ngờ đem quân đông đảo nhằm đánh phá tan tành quân lực Công Giáo chỉ gồm khoảng 1 ngàn binh sĩ.

Thấy cơ nguy, nhóm binh sĩ Công Giáo vội chạy vào một lâu đài. Với con số quá ít so với địch quân, binh sĩ Công Giáo cầm chắc thất bại trong tay.

Vì thấy không còn hy vọng nơi bất cứ quyền lực thế trần, nhóm binh sĩ Công Giáo liền đặt trọn niềm tin tưởng nơi sự trợ giúp của Trời Cao. Họ bảo nhau chuẩn bị tinh thần trước khi khởi sự cuộc chiến bằng cách lãnh nhận hai bí tích Giải Tội và Thánh Thể.

Thế nhưng, hiểm nguy đến gần, thời giờ cấp bách mà chỉ có một Linh mục, nên tất cả binh sĩ không thể lãnh nhận bí tích Giải Tội cũng như rước Mình Thánh Chúa. Họ đề cử 6 tướng lĩnh tham dự Thánh Lễ thay cho toàn binh sĩ. Trong lúc đó, các binh sĩ Công Giáo túc trực hầu sẵn sàng đẩy lui mọi tấn kích của quân thù.

Sau khi 6 tướng lĩnh xưng tội, họ vây quanh bàn thánh sốt sắng tham dự Thánh Lễ. Thánh Lễ đến hồi Truyền Phép và sau đó mọi người chuẩn bị rước lễ. Nhưng vào chính lúc ấy, còi động vang lên báo hiệu quân hồi giáo đang tiến vào. Nhanh như chớp, 6 tướng lĩnh vợ vội vũ khí chạy như bay nhập hàng với

các binh sĩ khác cương quyết chống trả kẻ thù. Vì không muốn phơi bày Minh Thánh Chúa cho quân hồi giáo xúc phạm, vị Linh Mục cẩn trọng đặt tất cả Bánh Thánh vào Khăn Thánh, gói kín lại và giấu dưới một viên đá.

Tuy nhiên, Chúa GIÊSU KITÔ như cảm động trước tâm tình tín thác vô bờ của nhóm binh sĩ Công Giáo thành Valencia nơi sự trợ giúp của bí tích Thánh Thể. Ngài không để họ phải thất vọng. Chúa GIÊSU xuất hiện cách oai hùng, dẫn đầu đoàn binh Công Giáo ít ỏi kháng cự nhóm hồi giáo vô cùng đông đảo. Thế là nhóm Ả-Rập hồi giáo thất kinh hồn vía, ù té bỏ chạy như điên.

Quân lực Công Giáo Tây-Ban-Nha thắng trận vẻ vang. Đầy lòng tri ân trước chiến thắng bất ngờ, các tướng lĩnh Công Giáo quyết định thi hành chương trình thiêng liêng đã vạch ra trước khi bị tấn công: lãnh nhận Minh Thánh Chúa GIÊSU KITÔ. Vị Linh Mục hân hoan nhanh chân đến chỗ giấu ẩn mang Minh Thánh Chúa về bàn thờ. Nhưng lạ lùng thay, **khí vị Linh Mục mở Khăn Thánh ra thì thấy các Bánh**



Thánh lẩm tấm các giọt máu và Máu dính vào Khăn Thánh.

Có sách kể: "Cũng trong giờ phút trọng đại mừng chiến thắng này, vị linh mục tới nơi cất giấu Minh Thánh Chúa để rước về bàn thờ thì không thấy Minh Thánh Chúa nữa. Vị linh mục cùng với mọi người sốt sắng cầu nguyện lâu giờ thì được ơn trên soi sáng và vị linh mục mới tìm thấy. Vị linh mục cung kính rước về bàn thờ và khi mở Khăn Thánh ra, ngài vô cùng kinh ngạc là Minh Thánh Chúa đã biến mất, song để lại 6 vết máu in đậm trên khăn. Được trực tiếp chứng kiến sự kiện lạ lùng này, vị linh mục này tự hỏi lý do nào Chúa đã làm phép lạ này? Cuối cùng ngài nghĩ: Đó là dấu Thiên Chúa bảo vệ và yêu thương đoàn quân Công Giáo. Rồi ngài đem Khăn Thánh có Máu Thánh đặt trên bàn thờ cho các binh sĩ chiêm ngắm và thờ lạy Chúa hiện diện trên tấm Khăn Thánh lạ lùng này".

Thay vì tỏ ra kinh hãi các binh sĩ Công Giáo Tây-Ban-Nha nghĩ rằng, chính Máu Thánh Chúa GIÊSU KITÔ đã giúp cho cuộc giao tranh đi đến chỗ chiến thắng ngoài mức chờ mong

Trong khi đó, quân Ả-Rập hồi giáo sau khi chạy tán loạn, liền qui tụ lại. Họ hổ thẹn vì đã thất trận ê chề. Lần này họ cương quyết quay trở lại để đánh giết tan tành nhóm binh lính Công Giáo. Về phía binh sĩ Công Giáo, được củng cố nhờ sự trợ giúp thần linh của Chúa GIÊSU Thánh Thể, không hề tỏ ra nao núng sợ hãi. Họ xin vị Linh Mục cầm Khăn Thánh có in Máu Thánh Chúa GIÊSU KITÔ đứng trên nơi thật cao, làm thế nào để tất cả các binh lính Tây-Ban-Nha đều có thể trông thấy. Các binh sĩ Công Giáo hăng say chiến đấu. Họ xông tới giết trọn bộ nhóm quân hồi giáo

Chiến thắng vinh quang thứ hai chấm dứt cuộc giao tranh đẫm máu của quân Ả-Rập hồi giáo muốn đánh phá và chiếm đoạt thành Valencia của các tín hữu Công Giáo

(P. Eugène COUET, "Les Miracles Historiques du Saint Sacrement", Éditions D.F.T, Réédition 1998).

Vì Thánh Lễ đã được dâng trên cánh đồng ngoài thành phố Valencia, nên cả ba thành phố Teruel, Catalayut và Darôca đều tranh nhau cho rằng phép lạ xảy ra trên phần đất của mình và đòi quyền gìn giữ Khăn Thánh. Cuộc tranh dành này kéo dài khá lâu, mãi khi cả ba thành phố đều đồng ý giải pháp may rủi bằng cách là cung kính đặt tấm Khăn Thánh phép lạ trên mình con lừa, nếu con lừa đi về hướng thành phố nào thì thành phố đó được vinh hạnh lưu giữ tấm Khăn Thánh phép lạ quý giá này.

Cuộc bắt thăm may rủi hồi hộp diễn ra trước sự chứng kiến đông đảo của nhiều người thuộc cả ba thành phố. Con lừa kính cần mang trên mình tấm Khăn Thánh phép lạ từ từ cất bước. Mọi người chăm chú theo dõi, con lừa như có một sức hút vô hình, từ từ cất bước tiến thẳng về cổng thành phố Darôca. Thế là dân chúng thành phố này vui mừng reo hò tạ ơn Chúa và họ đã kính cần lưu giữ báu vật này cho tới ngày nay.

Một thánh đường được xây cất ngay trung tâm thành phố Darôca như là một chứng tích của Khăn Thánh phép lạ. Đến cuối thế kỷ thứ 15, đầu thế kỷ 16, thánh đường này đã được tu sửa mở rộng lớn hơn. Từ đây ngôi thánh đường này được mệnh danh là thánh đường Học Viện Mẹ Maria. Trên các tường nhà thờ lưu giữ Khăn Thánh phép lạ này, đã vẽ các cảnh diễn ra phép lạ rất đẹp. Phép lạ được loan đi khắp nơi và có nhiều tài liệu kể lại, đặc biệt là những tài liệu ghi lại biến cố phép lạ năm 1240.

Thời gian trôi qua, Khăn Thánh phép lạ Sagrados vẫn là sở hữu quý giá và tôn trọng của dân thành phố Darôca thuộc nước Tây Ban Nha ngày nay.

6. PHÉP LẠ TẠI OLMUTZ, NƯỚC TIỆP KHẮC **Năm 1242**

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 9, Regina xb, USA, 2002)

Trong thế kỷ XIII, khi người Tartar đang xâm lấn nhiều quốc gia, gieo rắc sự tàn bạo và hủy diệt, tướng Jaroslas xứ Sternberg đảm nhận công cuộc bảo vệ vương quốc Moravia trước nguy cơ sắp bị tấn công. Qui tụ được đạo quân 8000 người từ Bohemia và 4000 công dân Moravia, tướng Jaroslas đã đồn trú tại thành phố Olmütz kiên cố.

Địch quân lập tức kéo đến lãnh địa này và bắt đầu đốt phá các làng mạc, tàn sát tất cả những ai chống đối, ngay cả tu viện Gradie cũng không được tha. Sau khi đã chặt đầu các tu sĩ sống bên trong tu viện, quân Tartar đã thiêu rụi bình địa các tòa nhà. Sau đó, cột thủ cấp của các tu sĩ vào đuôi ngựa, chúng trưng tráo kéo đến thành phố và đóng quân ngay dưới cổng thành Olmütz.

Căm phẫn trước cảnh tượng ấy, quân binh của Jaroslas muốn tấn công lập tức; nhưng họ đã bị chủ tướng kiềm lại vì cho rằng phải chờ đợi một thời cơ tốt hơn mới tiến công quân thù. Tướng sự trì hoãn ấy là dấu hiệu sự nhất tâm, quân Tartar lơ lỏng cảnh giác, nhiều kẻ bỏ doanh trại khi cướp phá tại các làng quê.

Vào ngày lễ thánh Gioan Tẩy Giả, tướng Jaroslas khiêm nhượng xưng tội và lãnh nhận bí tích Thánh Thể. Theo gương sáng của ông, các binh sĩ cũng lãnh nhận các bí tích, chuẩn bị cho trận đánh được dự trù vào đêm hôm sau.

Chỉ một ít quân ở lại hậu tuyến để bảo vệ thành phố Olmütz, còn lại tất cả binh sĩ đều tập trung bên ngoài các cổng thành ngay sau nửa đêm để chuẩn bị trận đánh. Một lần nữa, các binh sĩ lại noi gương chủ soái, xuống ngựa và quì gối xuống đất. Khi mọi binh sĩ đã quì gối, Jaroslas dâng lời nguyện cầu lên Mẹ Thiên Chúa và hứa sẽ xây cất một thánh đường để tôn vinh Mẹ nếu như thắng trận. Sau khi cất tiếng tung hô Ave Maria, các binh sĩ lên ngựa ra khỏi đồn để xông đánh quân thù.

Không những xuất chinh dưới sự bảo trợ của Mẹ Thiên Chúa, quân đội Công Giáo còn được mạnh mẽ thêm nhờ sự hiện diện thực sự của Thánh Thể Đấng Cứu Độ. Năm Bánh Thánh đã được giữ lại sau khi các binh sĩ hiệp lễ ngày hôm trước. Jaroslas cho đặt các Bánh Thánh vào một bình thánh và nhờ một linh

mục cỡi ngựa mang vào trận chiến. Jaroslas so sánh trận đánh này với biến cố Cựu Ước, theo lệnh Thiên Chúa, hòm bia giao ước đã được quân Israel mang vào trận chiến (Jos. 6).

Dưới bóng đêm bao trùm, trận chiến đã diễn ra đẫm máu và số tử thương rất cao. Chủ soái quân Tartar bị giết chết và quân thù bị đánh tan tành, quân binh Công Giáo thắng trận vẻ vang. Kinh hoàng vì số quân tử trận quá đông và hoảng loạn vì chủ soái đã chết, người Tartar bỏ Moravia và trốn chạy về Hungary để chinh đồn hòng tiếp tục các cuộc chiến hủy diệt của chúng.

Cuộc chiến thắng quân Tartar được tôn nhận là do sự hiện diện của Thánh Thể ở chiến trường – nhưng đây chỉ mới là một phần của phép lạ mà thành phố Olmütz tự hào mà thôi.

Sau cuộc chiến, khi đem các Bánh Thánh trở về nhà thờ, vị linh mục sùng sờ khi thấy mỗi Bánh Thánh đều tỏa ra một hào quang màu hồng chung quanh. Khi ngài trình bày sự kiện này với cộng đoàn, mọi người đã chúc tụng Thiên Chúa toàn năng về cuộc vinh thắng và về dấu lạ chứng tỏ quyền năng và vinh quang của Người.

7 và 8. Hai PHÉP LẠ THÁNH THỂ TẠI REGENSBURG (NAM ĐỨC) Năm 1255 và 1257

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 10, Regina xb, USA, 2002)

Đã nhiều năm qua, tại thành phố Regensburg (trước kia có tên là Ratisbon) có hai nguyện đường mang tên Đấng Cứu Thế, và cả hai đều có những lịch sử kỳ diệu liên quan đến bí tích Thánh Thể.

1- Ngôi nguyện đường cổ xưa hơn được xây dựng vào năm 1255. Vào ngày 25 tháng 3 năm ấy, nhằm thứ Năm tuần Thánh, một linh mục tên là Dompfarer Ulrich von Dornberg theo lịch trình sẽ kiệu Thánh Thể cho các bệnh nhân trong giáo xứ. **Khi đến một dòng suối nhỏ có tên là Bachgasse, vị linh mục cẩn thận bước lên miếng ván hẹp bắc qua dòng nước, nhưng ngài bị trượt chân và đánh rơi bình thánh đang mang theo. Các Bánh Thánh rơi ra khỏi bình và rớt trên bờ suối, khó khăn lắm vị linh mục mới nhặt hết lên được.**

Khi hay tin, các bản đạo trong xứ đã quyết định xây một nhà nguyện tại bờ suối, nơi các Bánh Thánh đã bị rơi bấn để đền tạ sự bất kính đối với bí tích Thánh Thể – mặc dù sự cố xảy ra ngoài ý muốn. Việc xây dựng khởi công ngay hôm ấy và ngôi nguyện đường bằng gỗ đã được hoàn tất ba ngày sau, tức ngày 28 tháng 3. Đức giám mục Albert của giáo phận Regensburg đặt tên cho kiến trúc bằng gỗ nhỏ bé ấy là nguyện đường Đấng Cứu Thế và làm phép vào ngày 8 tháng 9 năm 1255. Phép lạ Regensburg đã xảy ra tại ngôi nguyện đường này hai năm sau đó.

Kể từ sau khi nhà nguyện được thánh hiến, các tín hữu Công Giáo kéo đến đông đảo kính viếng nhà nguyện. Có lẽ chính vì lòng đạo đức tôn kính Mình Thánh Chúa của các tín hữu Regensburg mà Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể đã làm một phép lạ.

2- Phép lạ xảy ra năm 1257 như dấu chứng khẳng định Đức Tin của các tín hữu Công Giáo đối với bí tích Tình Yêu Nhiệm Mầu. Câu chuyện diễn tiến như sau.



Một Linh Mục đến dâng Thánh Lễ nơi nhà nguyện. Vào lúc đọc lời truyền phép rượu, vị Linh Mục bỗng đâm ra nghi ngờ. Ngài phân vân tự hỏi:

- Làm sao lời do người phàm đọc lại có sức nhiệm mầu biến đổi rượu thành Máu Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ được?

Tâm hồn vị Linh Mục thật sự bị bắn loạn bởi tư tưởng gây hoang mang cho niềm tin tuyệt đối vào sự hiện diện đích thật của Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể. Trong lúc do dự và không giờ cao Chén Thánh cho giáo dân thờ lạy thì vị Linh Mục bỗng nghe tiếng động nhẹ từ phía Cây Thánh Giá bên trên Nhà Tạm. Đôi tay của tượng Đức Chúa GIÊSU chịu đóng đinh từ từ tiến về phía vị Chủ Tế và giắt lấy Chén Thánh giờ cao cho tín hữu thờ lạy Máu Thánh Chúa.

Trước phép lạ tỏ tường, vị Linh Mục liền quì sụp xuống. Niềm nghi nan giờ đây nhường chỗ cho nỗi lo âu kinh hoàng, cùng lúc nảy sinh Đức Tin không lay chuyển. Vị Linh Mục khiêm tốn xưng thú lỗi lầm, công khai xin tha thứ và cảm động khóc ròng. Như dấu hiệu chứng nhận lòng thống hối và đức khiêm tốn của vị Linh Mục, Chúa GIÊSU Cứu Thế hạ đôi tay xuống và đặt Chén Thánh vào đôi tay vị Linh Mục.

Kể từ sau phép lạ Thánh Thể, nhà nguyện trở thành nơi hành hương đầu ái của các tín hữu Công Giáo thành Regensburg cũng như của toàn nước Đức. Mỗi lần đến kính viếng nhà nguyện, các tín hữu thường quảng đại dâng cúng tiền bạc cũng như lễ vật.

Vào năm 1267, một tu viện đã được xây dựng cạnh bên nguyện đường bằng đá. Tu viện này được trao cho các đan sĩ dòng thánh Augustine và được các vị soi sóc cho đến năm 1803.

Lịch sử ngôi nguyện đường thứ hai mang tên Đấng Cứu Thế tại Regensburg khởi đầu vào năm 1476, khi một thiếu niên 13 tuổi đánh cắp một bình thánh đựng nhiều Bánh Thánh. Trong khi chạy xuống phố, cậu ta đã ném các Bánh Thánh vào một ngôi nhà. Khi tìm thấy các Bánh Thánh, người ta đã lượm lên hết sức cung kính và tổ chức nghi thức rước về nhà thờ chính tòa với sự hiện diện của đức cha Henry IV, giám mục giáo phận Regensburg.

Chủ nhân của ngôi nhà, nơi thiếu niên đã vứt bỏ Minh Thánh, rất kinh hoàng hãi sợ trước biến cố phạm thánh. Với sự trợ giúp của những người láng giềng, ông đã xây dựng một nhà nguyện trong năm ấy. Ngôi nguyện đường Chúa Cứu Thế này tọa lạc tại Weissen-Hahnen-Gasse, trong hẻm Gà Trông Trắng (White Rooster Alley).

Vào năm 1542, tức bốn năm trước khi Martin Luther qua đời, ngôi nguyện đường này đã bị những người Tin Lành tiếm dụng. Suốt nhiều thế kỷ qua, nó đã được dùng làm quán trọ.

Được biết có nhiều nghi thức và những cuộc rước kiệu truyền thống đã được tổ chức tại Regensburg để tôn kính Thánh Thể.

Năm 1620 chính quyền thành phố khởi công xây cất một thánh đường lớn bên cạnh nhà nguyện nhỏ và nhà nguyện nhỏ cũng được sửa lại bằng đá. Đức Giám Mục giáo phận giao cho các Tu Sĩ dòng Thánh Augustino trông coi nhà thờ và nhà nguyện. Các Tu Sĩ có nhiệm vụ lo phần Phụng Vụ, đọc kinh nguyện và phục vụ các tín hữu hành hương. Các vị chu toàn bổn phận cho đến năm 1803 là năm bị tục hóa.

Đến năm 1838 nhà thờ bị hư hại rồi bị tàn phá bình địa. Nhưng nhà nguyện nhỏ nơi diễn ra Phép Lạ Thánh Thể vẫn tiếp tục kiên cố với thời gian. Nhà nguyện được tu sửa và được trang hoàng thật đẹp.

Vào năm 1855, nguyện đường này xuống cấp và bị phá bỏ. Vì tiếc nuối sự mất mát, dân chúng lại xây dựng một nhà nguyện khác tại khu vực ấy. Tuy nhiên, trong thời kỳ Thế Chiến I, ngôi nguyện đường ấy đã bị tục hóa.

Ngày 18-9-1855 Đức Cha Valentino tái thánh hiến nhà nguyện.

Ngày nay nhà nguyện có bị cũ đi, nhưng Cây Thánh Giá với tượng Đức Chúa GIÊSU KITÔ làm phép lạ vẫn còn đó như dấu chứng Đức Tin kiên vững của các tín hữu Công Giáo Đức. Họ thường xuyên đến kính viếng nhà nguyện và thờ lạy Đức Chúa GIÊSU KITÔ Thánh Thể ẩn náu trong Nhà Tạm.

9. BOLSENA-ORVIETO, NƯỚC Ý

Năm 1263

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 11, Regina xb, USA, 2002)

Vào năm 1263, một vị linh mục người Đức là cha Peter thành Prague ghé lại Bolsena trên đường hành hương đến Rôma. Ngài có tiếng là một linh mục đạo đức, nhưng lại thấy khó tin việc Chúa Kitô thực sự hiện diện trong Thánh Thể. Lúc cử hành thánh lễ trên mồ thánh Christina (ngay trong nhà thờ mang tên của ngài), **đang khi vị linh mục vừa đọc lời truyền phép, tức thì máu bắt đầu từ Bánh Thánh ứa ra và chảy lai láng trên bàn tay của vị linh mục, trên bàn thờ và khăn thánh.**

Vị linh mục hết sức hoang mang. Lúc đầu, ngài định che giấu máu ấy, nhưng rồi ngài đã dừng ngang thánh lễ và xin được đưa đến thành phố Orvieto gần đó, nơi đức GH Urban IV đang cư ngụ.

Đức Thánh Cha lắng nghe tự sự và xá tội cho vị linh mục. Ngài cũng gửi các đại diện xúc tiến cuộc điều tra lập tức. Khi mọi dữ kiện đã được xác minh, Đức Thánh Cha truyền cho đức giám mục giáo phận phải kiệu Bánh Thánh và khăn thánh đã dính các vết máu về Orvieto. Cùng với các hồng y, tổng giám mục, và các bậc vị vọng khác trong Giáo Hội, Đức Thánh Cha ra tiếp đón đoàn rước, và bằng nghi lễ trang trọng, ngài đã đưa các thánh tích vào lưu giữ trong nhà thờ chính tòa. Tám khăn thánh mang các vết máu hiện nay vẫn được lưu giữ và trưng bày tại nhà thờ chính tòa giáo phận Orvieto.

Được biết nhờ phép lạ này soi động, đức Urban IV đã đặc ủy cho thánh Thomas Aquinas soạn bài lễ và bài kinh Thần Vụ để tôn kính Thánh Thể là Mình Thánh Chúa Kitô. Một năm sau phép lạ, vào tháng 8 năm 1264, đức Urban IV đã giới thiệu các công trình của thánh nhân, và bằng một bửu sắc, ngài đã thiết lập lễ kính Mình Máu Thánh Chúa Kitô.

Sau khi kính viếng nhà thờ chính tòa Orvieto, **hiều tín hữu hành hương và du khách đi đến nhà thờ thánh Christina tại Bolsena để tận mắt chiêm ngưỡng nơi phép lạ đã xảy ra. Từ cánh phía bắc của nhà thờ, ta có thể đi vào nguyện đường Phép Lạ, nơi có các vết máu trên sàn nhà thờ được biết là do máu thánh từ Bánh Thánh phép lạ.** Bàn thờ phép lạ, phía trên có một bức tường thế kỷ IX, hiện nay được đặt trong hang đá thánh Christina. Gần đó có một bức tượng của vị thánh.

Vào tháng 8 năm 1964, nhân dịp kỷ niệm 700 năm thiết lập lễ kính Mình Máu Thánh Chúa Kitô, đức Paul VI đã cử hành thánh lễ tại bàn thờ nơi tấm khăn thánh đang được lưu giữ trong một đài kính bằng vàng trong nhà thờ chính tòa Orvieto. (Đức Thánh Cha đã công du đến Orvieto bằng máy bay trực thăng; ngài là vị giáo hoàng đầu tiên trong lịch sử đã sử dụng phương tiện giao thông này).

Mười hai năm sau, cũng chính vị giáo hoàng này đã đến kính viếng Bolsena và phát biểu qua truyền hình trực tiếp đến đại hội Thánh Thể Thế Giới lần thứ bốn mươi một, khi ấy đang bế mạc tại thành phố Philadelphia. Trong bài diễn từ, đức Paul VI đã ca ngợi Thánh Thể là "... một mẫu nhiệm cao cả và khôn thấu."

10, 11- Hai Phép lạ Thánh Thể ở Paris, Pháp Năm 1274 và 1290

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 12, Regina xb, USA, 2002)

1- Vào năm 1274, dưới thời vua Philip III, một tên trộm đã đánh cắp một chén thánh của nhà thờ thánh Gervais tại Paris và bí mật đem đến Champ du Landit gần tu viện thánh Denis. Tại đây, hắn mở chén thánh bằng vàng và đổ Bánh Thánh ra – nhưng khi chén thánh vừa mở ra, **Bánh Thánh đã bay vọt lên và lơ lửng trên đầu hắn**. Một số nông dân nhìn thấy Bánh Thánh lơ lửng trên đầu một Thanh niên đang hót hoàng liên vội vàng đi thông báo cho cha Mathieu de Vendome, bề trên tu viện thánh Denis, và ngài đã thông tri cho đức giám mục Paris.

Cả cha bề trên và đức giám mục cùng với các vị chức sắc từ các nhà thờ lân cận vội vã đến Champ du Landit, tại đây, mọi người đều thấy Bánh Thánh lơ lửng trên không trung. Khi vị linh mục đã truyền phép Bánh Thánh ấy đến gần để xem xét sự kiện đang xảy ra, Bánh Thánh liền đậu xuống tay ngài trước mặt rất đông dân chúng. Nhiều người trong số này đã cùng với vị linh mục kiệu Bánh Thánh trở về nhà thờ, nơi đã bị đánh cắp. Bánh Thánh này trong tình trạng nguyên vẹn và đã biến mất trong một cuộc phá hoại chống Công Giáo trong thời Cách Mạng Pháp.

Sau phép lạ, đức giám mục ra lệnh cho nhà thờ thánh Gervais phải hát thánh thi vào mọi ngày thứ Sáu để tưởng nhớ, và tổ chức một buổi hát kinh Thần Vụ đặc biệt vào ngày mùng 1 tháng 9. Những nghi thức này đã được cử hành suốt nhiều năm cho đến khi Bánh Thánh biến mất.

2- Nhưng 16 năm sau đó, vào năm 1290, Paris lại được vinh dự có một phép lạ Thánh Thể còn nhân tiền hơn nữa. Phép lạ thứ hai này liên hệ đến một người phụ nữ nghèo túng, không có một của gì đáng giá, ngoại trừ chiếc áo bà phải đi cầm để đổi một món tiền nhỏ sinh sống. Gần đến Chúa Nhật Phục Sinh, bà ước ao được ăn vận đàng hoàng để đi dự lễ, nhưng vì không có đủ tiền để chuộc lại chiếc áo, bà đã đến nhà người cầm đồ để xin mượn lại chiếc áo chỉ một ngày. Người cầm đồ là một kẻ ngoại đạo, tò mò về Bánh Thánh các tín hữu được lãnh nhận trong thánh lễ, đã đề nghị người phụ nữ sẽ được nhận lại chiếc áo mãi mãi nếu như đem đến cho ông tám bánh đã được truyền phép mà vị linh mục sẽ trao cho bà khi hiệp lễ.

Đồng ý với lời đề nghị đáng hổ thẹn này, người phụ nữ nghèo đã đi dự thánh lễ và rước lễ. Sau khi lén lút lấy Bánh Thánh ra khỏi miệng, bà đã đem giao lại cho người cầm đồ. **Ông này đã đặt Bánh Thánh trên một chiếc bàn. Và rồi, trước mặt người phụ nữ và các con của mình, ông rút một chiếc dao nhỏ và đâm túi bụi vào Bánh Thánh. Bỗng nhiên, dòng máu từ những vết đâm tuôn ra xối xả, bắn tung tóe vào người đàn bà và lũ trẻ.** Kinh hãi trước hiện tượng máu chảy, người đàn ông ném Bánh Thánh vào lò lửa gần bên, nhưng Bánh Thánh bay lơ lửng trên ngọn lửa, không hề bị ngọn lửa hay sức nóng làm hại. Sau đó, vì rùng rờ hốt hoảng, **ông ta chộp lấy Bánh Thánh trên ngọn lửa và ra sức hủy diệt bằng cách thả vào một ấm nước sôi.**

Nước lập tức đổi ra màu đỏ, giống như máu. Nước máu ấy trào ra khỏi chiếc ấm, lai láng xuống nền nhà và chảy ra ngoài đường, làm cho người qua lại phải chú ý.

Một người phụ nữ đứng bên ngoài thối mắc sự tình đã đi vào trong nhà và được thị kiến Chúa Cứu Thế đang đứng trước ấm nước. Một lúc sau, thị kiến chấm dứt, **nhưng bà lại thấy Bánh Thánh lơ lửng trên không. Khi Bánh Thánh từ từ hạ xuống**, bà đã lấy một chiếc bình gần đó và đón Bánh Thánh vào chiếc bình. Sau đó, hết sức thận trọng cung kính, Bánh Thánh được đem đến nhà thờ thánh Jean-en-Grevé, nơi Bánh Thánh đã được gìn giữ như một kho tàng quý giá và được tôn vinh bằng nhiều nghi thức, nhất là vào ngày lễ kính Minh Máu Thánh Chúa Kitô.

Người ta kể lại trước cảnh tượng nước đỏ như máu, người cầm đồ kinh hoàng đã lẹ làng trốn vào một hồ than, nhưng sau đó hắn ta đã bị bắt và kết tội phạm thánh.

Vua Philip IV (tức là vua Philip Công Bằng) và đức giám mục Paris được thông báo về phép lạ liền ngay sau đó, và sau cùng, ngôi nhà nơi phép lạ xảy ra đã được biến thành một nguyện đường.

Vào năm 1444, biến cố lạ lùng này đã trở thành chủ đề của một vở kịch mang tựa đề Mầu Nhiệm Bánh Thánh. Vào năm 1533, vở kịch này lại được công diễn nhân dịp lễ kính Minh Máu Thánh Chúa Kitô.

Phép lạ phi thường này đã được cha Giry điều tra và tường trình trong cuốn sách của ngài có nhan đề *Fête du Tres-Saint Sacrament (Ngày lễ Thánh Thể)*, trong đó, ngài đã cô kêu gọi các tín hữu Công Giáo hãy mừng các ngày lễ được thiết lập để ghi nhớ phép lạ này. Phép lạ cũng được đức cha Guerin, đồng lý văn phòng của đức Leo XIII điều tra. Đức cha Guerin kể lại các dữ kiện liên quan đến biến cố này trong cuốn *Hạnh Các Thánh (Vies des Saints)* của ngài và tuyên bố phép lạ ấy là chân xác.

Nguyện đường đền tạ được kiến thiết trong ngôi nhà phép lạ đã xảy ra về sau được thay thế bằng một nhà thờ lần lượt mang nhiều tên khác nhau: *La Maison ou Dieu fut Bouilli* (ngôi nhà nơi Thiên Chúa bị nấu), *L'église du Sauveur Bouillant (nhà thờ nơi Đấng Cứu Thế bị nấu)*, *La Chapelle du Miracle (nguyện đường phép lạ)* – và sau cùng, được gọi bằng hai danh hiệu: nhà thờ thánh Francis và đền thánh của dòng Billettes. Nhà thờ này được xây dựng vào thế kỷ XIV trên chính nơi phép lạ đã xảy ra, và được các tu huynh dòng Bác Ái xây dựng – được gọi là các thầy Billettes vì họ mặc những áo vai nhỏ hình chữ nhật, làm người ta nghĩ đến những tờ truyền đơn.

Các tu sĩ dòng Kín Đức Mẹ núi Carmel đã thay thế các tu huynh dòng Bác Ái và hoàn tất công trình kiến thiết nhà thờ vào năm 1756, nhưng đến năm 1812, nhà thờ này lại thuộc quyền sở hữu của những người Tin Lành.

Nối liền với nhà thờ này là tu viện xây kiểu trung cổ của dòng Billettes, một tu viện đơn sơ duyên dáng được bảo tồn hoàn hảo và thường được các du khách đến viếng thăm.

12- Phép Lạ Thánh Thể ở Slavonice, Tiệp Khắc, Năm 1280

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 13, Regina xb, USA, 2002)

Phép lạ tại Slavonice được kể lại rất đơn sơ. Vào năm 1280, khi đang chặn dẫn đoàn vật trên các cánh đồng ngoại vi thành phố, một người du mục rất ngạc nhiên khi thấy một ngọn lửa kỳ lạ bốc cháy trên ngọn các bụi cây mọc trên đồi đá. **Khi đến gần hiện trường, ông thấy bên trong ngọn lửa có một Bánh Thánh nguyên vẹn, không bị ngọn lửa và sức nóng làm hại.** Vị linh mục được mời đến hiện trường đã

nhận ra Bánh Thánh ấy là Bánh Thánh trong chiếc bình thánh quý giá đã bị đánh cắp vào đêm giao thừa năm trước. Tuy không tìm ra tội phạm, nhưng hiển nhiên hấn đã vứt bỏ Bánh Thánh tại chính nơi Bánh Thánh đã tỏ hiện này.

Cùng với các bôn đạo trong xứ vôi vàng đến chứng kiến ngọn lửa kỳ lạ, sau đó vị linh mục đặt Bánh Thánh vào một chiếc bình đem theo, và trở về thành phố gần đó. Khi đến gần cổng thành, người ta nhận ra Bánh Thánh đã biến mất khỏi chiếc bình. Một lần nữa, họ lại thấy Bánh Thánh ở trên ngọn lửa trên đồi đá. Sau khi đón lấy Bánh Thánh, vị linh mục cùng các giáo hữu lại đi về thành phố. Nhưng Bánh Thánh lại biến mất một lần nữa. Chỉ sau khi vị linh mục và các giáo hữu hứa sẽ xây dựng một đền thánh tại chính địa điểm phát hiện, Bánh Thánh mới ở lại trong bình thánh để trở về nhà thờ giáo xứ.

Lời hứa đã được tôn trọng, và chính trên đồi đá đã mọc lên một ngôi nguyện đường, nhưng chẳng bao lâu đã trở nên quá chật chội so với số tín hữu hành hương, kể cả từ những miền rất xa xôi, để tôn thờ Bánh Thánh kỳ diệu. Đức giám mục Dietrich của giáo phận Olmütz, và sau đó, đức giám mục Gregory của giáo phận Prague đã ban nhiều ân xá cho các tín hữu hành hương.

Nguyện đường này tiếp tục trở thành một nơi thu hút mạnh mẽ cho đến đầu thế kỷ XV, khi nhóm người theo bè Huss kéo đến gieo rắc sự hủy diệt và tà thuyết. Nguyện đường đặc ân bị phá hủy bình địa, mặc dù đồi đá nhỏ vẫn còn nguyên tại chỗ.

Sau khi những người của bè Huss bỏ đi, một ngôi nguyện đường khác đã được tái thiết trên chính địa điểm ấy vào năm 1476. Nguyện đường này đã được đức giám mục giáo phận Olmütz làm phép và đặt tên là nhà thờ Minh Thánh Chúa Kitô. Như ngôi nguyện đường đầu tiên, ngôi nhà thờ này cũng trở nên quá nhỏ bé so với số tín hữu tiếp tục đến hành hương. Vì vậy, ngôi nhà thờ ấy lại được mở rộng và hoàn thành vào năm 1491, đó chính là ngôi nhà thờ còn tồn tại đến ngày nay. Sau đó, Đức Thánh Cha đã ban ơn toàn xá cho tất cả những ai sốt sắng kính viếng nhà thờ này và thành thực thống hối để lãnh nhận bí tích Thánh Thể. Được biết vì ơn toàn xá mà dòng người hành hương đông đúc đến độ cần phải có nhiều linh mục để cho những người muốn hưởng nhờ đặc ân rước lễ.

Một điểm hấp dẫn nữa của nhà thờ này là bàn thờ Ôn Thánh, được xây trên đồi đá chính xác ngay tại địa điểm ban đầu. Tại nơi đây, các thánh lễ vẫn đang được cử hành. Bàn thờ này ở phía trước bàn thờ chính một khoảng và nổi bật cả về vị trí lẫn cách trang trí. Trên bàn thờ ơn thánh là một bức tượng điêu khắc hai thiên thần đang thờ lạy một Bánh Thánh chung quanh có những ngọn lửa và tia sáng. Một bức phù điêu trong nhà thờ diễn tả cảnh người mục tử chỉ về hướng những ngọn lửa trên cánh đồng, trong khi một đoàn người, có cờ quạt dẫn đầu, từ nhà thờ giáo xứ tiến ra.

Hằng năm, ngày kỷ niệm tìm ra Bánh Thánh vẫn được tổ chức và gọi là Bauern Feuerfest, ngày Lễ Lửa của Người Miền Quê.

13- PHÉP LẠ THÁNH THỂ OFFIDA, Năm 1273

Máu Thánh tuôn trào lần thứ hai ở Lanciano , nước Ý

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 14, Regina xb, USA, 2002)

Phép lạ Thánh Thể tại Offida thực sự đã xảy ra ở thành phố Lanciano, địa điểm của phép lạ đầu tiên khoảng năm 700. Phép lạ thứ hai này - hiện nay đang được lưu giữ tại Offida cách Lanciano chừng 60 dặm về hướng bắc - không xảy ra với một linh mục hồ nghi như phép lạ thứ nhất; nhưng vì sự bất hòa của một gia đình bất hạnh.

Một người phụ nữ tên là Ricciarella, vợ của ông Giacomo Stasio, hết sức đau khổ vì cuộc hôn nhân bất hạnh, đã cố gắng hết khả năng để chiếm lại tình yêu của chồng. Cuối cùng, một thợ thủ công đã mách cho Ricciarella cách thế để đạt được tình yêu của chồng. Thợ ta khuyên Ricciarella "đi rước lễ, và đưa Bánh Thánh về nhà bếp, rồi hâm nóng trên lửa cho đến khi lấy được chất bột. Bà phải trộn chất bột này vào thức ăn hoặc thức uống của chồng, và thế nào ông này cũng sẽ yêu thương bà".

Trong cơn tuyệt vọng vì hoàn cảnh u uất, Ricciarella đã đi dự thánh lễ, rước lễ, và lén lút nhả Bánh Thánh từ miệng vào vạt áo. Sau khi đưa về nhà, Ricciarella đặt Bánh Thánh lên một miếng ngói hình bán nguyệt, giống như thứ ngói vẫn được lợp ở trên nóc hoặc ở mép mái nhà. Sau đó, bà đặt miếng ngói lên ngọn lửa. **Ngay khi Bánh Thánh được đốt nóng, thay vì hóa thành bột, Bánh Thánh lại biến thành một miếng thịt đầy máu.** Kinh hoàng trước sự kiện xảy ra, Ricciarella dừng ngay công việc rồi đổ tro và sáp lỏng lên miếng ngói, nhưng không thành công. Miếng ngói dính đầy máu, nhưng thịt vẫn còn nguyên.

Cuống quít tìm cách loại bỏ chứng cứ tội phạm thánh của mình, Ricciarella lấy một tấm khăn bàn bằng nỉ có thêu lụa và ren gói miếng ngói và Bánh Thánh đẫm máu lại. Mang tất cả ra ngoài, bà đi đến chuồng ngựa và chôn ngay bên dưới hố rác của gia đình và đóng phân chuồng gia súc.

Chiều tối hôm ấy, khi người chồng là Giacomo đưa ngựa vào gần đến chuồng, con vật không chịu vào. Trái với tính thuần thục bình thường, con vật cứ ngang ngạnh, mặc dù bị chủ đánh đập dã man. Sau cùng, con ngựa cũng chịu, nhưng thay vì đi vào phía trước, nó đã đi vào cửa bên cạnh, hướng đầu về phía đồng rác, và sau cùng đã quì gối xuống. Giacomo nổi điên lên trước cảnh tượng ấy và kết tội vợ đã bỏ bùa vào chuồng làm cho con vật sợ hãi không dám vào. Ricciarella dĩ nhiên chối phăng tất cả và không dám hé môi về nguyên nhân của sự khó.

Năm 1280, sau bảy năm trời, Thánh Thể vẫn bị chôn bên dưới đồng rác, và trong quãng thời gian ấy, những súc vật vẫn chỉ ra vào bằng cổng bên cạnh, và tỏ dấu cung kính về phía đồng rác.

Thay vì được bình an như cô công tìm kiếm đến nỗi phạm sự thánh, thì ngược lại, suốt ngày thâu đêm, lúc nào Ricciarella cũng bị dày vò hối hận vì tội lỗi. Sau cùng, bà quyết định đi xưng thú những gì đã làm với một linh mục thuộc tu viện thánh Agostino tại Lanciano là cha Giacomo Diotallevi, quê ở Offida.

Quì gối xưng tội, nhưng Ricciarella nghẹn lời vì quá thẫn thức, cho dù được cha giải tội khích lệ đừng sợ hãi và hãy an tâm. Sau cùng, vẫn không sao thú được tội phạm thánh, bà xin cha giải tội giúp đỡ, và ngài đã lần lượt kể ra nhiều thứ tội khác nhau. Kể đến thứ tội cuối cùng mà vẫn chưa thấy Ricciarella thú nhận một tội nào, cha Giacomo đành nói, "Tôi đã kể cho chị tất cả những giống tội có thể phạm. Tôi không biết tội chị là tội gì, trừ phi chị giết Đức Chúa Trời."

Ricciarella trả lời, "Đó chính là tội của con! Con đã giết Đức Chúa Trời!" Sau đó Ricciarella đã kể lại đầu đuôi tội phạm sự thánh của mình.

Quá kinh ngạc trước những điều sau cùng mới được kể ra, cha Giacomo ban phép xá giải cho Ricciarella, khích lệ bà hãy an lòng, và cấp tốc lo liệu để đưa Thánh Thể ra khỏi đồng rác.

Sau khi mặc phẩm phục xứng đáng, cha đến chỗ chuồng vật, bắt chập bệnh tật, và bắt đầu bới tung đồng rác đầy phân bón. Trước sự ngỡ ngàng, cha phát hiện ra mảnh ngói, **Bánh Thánh đẫm máu, và chiếc khăn bàn, tất cả không hề bị vấy bẩn và trông như vừa mới bị chôn xuống.** Cha Giacomo sau đó đưa miếng ngói, Bánh Thánh, và chiếc khăn về tu viện của ngài.

Sau đó vài ngày, khi đã được phép của bề trên, cha Giacomo đi về Offida, quê hương của ngài, và kể lại phép lạ với cha Michele Mallicano và nhiều vị chức sắc danh tiếng của thành phố. Mọi người đồng ý Bánh Thánh phải được tôn thờ xứng đáng và phải đặt một bình đựng đặc biệt để lưu giữ. Một số lượng bạc rất nhiều đã được dâng cúng để làm bình đựng. Sau đó, các vị cũng quyết định ủy thác cho các nghệ nhân tại Venice trách nhiệm làm một bình đựng có hình thánh giá thật nghệ thuật để lưu giữ Bánh Thánh phép lạ, và cả một mảnh gỗ từ thánh giá của Chúa Kitô.

Cha Michele cùng một linh mục khác đưa Bánh Thánh đựng trong một chén thánh đến Venice. Tại đây, ngài giao cho một nghệ nhân kim hoàn chế tạo một bình đựng đặc biệt và đòi ông phải thề giữ bí mật về việc này. Khi vừa nhận chén thánh đựng Bánh Thánh, nghệ nhân đã phát một con sốt kịch liệt. Ông ta đang sống trong tình trạng tội trọng. Nhưng **sau khi ông xưng tội, cơn sốt đã bớt hẳn.**

Khi làm xong bình đựng hình thánh giá, nghệ nhân đặt mảnh gỗ thánh giá thật và Bánh Thánh phép lạ vào những hộp pha lê riêng biệt rồi trao bình đựng cho hai linh mục, và các ngài lập tức rời Venice về Offida. Tuy nhiên, nghệ nhân kim hoàn này đã không giữ lời thề, ông đem kể mọi sự với tổng trấn thành Venice, đề nghị lấy lại bình đựng hình thánh giá và những báu tàng bên trong của hai vị linh mục để lưu giữ tại Venice. Viên tổng trấn đồng ý và phái một con tàu chặn đường hai vị linh mục. Nhưng **một cơn bão nổi lên chặn đứng chuyến thủy trình, và nỗ lực ấy đành phải hủy bỏ.**

Khi hai vị linh mục đến Ancona, các thương nhân Venice kể cho các ngài biết ý định của tổng trấn và cuộc thoát khỏi kỳ diệu của các ngài. Được Thiên Chúa che chở không ngừng, hai vị linh mục đã bình an về đến Offida cùng với thánh giá quý báu của họ.

Trong thời gian những biến cố này xảy ra, tất cả đều được ghi chép vào giấy da, nhưng không may, hiện nay chưa tìm lại được. Tuy nhiên, bản chính thức do viên lục sự Giovanni Battista Doria thực hiện, đề ngày 18 tháng 4 năm 1788, hiện nay vẫn còn được lưu giữ.

Phía trên bàn thờ chính của đền thánh thánh Augustine tại Offida, còn gọi là đền thánh Thánh Thê Phép Lạ, người ta thấy một thánh đài rất nghệ thuật đựng thánh giá bằng bạc bên trong có chứa Thánh Thê phép lạ. Viên ngói Ricciarella dùng để đốt nóng Bánh Thánh hiện vẫn còn dấu nám và những vết máu, được giữ trong một chiếc hộp hình chữ nhật bằng kính. Tấm khăn bọc miếng ngói và Bánh Thánh đầm máu cũng được đặt trong hộp kính. Các bức họa vẽ lại những diễn tiến của phép lạ được trưng bày trong nhà thờ.

14. Minh Thánh chảy máu khi bị xúc phạm, Năm 1290

Thời vua Philippe le Bel cai trị nước Pháp (1285-1314), năm 1290, có một bà nghèo mà đạo đức tốt. Bà phải đem cầm chiếc áo cho một người Do Thái. Đến gần lễ Phục Sinh bà đến mượn lại chiếc áo đi dự lễ như người ta. Người chủ cho thuê đồng ý trả lại chiếc áo không lấy tiền vốn và lời với điều kiện buộc bà là chịu lễ xong phải nhả Minh Thánh ra và đem về cho anh ta. Bà bắt chước Giuđa bán Chúa Giêsu. Ép buộc nghe lời, bà nhả Minh Thánh vào khăn đem về cho tên kia. **Nó để Minh Thánh trên bàn lấy dao nhọn đâm nhiều lát. Máu trong Minh Thánh chảy ra. Vợ nó cảm động nhưng nó vẫn chai đá, lấy búa và đinh đóng đinh Chúa Giêsu. Máu Chúa tiếp tục chảy lai láng. Nó đem Minh Thánh vào lửa đốt, song Minh Thánh bay lên khỏi lửa. Nó lại lấy Minh Thánh bỏ vào chảo nước sôi, nước trong chảo trở ra đỏ như máu và Minh Thánh bay lên cao biến thành hình Chúa Giêsu Chịu Nạn.** Khi thấy dân chúng còn kéo nhau đến nhà thờ, thì đưa con của anh Do Thái chạy lại báo cho giáo dân hay là "ba tôi đã giết Chúa của quý vị rồi". Nghe vậy, một bà già bộ vào nhà nó xin lửa, thì bà thấy mọi sự y như vậy và thấy **Ảnh Chuộc Tội còn trên không. Rồi Ảnh này biến thành bánh trắng như trước và đến ngụ vào chiếc hộp nhỏ**

bà đang có đưng trong tay. Bà này đã đem nộp hộp có Minh Thánh cho cha sở Saint Jean en Grève để thờ kính trong nhà thờ cho tới khi chiến tranh tràn tới.

Đức Giám Mục Paris gọi anh Do Thái kia lại khuyên ăn năn trở lại, nhưng nó không chịu, ngài mới trao nộp cho quan. Quan bèn cho thiêu sống. Vợ con và một số bạn bè đã trở lại. Còn khu nhà đó đã phá đi và xây một nhà thờ.

15. Tội bất kính với Minh Thánh, cầu bị sụp

Năm 1277, cha xứ ở Maestrich, nước Pays-Bas đem Minh Thánh cho kẻ liệt, đi ngang qua cầu sông Meuse, gặp lũ trẻ đang nô giỡn nhảy múa trên cầu, mà không có đứa nào quì lạy hay tỏ vẻ cung kính.

Khi cha vừa đi qua khỏi cầu, tự nhiên cầu lún xuống xập ngay, làm đông trẻ em trên cầu chết hết.

Được biết xưa kia, mỗi khi linh mục đem Minh Thánh cho kẻ liệt, thường có vài giáo dân đi theo, như đám rước nhỏ, Để ai thấy mà tôn kính.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 14

1. PHÉP LẠ TẠI HASSELT, NƯỚC BỈ

Năm 1317

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 15, Regina xb, USA, 2002)

Constant Van der Straeten, một sử gia danh tiếng, trong nhiều năm là một viên chức của nhà thờ chính tòa Hasselt, đã kể vắn tắt lịch sử của phép lạ này.

Một linh mục từ Viversel, giúp đỡ các linh mục tại thành phố Lummen, được nhờ kiệu Minh Thánh đến cho một bệnh nhân trong làng. Mang theo một Minh Thánh trong bình, vị linh mục vào nhà người bệnh và đặt bình thánh trên bàn rồi đi vào một gian phòng khác để nói chuyện với gia đình.

Trong lúc vị linh mục không có ở đó, một người đang mắc tội trọng lảng vảng vào phòng và mở nắp bình, cầm Bánh Thánh và lấy ra. **Lập tức, Bánh Thánh bắt đầu chảy máu. Quá hoảng sợ, người ấy đặt Bánh Thánh vào bình rồi nhanh chóng bỏ chạy. Khi trở về lấy bình thánh, vị linh mục phát hiện nắp đã bị mở ra và kinh ngạc khi thấy Bánh Thánh chảy máu.**

Thoạt đầu không biết phải làm gì, nhưng sau cùng vị linh mục đã đưa bình thánh và Bánh Thánh về cho cha sở và kể lại những điều đã xảy ra. Cha sở khuyên ngài hãy đưa Bánh Thánh phép lạ đến nhà nguyện của các nữ tu dòng Citeaux tại Herkenrode cách đó chừng 30 dặm.

Tu viện này được xây gần thành phố Liege vào thế kỷ XII và là cơ sở đầu tiên của các nữ tu Citeaux tại Bỉ. (Một vị nổi tiếng của cộng đoàn này là thánh nữ Lutgarde, người được in các dấu thánh, sống từ năm 1182 – 1246). Ngay trong thời kỳ suy thoái của dòng Citeaux, cộng đoàn này vẫn không ngừng phát triển và được xếp vào số những cộng đoàn quan trọng nhất tại các quốc gia miền trung (tức là Hà Lan,

Bỉ, và Lục-xâm-bảo). Vì danh tiếng thánh thiện của cộng đoàn đáng kính ấy, cha sở tự nhiên cảm thấy Bánh Thánh phép lạ phải được lưu giữ một cách xứng đáng tại nguyện đường của tu viện này.

Vị linh mục đi đến nguyện đường dòng Citeaux, và ngay khi ngài vừa đến bàn thờ và đặt Minh Thánh lên, lập tức mọi người hiện diện đều được **thị kiến Chúa Kitô đội mũ gai**. Qua đó, dường như Chúa tỏ dấu đặc biệt muốn được kính thờ tại đây. Herkenrode nhanh chóng trở thành một trong những địa điểm hành hương danh tiếng nhất tại Bỉ.

Bánh Thánh được lưu giữ cung kính tại nguyện đường ở Herkenrode cho đến tận năm 1796, vào thời kỳ Cách Mạng Pháp, khi các nữ tu bị trục xuất khỏi tu viện. Trong thời kỳ kinh khủng ấy, Bánh Thánh được giao phó cho các gia đình thay nhau coi giữ. Được biết có thời kỳ Bánh Thánh đã được đặt trong một hộp thiết và giấu trong bức tường nhà bếp của một ngôi nhà.

Vào năm 1804, Bánh Thánh lại được lấy ra khỏi nơi cất giấu và được cung nghinh trọng thể đến nhà thờ thánh Quentin tại Hasselt. Ngôi thánh đường kỳ quan được xây dựng từ thế kỷ XIV mang nét Gothic này có những bức tranh quý giá của thế kỷ XVI và XVII kể lại những diễn tiến của phép lạ. Nhưng quan trọng hơn, nhà thờ thánh Quentin vẫn lưu giữ Bánh Thánh phép lạ năm 1317, và hiện nay vẫn còn trong tình trạng nguyên vẹn.

2. PHÉP LẠ THÁNH THỂ WALLDURN NƯỚC ĐỨC (GERMANY), NĂM 1330 (Trong Máu Thánh có hình Chúa)

Vào thế kỷ 14, Chúa Giêsu đã cho chúng ta nhiều Phép Lạ Thánh Thể để đối phó với những nhóm rối đạo "Chống Thánh Thể" khắp cả Âu Châu. Mỗi lần Ngài bày tỏ chính mình trong hình thức này, phép lạ kéo theo sau một sự kính cần mới với Thánh Thể, và sự trở lại đại thể với Giáo Hội và các Nhiệm Tích.

Năm 1330, ở phố nhỏ Walldurn nằm giữa Frankfurt và Wurzburg, Chúa đã ban cho chúng ta một trong những ơn đặc biệt này. Dù vậy, chút xíu nữa Walldurn cũng hồng chống lại Ngài. Lần kia, một vị Linh Mục cao niên, tên Heinrich Ottô, đang dâng Thánh Lễ tại Nhà Thờ Thánh George ở Walldurn. Sau khi giờ cao Minh Thánh và Chén Thánh để truyền phép, ngài va mạnh vào Chén Thánh và làm đổ Máu Cực Thánh Chúa Giêsu lên chiếc khăn thánh. Ngài lo ngại vì sự vụng về của mình, nhưng sự lo ngại trở thành sửng sốt khi xem thấy những gì xuất hiện trên khăn thánh. **Rượu đã trở thành Máu thật, làm thành một hình Chúa Kitô Tử Giá. Hình Chúa Giêsu Tử Giá được 11 đầu Chúa Giêsu đội mũ gai bao quanh.**

Cha Ottô mất bình tĩnh. Toàn thân ngài run lên. Theo bản năng, ngài muốn che dấu sự sai lầm của mình là đã làm đổ Máu Thánh Chúa Giêsu trên chiếc khăn thánh. Ngài không nghĩ ra sự rủi ro này là một ơn trên được ban xuống. Đứng ra ngài phải giơ Chiếc Khăn Thánh Lạ Lùng lên cao cho cộng đồng thấy, chúc tụng Chúa vì đã ban ơn này cho giáo dân thuộc Nhà Thờ Thánh George qua cách thực hiện bất xứng của mình. Nhưng ngài đã không làm thế. Ngài đẩy tấm khăn thánh qua một bên và tiếp tục dâng Thánh Lễ. Chúng ta thực không biết vị Linh Mục đã có những xúc cảm nào ngoài sự xấu hổ và hối hận vì đã gây nên tai biến ấy.

Khi Thánh Lễ bế mạc và cộng đồng đã ra về, Cha Ottô mở tấm khăn thánh ra một lần nữa để xem khi sự vô ý xảy ra cặp mắt mình có đáng tin cậy không. Cảnh tượng được Chúa Giêsu miêu tả trên bức họa huyền diệu này càng hiện lên rõ ràng hơn lúc ban đầu. Đó là hình Chúa Giêsu trên Thánh Giá, ở thế bị đóng đinh. Quanh Ngài là 11 đầu Chúa Kitô Tử Giá, tất cả đều quấn mũ gai. Vị Linh Mục nhìn chăm chăm vào Hình Ảnh Thiên Quốc vì dường như nó mang về vĩnh cửu. Ngài nhìn quanh Ngôi Giáo

Đường. Xem ra chỉ có mình ngài. Ngài lấy chiếc khăn thánh và dấu trong cái bàn bên dưới Bàn Thờ. Ngài rất cẩn thận trong việc che dấu này để không ai có thể tìm ra.

Vì sao có 11 đầu Chúa Giêsu đội mũ gai chung quanh hình Chúa Kitô Tử Giá? Đây là Phép Lạ Thánh Thể duy nhất được Thiên Chúa ban cho chúng ta với sứ điệp huyền nhiệm hoặc tượng trưng. Có hai lối giải thích: 1) Mười một Tông Đồ lia bỏ Chúa Giêsu khi Ngài chịu đóng đinh. Dưới chân Thánh Giá, chỉ có Gioan, Môn Đệ Chúa Yêu, khóc thương Ngài. Mười một trong mười hai Tông Đồ chịu Tử Đạo vì Chúa Giêsu. Chỉ có Gioan, Môn Đệ Chúa Yêu chết già.

2) Lý do thứ hai là từ lúc sự lạ xảy ra đến khi ngài đành tỏ lộ bí mật, vị Linh Mục phải chịu sự dằn vặt tâm trí cả thể. Ít lâu sau biến cố ấy, ngài lâm bệnh. Ngài không thể làm phai nhạt Hình Ảnh tấm khăn thánh khỏi tâm trí. Đêm, ngài Hình Ảnh ấy cứ ám ảnh ngài. Vị Linh Mục biết rằng mình không nên che dấu phép lạ này. Tuy nhiên, càng bị dằn vặt, ngài nghĩ tình trạng càng tệ hơn nếu cuối cùng ngài khai thú. Tuy nhận ra rằng phép lạ phải được chia sẻ cho toàn thể Giáo Hội, nhưng ngài vẫn do dự.

Giờ lâm chung đã đến. Vị Linh Mục biết rằng mình không thể chết nếu không gỡ mình khỏi tội chèn ép mảng này, nó đã ám ảnh ngài từ ngày biến cố ấy xảy ra. Ngài mời một Linh Mục bạn và xưng thú đầu đuôi câu chuyện cho Linh Mục ấy. Cha Ottô xin Linh Mục kia chờ khi mình đã chết mới lấy tấm khăn thánh ra khỏi chỗ ẩn giấu. Phép lạ phải được chia sẻ cho tất cả mọi người để nhờ đó họ được củng cố trong đức tin vào sự Hiện Diện Thể Lý của Chúa Kitô trong Thánh Thể. Cha Ottô cảm thấy rằng làm như thế ngài sẽ được tha tội. Vị Linh Mục bạn ban phép giải tội cho Cha Ottô. Sau khi làm việc đền tội, Cha Ottô qua đời bình an.

Linh Mục đã giải tội cho Cha Ottô và vài Linh Mục bạn chạy vào Thánh Đường để nhìn tận mắt phép lạ Cha Ottô đã nói. Họ tiến đến cái bàn bên dưới bàn thờ là nơi cất giấu phép lạ và đã tìm thấy tấm khăn thánh mang vết máu. Sự việc y như Cha Ottô đã thuật lại cho họ. Vết máu và hình Chúa Kitô Tử Giá vây quanh bởi 11 đầu đội mũ gai vẫn còn đó. Họ quì xuống tôn kính phép lạ vĩ đại mà Chúa Giêsu đã ban cho họ.

Trong một nghi lễ trang trọng, tấm khăn thánh được phô bày để các tín hữu tôn kính. Walldurn trở thành nơi hành hương của dân Đức cũng như dân Âu Châu. Hàng ngàn khách hành hương đến Walldurn để kính viếng tấm khăn thánh. Về phần Chúa Giêsu, Ngài ban thưởng cho khách hành hương nhiều phép lạ, chữa nhiều bệnh tật và làm nhiều người trở lại. Kết quả là một sự trở về đại thể với các Bí Tích, nhất là Bí Tích Thánh Thể.

Năm 1445, Phép Lạ Thánh Thể Walldurn được gửi sang Roma để được những nhà chức trách Roma điều tra. Đức Thánh Cha Eugenê IV, Đấng 3 năm trước đây đã xác nhận một Phép Lạ Thánh Thể khác ở Ferrara, nước Ý, rất thích thú cho điều tra phép lạ này. Các Linh Mục ở Walldurn đem ra tất cả văn kiện viết về tấm khăn thánh từ giây phút họ lấy nó ra khỏi chiếc bàn bên dưới Bàn Thờ. Vị Linh Mục giải tội cho Cha Ottô đã viết lại tất cả những gì Cha Ottô nói với ngài về phép lạ.

Đức Thánh Cha Eugenê IV phê chuẩn, xác nhận Phép Lạ Thánh Thể Walldurn và ban Đại Xá cho ai tôn kính khăn thánh trong tuần bát nhật Lễ Minh Máu Thánh Chúa. Khăn thánh được đưa về Walldurn trong hân hoan. Một thánh đường xinh đẹp được kiến thiết để tôn kính Phép Lạ Thánh Thể. Khăn thánh được đặt trên bàn thờ chính của thánh đường cho người ta tôn kính. Qua bao thế kỷ, những tội nhân cứng lòng bước vào nhà thờ liền ăn năn thống hối và, trong nước mắt họ tìm gặp cha giải tội.

3 và 4. HAI PHÉP LẠ TẠI SIENA, NƯỚC Ý

Năm 1330 và năm 1730

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 16, Regina xb, USA, 2002)

Thành phố Siena nổi tiếng nhờ thánh nữ Catharine và thánh Bernadino, độc đáo ở chỗ không những có một, mà còn hai phép lạ Thánh Thể. Phép lạ thứ nhất xảy ra vào năm 1330, và phép lạ thứ hai xảy ra đúng 400 năm sau đó, vào năm 1730. Một bộ sưu tập rất lớn có các tài liệu xác minh cho các chi tiết của hai phép lạ này. Phép lạ thứ nhất là một phép lạ chảy máu, phép lạ thứ hai không chảy máu. Nhưng cả hai đều được lưu giữ và hiện vẫn là những đối tượng rất hấp dẫn và được sùng mộ.

1- Phép lạ năm 1330 liên quan đến một vị linh mục tại Siena có trách vụ coi sóc các tín hữu thuộc một ngôi làng ở ngoại ô thành phố. Một nông dân trong làng lâm bệnh nặng và xin mời linh mục. Đang lúc vội vã, vị linh mục lấy một Bánh Thánh trong nhà tạm, và thay vì đặt vào một hộp đựng, ngài lại nhét vào giữa những trang sách của cuốn sách nguyện. Kẹp cuốn sách dưới nách, ngài vội vàng đi đến cạnh giường bệnh nhân.

Sau khi người ta đã đọc đủ các kinh, vị linh mục mở sách nguyện để lấy Bánh Thánh trao cho bệnh nhân, nhưng ngài thất kinh vì phát hiện **Bánh Thánh đang chảy máu và gần như mềm nhũn**. Không nói lời nào, ngài đóng sách lại và trở lại Siena. Người ta kể rằng cả người nông dân lẫn mọi người trong nhà đều không biết phép lạ ngay lúc ấy đang xảy ra.

Với thái độ sám hối chân thành, vị linh mục đi đến tu viện thánh Augustine, và tại đây ngài đã kể lại mọi chi tiết cho cha Simone Fidati, một người nội tâm sâu xa, đồng thời cũng là một nhà giảng thuyết nổi tiếng. (Sau khi qua đời, cha Simone đã được đức Gregory XVI tôn phong chân phúc, và phê chuẩn bài lễ cùng bài kinh thần vụ tôn kính ngài).

Vị linh mục chỉ cho cha Simone hai trang giấy dính máu của Bánh Thánh, và giao quyền kính nguyện cho ngài gìn giữ. Sau khi xưng tội về sự vô phép đối với Bánh Thánh, vị linh mục từ đó không còn được nói đến trong lịch sử của phép lạ này, và vấn đề tiếp tục với cha Simone.

Sau một thời gian, cha Simone lấy một trang giấy dính Máu Thánh và tặng cho các linh mục dòng thánh Augustine của ngài tại Perugia. Món quà này không may đã bị thất lạc trong cuộc bách hại các dòng tu vào năm 1866.

Trang giấy thứ hai được lưu giữ trong một chiếc bình bằng bạc, và đến thời kỳ nhiễu nhiễu, người ta đã đưa về quê hương cha Simone là thành Cascia. Nơi đây, thánh tích này lập tức khơi dậy lòng sùng mộ của các linh mục, giáo hữu và cả những chức sắc dân sự. Sở Ký Sự của thành phố năm 1387, hiện đang được giữ tại tòa thị sảnh Cascia, đã viết chi tiết về lễ mừng thường niên kính Minh Máu Thánh Chúa Kitô. Trong dịp lễ này, ngài thị trưởng, các ủy viên hội đồng và dân chúng được mời đến nhà thờ để tôn vinh thánh tích đáng tôn kính bằng một cuộc cung nghinh và thánh lễ long trọng. Để mừng lễ, về phần mình, thành phố đóng góp một cây nến nặng đến 10 cân Anh.

Phép lạ đã được đức Boniface IX tôn vinh, ngài đã chính thức chuẩn nhận việc tôn kính thánh tích này bằng bửu sắc đề ngày 10 tháng 1 năm 1401. Đức Thánh Cha rộng lòng ban ân xá portiuncula cho mọi người đến kính viếng nhà thờ thánh Augustine trong ngày lễ kính Minh Máu Thánh Chúa.

Vào ngày 7 tháng 6 năm 1408, đức Gregory XII đã chuẩn nhận việc sùng kính thánh tích và ban thêm những ân xá khác cho những ai kính viếng nhà thờ đang lưu giữ thánh tích. Thánh tích này cũng đã được các Đức Thánh Cha như Sixtus IV, Innocent XIII, Clement XII, và Pius VII tôn vinh.

Vào năm 1962 đã có một cuộc xét nghiệm toàn bộ thánh tích. Kích thước của trang giấy dính máu thánh là 52x44 mm; đường kính của dấu máu là 40mm. Vết máu được mô tả có màu nâu nhạt, nhưng khi được nhìn dưới một lăng kính phóng đại, màu có vẻ đỏ hơn, trong khi các phân tử máu đông được nhận ra rất rõ ràng. Tình trạng này hiện nay vẫn như thế.

Một hiện tượng khác cũng ở trong vết máu: khi được nhìn qua một thấu kính yếu hơn, sẽ hiện lên hình ảnh một người đàn ông trông rất buồn bã. Hình ảnh này cũng có thể thấy được trên các bức ảnh chụp vết máu.

Vào năm 1930, đại hội Thánh Thể được tổ chức tại thành phố Cascia, trùng vào dịp kỷ niệm 600 năm phép lạ. Để ghi nhớ biến cố này, một mặt nhật đã được làm phép để đựng thánh tích phép lạ.

Như thế, trong khuôn viên đền thánh - vương cung thánh đường thánh nữ Rita tại Cascia có đến ba thánh tích: thi hài bất hoại của thánh nữ Rita, hài cốt của chân phúc Simone Fidati, và thánh tích của Thánh Thể phép lạ năm 1330 vẫn còn được giữ gìn sau hơn 650 năm.

* * *

2- Phép lạ Thánh Thể thứ hai tại Siena bắt nguồn từ những nghi thức và lễ hội đặc biệt được du nhập từ thế kỷ XIII để mừng lễ Đức Mẹ Lên Trời. Những điều ấy đã trở thành truyền thống và được tổ chức trong thời gian phép lạ xảy ra. Hôm ấy là ngày 14 tháng 8 năm 1730, trong lúc làm giờ canh thức mừng lễ, khi dân chúng và các giáo sĩ thành phố Siena đang tham dự các nghi thức này, thì những tên trộm đã lẻn vào nhà thờ thánh Phanxicô vắng vẻ. Lợi dụng lúc các giáo sĩ vắng mặt, chúng lẻn vào nhà nguyện đang có Thánh Thể, mở khóa nhà tạm và **lấy đi chiếc bình thánh bằng vàng đựng Minh Thánh.**

Tên trộm ra đi mà không bị phát hiện, cho đến sáng hôm sau, khi vị linh mục mở nhà tạm khi đến giờ hiệp lễ. Mãi đến sau đó, một tín hữu phát hiện ra chiếc nắp bình thánh ở ngoài đường phố, sự nghi ngờ về tội phạm thánh đã được xác định. Nỗi đau buồn của các tín hữu đòi phải hủy bỏ những lễ hội truyền thống mừng lễ Đức Mẹ Lên Trời. Đức tổng giám mục ban lệnh đọc thêm những kinh nguyện chung để đền tạ, trong khi nhà cầm quyền dân sự khởi sự truy tìm các Bánh Thánh và cả tên vô lại đã đưa các Bánh Thánh đi mất.

Hai hôm sau đó, vào ngày 17 tháng 8, trong khi đang đọc kinh tại nhà thờ Đức Maria Provenzano, một vị linh mục bỗng chú ý đến một vật trắng trắng thò ra từ chiếc thùng đồ dâng cúng, liền với ghế kinh của ngài. Nhận ra đó là một Bánh Thánh, ngài thông tri cho các linh mục khác của nhà thờ, và sau đó, báo tin cho đức tổng giám mục và các giáo sĩ tại nhà thờ thánh Phanxicô.

Khi thùng dâng cúng được mở ra, trước sự hiện diện của các linh mục địa phương và đại diện của đức tổng giám mục, người ta đã thấy rất nhiều Bánh Thánh, một số còn bị treo trên các mạng nhện. Các Bánh Thánh này được đem so sánh với các bánh lễ chưa được truyền phép của nhà thờ thánh Phanxicô, và thấy cùng một kích cỡ và có cùng dấu khuôn sắt in trên bánh khi nướng. Số Bánh Thánh cũng đúng với con số Bánh Thánh các giáo sĩ tại nhà thờ thánh Phanxicô ước lượng còn trong bình thánh – tổng cộng là 348 Bánh Thánh nguyên vẹn và 6 nửa.

Vì thùng dâng cúng chỉ mở mỗi năm một lần, nên các Bánh Thánh bị phủ đầy bụi bặm dơ bẩn đóng tụ ở đó. Sau khi được các linh mục lau phủ cẩn thận, các Bánh Thánh lại được đặt vào một bình thánh và giữ trong một nhà tạm của bàn thờ chính tại nhà thờ Đức Bà. Ngày hôm sau, với sự đồng hành của rất đông đảo dân chúng thành phố, đức tổng giám mục Alessandro Zondadari long trọng kiệu các Minh Thánh trở về nhà thờ thánh Phanxicô.

Trong suốt hai thế kỷ sau đó, thỉnh thoảng người ta lại thắc mắc không hiểu vì sao các Minh Thánh này không được các linh mục rước trong thánh lễ, vì đó vẫn là một điều bình thường trong trường hợp tương tự. Trong khi vẫn không có một câu trả lời dứt khoát, người ta đưa ra hai giả thuyết. Một giả thuyết cho rằng đông đảo các tín hữu từ thành Siena lẫn các thành lân cận kính viếng nhà thờ để đọc kinh đèn tạ trước các Minh Thánh này, buộc các linh mục phải giữ lại một thời gian. Giả thuyết thứ hai cho rằng các linh mục không rước vì các Minh Thánh này bị dính bần. Trong khi các Bánh Thánh chỉ được phủi sạch bề ngoài sau khi tìm lại được, nhưng vẫn còn dính rất nhiều bụi bặm. Trong những trường hợp như thế, không buộc phải rước các Bánh Thánh này, nhưng được phép để cho tự phân hủy theo tự nhiên, và khi ấy Chúa Kitô sẽ không còn hiện diện ở đó nữa.

Trước sự ngạc nhiên của các giáo sĩ, những Bánh Thánh này đã không tự phân hủy và vẫn giữ mùi thơm. Theo dòng thời gian, các tu sĩ dòng thánh Phanxicô tin rằng họ đang được chứng kiến một phép lạ xảy ra liên tục về tính trường tồn.

Năm mươi năm sau khi tìm được các Bánh Thánh bị đánh cắp, một cuộc điều tra chính thức đã được thực hiện về tính xác thực của phép lạ. Cha tổng vụ của dòng thánh Phanxicô là cha Carlo Vipera đã xem xét các Bánh Thánh vào ngày 14 tháng 4 năm 1780, và khi ném thử một Bánh Thánh, ngài nhận thấy vẫn còn dòn và không hư hại. Vì một số Bánh Thánh đã được cho các tín hữu rước trong những năm trước đó, nên cha tổng quyền ra lệnh phải đặt 230 Bánh Thánh còn lại vào một bình thánh mới và không cho ai rước nữa.

Một cuộc điều tra cẩn thận khác đã được đức tổng giám mục Tiberio Borghese của giáo phận Siena cùng với một số thần học gia và các vị chức sắc khác tiến hành vào năm 1789. Sau khi đã xem xét các Bánh Thánh dưới kính hiển vi, ủy ban tuyên bố các Bánh Thánh này hoàn toàn nguyên vẹn và không có một dấu phân hủy nào. Ba tu sĩ dòng thánh Phanxicô đã từng hiện diện trong cuộc điều tra vào năm 1780 trước đó đã được chất vấn và tuyên thệ trước mặt đức tổng giám mục. Họ tái xác nhận các Bánh Thánh được xét nghiệm ấy chính là những Bánh Thánh đã bị lấy trộm vào năm 1730.

Để xét nghiệm nhằm xác định tính cách xác thực của phép lạ, đức tổng giám mục trong cuộc điều tra năm 1789 đã ban lệnh đặt nhiều bánh lễ chưa được truyền phép vào một chiếc hộp được niêm kín và khóa giữ trong văn phòng chuông lý. Mười năm sau đó, những bánh lễ này được xét nghiệm và thấy rằng không những chúng đã mất dạng, mà còn hư ỉu nữa. Vào năm 1850, tức là 61 năm sau khi được đặt vào hộp được niêm kín, những bánh lễ chưa được truyền phép này đã phân hủy thành bột có màu vàng sậm, trong khi các Bánh Thánh vẫn giữ được màu mới mẻ như ban đầu.

Cách quãng theo thời gian, những lần xét nghiệm khác đã được thực hiện. Lần xét nghiệm ý nghĩa nhất vào năm 1914 đã được thực hiện theo thẩm quyền của thánh giáo hoàng Piô X. Trong lần điều tra này, đức tổng giám mục chỉ định một ủy ban gồm các khoa học gia và giáo sư từ Siena và Pisa, cũng như các nhà thần học và chức sắc trong Giáo Hội.

Các cuộc xét nghiệm axit và tinh bột được thực hiện trên một trong những mẫu Bánh Thánh cho thấy chất lượng tinh bột bình thường. Các kết luận từ các xét nghiệm hiển vi cho thấy các Bánh Thánh đã được làm từ một thứ bột mì sàng thô, nhưng hiện vẫn còn tốt.

Ủy ban đồng ý rằng bánh không men nếu được làm trong những điều kiện vô trùng và được cất giữ trong bình không có không khí, tiệt trùng, thì có thể giữ được một thời gian khá lâu. Bánh không men nếu được làm trong những điều kiện bình thường, để trong không khí và chịu tác động của các vi sinh vật cũng có thể giữ được nguyên vẹn một vài năm. Họ kết luận các Bánh Thánh bị đánh cắp đã không được làm trong các điều kiện dự phòng của khoa học, vừa được giữ trong điều kiện bình thường, vì thế

lẽ ra đã bị hủy hoại hơn một thế kỷ trước. Ủy ban kết luận rằng sự trường tồn ấy là điều ngoại thường, “... e la scienza stessa che proclama qui lo straordinario.”

Giáo sư Siro Grimaldi, giáo sư hóa học tại viện đại học Siena và giám đốc phòng thí nghiệm hóa học thành phố, cũng là người giữ nhiều trọng trách quan trọng khác trong lãnh vực hóa học, làm giám định viên hóa học đứng đầu cuộc xét nghiệm năm 1914. Sau đó, ông đã đưa ra những tuyên bố xác đáng về bản chất lạ lùng của các Bánh Thánh, và viết một quyển sách về phép lạ này nhan đề *Uno Scienziato Adora*. Vào năm 1914, ông tuyên bố rằng:

Các tấm bánh không men linh thánh ấy cho thấy một điển hình về sự trường tồn hoàn hảo... một hiện tượng cá biệt đảo lộn định luật thiên nhiên về việc lưu giữ chất liệu hữu cơ. Đó là một sự kiện độc nhất trong những niên kỷ của khoa học.

Vào năm 1922, một cuộc điều tra khác đã được tiến hành – lần này được xúc tiến trước sự hiện diện của đức hồng y Giovanni Tacci, cùng với đức tổng giám mục Siena, các đức giám mục Montepulciano, Foligno và Grosseto. Những kết quả vẫn như cũ: các Bánh Thánh có mùi vị không men, có tinh bột trong thành phần và được lưu giữ cẩn trọng.

Vào năm 1950, các Bánh Thánh phép lạ được đưa ra khỏi bình đựng cũ và được đặt vào một chiếc bình khác tinh vi và đắt giá hơn làm bắt mắt một tên trộm khác. Thế là, mặc dù đã có những đề phòng của các giáo sĩ, nhưng một vụ trộm phạm thánh khác lại xảy ra vào đêm mùng 5 tháng 8 năm 1951. Lần này, tên trộm đã biết cân nhắc nên chỉ lấy bình đựng và đổ các Bánh Thánh vào góc nhà tạm. Sau khi đếm đủ 133 Bánh Thánh, chính đức tổng giám mục đã niêm đóng lại trong một chiếc bình bằng bạc. Sau khi đã chụp hình, các Bánh Thánh lại được đặt vào một bình đựng tinh vi để thế cho chiếc bình đã bị đánh cắp.

Các Bánh Thánh trường tồn một cách lạ lùng này vẫn được bày kính công khai trong nhiều dịp khác nhau, đặc biệt là vào ngày 17 hằng tháng, kỷ niệm ngày các Bánh Thánh được tìm lại sau lần bị đánh cắp lần đầu tiên vào năm 1730. Vào ngày lễ kính Mình Máu Thánh Chúa, các Bánh Thánh này được đặt trong mặt nhật và được cung nghinh long trọng từ nhà thờ thành Phanxicô qua các con đường trong thành phố, một tập tục mà toàn thể dân chúng đều tham gia.

Trong số những người đã đến kính viếng các Bánh Thánh này có thánh John Bosco. Ngoài ra, còn có chân phúc giáo hoàng John XXIII, người đã ký sổ lưu niệm ngày 29 tháng 5 năm 1954, khi đang làm hồng y giáo chủ tại Venice. Và mặc dù không thể đích thân đến kính viếng các Bánh Thánh phép lạ này, nhưng các Đức Thánh Cha Pius X, Benedict XV, Pius XI và Pius XII đã có những tuyên ngôn nói lên say mê và ngưỡng mộ sâu xa.

Các tín hữu, giáo sĩ, giám mục, hồng y và giáo hoàng đều đồng thanh nói lên sự kinh ngạc và thờ kính các Bánh Thánh này, công nhận nơi đây một phép lạ trường tồn, vừa hoàn hảo vừa trọn vẹn, đã kéo dài trên 250 năm.

Với phép lạ này, các Bánh Thánh vẫn còn nguyên vẹn và nhẵn bóng, cũng như vẫn giữ được mùi thơm đặc trưng của bánh không men. Vì ở trong tình trạng được trường tồn hoàn hảo, giữ được những đặc điểm bên ngoài của bánh, Giáo Hội Công Giáo đảm bảo cho chúng ta rằng đó thực là các Bánh Thánh đã được truyền phép vào năm 1730, những Bánh Thánh này vẫn thực sự và đích thực là Thân Thể Chúa Kitô. Các Bánh Thánh phép lạ này đã được lưu giữ và tôn kính tại vương cung thánh đường thánh Phanxicô tại Siena trong hơn 250 năm qua.

5. PHÉP LẠ TẠI BLANOT, NƯỚC PHÁP

Năm 1331

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 17, Regina xb, USA, 2002)

Ngôi làng Blanot nằm trong một thung lũng hẹp và dài, được những ngọn núi thơ mộng bao quanh. Tuy ẩn khuất vì địa thế, nhưng ngôi làng này lại được Thiên Chúa ưu đãi và tôn vinh bằng một phép lạ Thánh Thể. Bằng chứng của phép lạ này hiện vẫn đang được lưu giữ tại ngôi thánh đường đã xảy ra phép lạ.

Trước khi kể lại phép lạ, tốt nhất nên nhớ lại cách cho rước lễ hồi thế kỷ XIV (hiện nay vẫn còn ở nhiều nơi). Trong thánh lễ, khi đến giờ hiệp lễ, cộng đoàn sẽ đi lên hàng song ngăn cách phần nhà thờ với cung thánh. Sau khi đã lấy chỗ dọc theo chiều dài của hàng song, họ sẽ quỳ xuống. Cùng lúc đó, hai người giúp lễ cũng đến hàng song, mỗi người quỳ ở một đầu. Họ sẽ cầm tấm khăn dài treo dọc theo hàng song, ở phía bên cung thánh, mỗi người một đầu và phủ lên hàng song. Cộng đoàn sẽ đặt tay bên dưới tấm khăn ấy. Vị linh mục cầm bình đựng Minh Thánh sẽ đi xuống và cho cộng đoàn rước lễ dọc theo hàng song. Vào thời kỳ phép lạ này xảy ra, làng Blanot đang áp dụng cách cho rước lễ như thế.

Phép lạ xảy ra vào Chúa Nhật Phục Sinh, ngày 31 tháng 3 năm 1331, vào thánh lễ thứ nhất, do linh mục Hugues de la Baume, cha phó của giáo xứ Blanot cử hành. Vì tính cách trang trọng của dịp lễ, nên ngoài các em lễ sinh, còn có hai ông tên là Thomas Caillot và Guyot Besson giúp thêm vào đó. Đến giờ hiệp lễ, hai ông này đến hàng song và lấy chỗ ở hai đầu rồi phủ tấm khăn dài lên hàng song. Các giáo hữu khác cũng đã vào chỗ, đặt tay xuống dưới tấm khăn và chờ đợi vị linh mục.

Một trong những người rước lễ cuối cùng hôm ấy là bà Jacqueline, góa phụ của ông Regnaud d'Effour. Vị linh mục trao Minh Thánh vào lưỡi bà rồi quay trở lên bàn thờ. Chính lúc ấy, hai người đàn ông và một vài giáo hữu khác nhìn thấy Minh Thánh rớt khỏi miệng người đàn bà và rơi trên tấm khăn phủ tay bà. Khi vị linh mục vừa đặt bình thánh vào nhà tạm, ông Thomas Caillot đến gần và thông báo sự việc cho ngài. **Vị linh mục lập tức rời bàn thờ và đi xuống hàng song; nhưng thay vì nhìn thấy Minh Thánh, ngài nhìn thấy một vết máu to bằng Bánh Thánh, rõ ràng Bánh Thánh đã tan trong vết máu này.**

Khi thánh lễ kết thúc, vị linh mục đưa tấm khăn vào phòng áo và đặt chỗ vết máu vào chậu nước sạch. Sau khi giặt chỗ máu, và dùng các ngón tay chà nhiều lần vào chỗ ấy, ngài thấy vết máu không nhạt đi và biến mất, nhưng càng lúc càng lan ra và thẫm hơn. Khi lấy khăn khỏi chậu, ngài ngạc nhiên thấy nước đã biến thành máu. Vị linh mục và những người giúp ngài không những kinh ngạc, mà còn hoảng hốt và kêu lên, **"Đây là Máu Thánh của Chúa Giêsu Kitô!"** Sau đó, vị linh mục lấy một chiếc dao, rửa sạch và cắt lấy phần vải mang dấu máu của tấm khăn. Miếng vải hình vuông này đã được lưu giữ một cách kính cẩn trong nhà tạm.

Mười lăm ngày sau đó, một vị chức sắc của tổng giáo phận Autun là Jean Jarossier đã đến giáo xứ Blanot và khởi sự điều tra. Cùng đi với ngài có cha sở de Lucenay, một đức ông thuộc giáo phận và một viên lục sự của tòa giám mục. Cuộc chất vấn các nhân chứng được thực hiện dưới sự chứng kiến của cha Pierre Osnonout, cha sở giáo xứ Blanot. Các kết quả của cuộc điều tra này được đức tổng giám mục Pierre Bertrant đệ trình lên đức giáo hoàng John XXII, và ngài đã ra một tuyên ngôn chuẩn thuận và ban các ân xá cho những ai đến cử hành thánh lễ tại nhà thờ giáo xứ Blanot. Những bản tài liệu này hiện còn được giữ tại tòa thị sảnh Blanot và được mô tả viết theo một lối viết cổ rất khó đọc.

Các Bánh Thánh còn lại trong bình thánh sau giờ hiệp lễ Chúa Nhật Phục Sinh hôm ấy không được phân phát nữa, nhưng được lưu giữ kính cẩn trong nhà tạm. Nguyên nhân của việc này vẫn chưa rõ, mặc dù người ta cho là vị linh mục muốn tránh khả năng lập lại điều kỳ diệu trên. **Vào năm 1706, những Bánh Thánh này vẫn còn trong tình trạng nguyên vẹn sau 375 năm đã được tôn kính trong cuộc cung nghinh**

dài năm tiếng đồng hồ quanh giáo xứ Blanot nhân dịp kỷ niệm phép lạ. Tham dự trong cuộc rước có nhiều đáng bậc và rất đông đảo con chiên trong giáo xứ và những vùng lân cận. Lúc bế mạc cuộc cung nghinh, chiếc bình thánh bằng bạc đựng các Bánh Thánh đã được đặt vào chiếc hộp bằng vàng để cất giữ. Hộp này được cẩn thận đặt vào nhà tạm chính của nhà thờ.

Suốt nhiều năm, những cuộc cung nghinh kỷ niệm và những hoạt động đặc biệt khác đã được tổ chức, nhưng tất cả đều bị gián đoạn khi cuộc Cách Mạng Pháp bùng nổ, vì các kẻ quá khích bạo loạn đã phạm thánh các nhà thờ Công Giáo và cướp đi các đồ vật giá trị.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 1793, một nhóm người tạo phản xông vào nhà thờ và cả gan mở cửa nhà châu. Miếng khăn thấm máu khi ấy được đặt trong một chiếc ống pha lê thực sự đã được trao cho một người trong bọn, nhưng may mắn thay hắn đã rút lại như một thứ kém giá trị. Sau sự kiện phạm thánh nhà thờ, thánh tích đã được trao cho một giáo hữu đạo đức tên là Dominique Cortet gìn giữ. Trong thời gian tại nhà ông này, thánh tích được tôn kính và bảo quản cẩn thận, tuy nhiên, chiếc ống đã bị bể ở cả hai đầu. Một đầu vỡ là do linh mục M. Lucotte, cha sở giáo xứ Blanot thường hay hôn kính thánh tích và đặt lên mắt các tín hữu. Đầu kia bị vỡ một cách tình cờ khi thánh tích được giấu trong ngăn kéo của một chiếc tủ.

Sau cuộc cách mạng, lúc hòa bình đã được vãn hồi, nhiều người đã được chất vấn về tính cách xác thực của tấm khăn trong chiếc ống pha lê. Mọi người đều nhận thực đó chính là tấm khăn đã từng được giữ tại nhà thờ. Sau khi các vị có thẩm quyền trong Giáo Hội đã thỏa đáng về tính cách xác thực, thánh tích đã được long trọng rước về nhà thờ và đặt trong một chiếc hộp bạc nhưng, rồi được giữ trong nhà tạm.

Một thời gian sau đó, người ta đã làm một chiếc ống pha lê mới để đựng thánh tích. Ở hai đầu có những vòng vàng và đồng, với một cây thánh giá ở trên chóp. Chiếc ống, bên trong có tấm khăn có thể được nhìn thấy rõ ràng, được niêm kín và được đặt vào một mặt nhật đặc biệt. Phần đế của mặt nhật được trang trí bằng bốn mảnh men sứ, trình bày các biến cố trong lịch sử của thánh tích.

Hàng năm vào thứ Hai sau lễ Phục Sinh, theo tập quán từ xưa, thánh tích đã được long trọng đem bày kính công khai tại nhà thờ giáo xứ Blanot.

6. PHÉP LẠ TẠI AMSTERDAM, NƯỚC HÒA LAN

Năm 1345

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 18, Regina xb, USA, 2002)

Phép lạ Thánh Thể tại Amsterdam xảy ra vào ngày 15 tháng 3 năm 1345, tại một ngôi nhà trên đường Kalver, nơi có một người đàn ông tên Ysbrant Dommer lâm bệnh nguy tử và được cha sở đưa Cửa Ân Đàng. Ngay khi vị linh mục vừa rời khỏi ngôi nhà, bệnh nhân đau đớn kịch liệt, và thổ ra tất cả những gì trong bao tử. Người đàn bà túc trực đã dọn tất cả những thứ ấy vào một cái chậu và đổ vào ngọn lửa cháy phừng phừng trong lò sưởi.

Sáng hôm sau, khi đến lò sưởi để khơi lửa lên, người đàn bà này sững sốt khi nhìn thấy Minh Thánh, còn nguyên vẹn và sáng láng, nằm ở giữa những cục than hồng hồng. Bà tức khắc lấy Bánh Thánh ra khỏi lửa, cẩn thận đặt trong một tấm vải sạch và cất vào một chiếc rương.

Vị linh mục liền được mời đến, ngài đặt Bánh Thánh vào một chiếc hộp và rửa miếng vải đã bọc Bánh Thánh. Sau đó, ngài đưa Minh Thánh về nhà thờ giáo xứ thánh Nicholas (hiện nay là tài sản của một người ngoại giáo).

Sáng hôm sau, vị linh mục thấy chiếc hộp rỗng không, nhưng Minh Thánh lại được người đàn bà kia phát hiện khi mở rương để lấy một số khăn vải. Một lần nữa, vị linh mục lại được mời đến để đưa Bánh Thánh về nhà thờ. Sau đó, Bánh Thánh lại biến mất và lại được tìm thấy, vị linh mục liền hội họp các giáo sĩ khác để tham vấn. Mọi người đều đồng ý những sự kiện tái diễn kia là chứng cứ trực tiếp của quyền năng Thiên Chúa, và rõ ràng là một dấu chỉ muốn phép lạ ấy phải được tôn kính công khai. Bánh Thánh phép lạ sau đó đã được cung nghinh long trọng về nhà thờ giáo xứ.

Một cuộc điều tra chính thức đã được ngài thị trưởng cùng hội đồng thành phố xúc tiến, mọi người đều chấp nhận về tính cách xác thực của các chứng nhân. Họ xác nhận sự kiện và chuẩn nhận phép lạ ấy trong các văn kiện chính thức. Về phía giáo quyền, đứng đầu là đức giám mục Utrecht, cũng xúc tiến một cuộc điều tra rộng rãi trước khi cho các giáo sĩ phổ biến thông tin về sự kiện.

Ngôi nhà nơi phép lạ xảy ra chẳng mấy chốc đã biến thành ngôi nhà nguyện được gọi là Nieuwe Zijds, tức là Nơi Thánh – không những vì phép lạ đã xảy ra, mà Bánh Thánh phép lạ còn được lưu giữ trên bàn thờ tại đây. Lò sưởi nơi phép lạ xảy ra đã được bảo quản.

Khoảng 100 năm sau, vào năm 1452, một trận hỏa hoạn lớn đã thiêu rụi hầu hết thành phố Amsterdam và đe dọa nguyện đường Nơi Thánh. Vì cố gắng cứu Bánh Thánh phép lạ – người ta đã mời những người thợ làm khóa đến để mở cửa nhà tạm – nhưng các nỗ lực đều thất bại khi những dụng cụ đều gãy hỏng, đồng thời ngọn lửa cùng sức nóng buộc họ phải thối lui. Khi ngọn lửa bị dập tắt, người ta lại thấy một phép lạ khác: nằm giữa đống hoang tàn nghi ngút khói là chiếc bình đựng Bánh Thánh phép lạ còn nguyên vẹn, kể cả tấm khăn đậy bằng lụa.

Một bảng liệt kê rất dài các ơn đặc biệt người ta đã được lãnh nhận trước ngày cuộc hỏa hoạn xảy ra đã được dựng lên khi ngôi nguyện đường được tái thiết. Những đám đông tuôn đến và tham dự cuộc cung nghinh hằng năm kỷ niệm ngày phép lạ xảy ra.

Đến thời điểm này trong lịch sử của phép lạ, chúng ta hãy hướng sự chú ý về các nữ tu dòng thánh Begga, vị thánh đã từ bỏ một ngôi làng nhỏ gần Amsterdam để thiết lập một cộng đoàn gần nơi xảy ra phép lạ. Cộng đoàn này về sau được gọi là Beguines, tức là các phụ nữ giáo dân sống chung trong một cộng đoàn phức hợp và tuyên giữ các lời khấn tạm về đức vâng phục và đức khiết tịnh, nhưng không tuyên lời khấn khó nghèo, vì họ được phép sở hữu và sử dụng tài sản riêng tùy ý. Họ tập họp nhau dâng thánh lễ và cầu kinh, nhưng được phép đến hay đi tùy ý. Nhiều thành viên dần thân trong các công việc giáo dục và từ thiện. Môi trường của họ cũng khác thường vì mỗi phần tử sống trong một ngôi nhà nhỏ riêng biệt, thông với ngôi nhà của các phần tử khác. Những ngôi nhà này xếp thành hình vuông, ở giữa là một khoảng sân. Một trong những ngôi nhà ấy được dùng làm nhà nguyện và được nối rộng thêm theo năm tháng. Toàn bộ khu vực ấy được gọi là Begijnhof.

Vào thời kỳ Cải Cách Tin Lành, khi ngôi nhà nguyện bị giới chức thành phố tịch thu, Bánh Thánh phép lạ được trao cho các bà Beguines gìn giữ. Lòng sùng kính và các việc đạo đức đã thành truyền thống trước kia vẫn tiếp tục được thực hiện. Nhưng vào năm 1607, nơi nương ẩn cuối cùng này cũng bị đóng cửa, mặc dù tại tòa nhà nhỏ nối với nhà nguyện của các bà Beguines, các việc đạo đức tư vẫn được duy trì. Dần dần, hoàn cảnh cho phép, tòa nhà tại Begijnhof được nối rộng; nhưng mãi đến năm 1845, nhân dịp kỷ niệm 500 năm phép lạ, một cuộc biểu dương công khai vĩ đại mới được tổ chức. Từ đó, hằng năm đều tổ chức dịp kỷ niệm phép lạ.

Ngoài những hoạt động hằng năm, các cuộc rước mang tính cá nhân quanh năm vẫn diễn ra suốt từ thời kỳ phép lạ, và vẫn tiếp tục trong thời kỳ cuộc Cải Cách Tin Lành. Những cuộc rước ấy được gọi là “những cuộc rước âm thầm,” bởi vì các tín hữu thầm lặng đi trên Con Đường Thánh như một hành vi đạo đức tu. Các cuộc rước cá nhân hiện vẫn diễn ra, nhưng vào ngày vọng trước dịp kỷ niệm phép lạ hằng năm, nhất là trong đêm ấy và từng giờ trong chính ngày kỷ niệm, dường như có đông đảo tín hữu tham gia hơn.

Ngôi nhà nguyện nhỏ nơi phép lạ xảy ra đã bị phá hủy vào năm 1908 vì các cuộc phản kháng của cả Công Giáo lẫn Tin Lành. Tuy nhiên, ngôi nguyện đường nhỏ bé ấy không đi vào quên lãng, vì hình ảnh của nó đã được giữ lại trên khung cửa sổ kính màu trong nhà nguyện của dòng Begijnhof. Hơn nữa, phía sau bàn thờ chính có một cửa sổ kính màu diễn tả phép lạ; và trên những bức tường hai bên đều có những họa phẩm vẽ lại các cuộc cung nghinh thời trung cổ.

Đề ghi nhớ phép lạ, Thánh Thể hằng ngày đều được đặt châu trong ngôi nhà nguyện này. Như thế, Amsterdam đã trở thành một địa điểm hành hương cho toàn thể đất nước Hòa Lan.

7. PHÉP LẠ TẠI MACERATA, NƯỚC Ý

Năm 1356

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 19, Regina xb, USA, 2002)

Các tín hữu Công Giáo tại Macerata tự hào rằng thành phố của họ có thể được gọi là thành phố của Phép Lạ Thánh Thể – và điều này có hai nguyên nhân: bởi vì phép lạ Thánh Thể đã từng xảy ra tại đây; và bởi vì đây là thành phố đầu tiên trên thế giới tổ chức một đoàn thể tôn vinh Thánh Thể.

Phép lạ đã xảy ra tại Macerata vào buổi sáng ngày 25 tháng 4 năm 1356, trong lúc một vị linh mục đang cử hành thánh lễ tại nhà thờ của các nữ tu dòng Biển Đức. **Khi vừa bắt đầu nghi thức truyền phép, ngài có một thoáng hồ nghi về sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô, lúc bẻ Bánh Thánh, bất ngờ máu tươi từ hai bên mép của Bánh Thánh liền nhỏ ra!** Vị linh mục lúc ấy được tràn đầy đức tin và sốt sắng, đôi tay của ngài run rẩy đã làm cho máu từ Bánh Thánh nhỏ ra bên ngoài chén thánh, dính vào khăn thánh ở phía dưới.

Lúc kết thúc thánh lễ, vị linh mục vội vã báo tin cho đức giám mục Nicolo thánh Martino, và đức giám mục ban lệnh phải đưa tấm khăn thánh dính máu đến nhà thờ chính tòa để được điều tra theo Giáo Luật. Phép lạ này được so sánh với phép lạ đã xảy ra tại Bolsena gần 100 năm về trước, phép lạ đã đưa đến việc thiết lập lễ kính Minh Máu Thánh Chúa.

Sau khi tính cách xác thực đã được ủy ban giáo luật thừa nhận, tấm khăn thánh dính máu đã được tôn kính công khai.

Mặc dù không thể tìm được một văn liệu chính thức nào từ thời ấy trong văn khố của thành phố Macerata, tuy nhiên nhà sử học danh tiếng Ignazio Compagnoni, trong thủ bản thứ tư của ông, đã kể lại các chi tiết của phép lạ và tường trình rõ ràng về việc ủy ban công nhận tính cách xác thực của thánh tích. Các bản tường trình có từ thời phép lạ và những tuyên ngôn sau đó của nhiều vị giám mục và tổng giám mục (đặc biệt là của đức hồng y Centini vào năm 1622) đã xác nhận tính cách xác thực của thánh tích này. Các vệt máu vẫn được thấy rõ ràng trên tấm vải đã được mọi người coi là Máu Thánh của Đấng Cứu Thế.

Các tài liệu từ năm 1647 nói đến một người tên Orazio Longhi đã dâng cúng cho nhà thờ chính tòa một bình đựng quý giá bằng bạc và pha lê để tôn trung thánh tích. Vào năm 1649, đức cha Silvestri tổ chức một cuộc rước kiệu và một nghi thức long trọng để tôn vinh khăn thánh – những kỳ lễ này được rất đông các tín hữu tham dự.

Thánh tích vẫn được bày kính công khai mãi cho đến 1807, khi vua Napoleon bắt đầu đe dọa nước Ý và Giáo Hội. Khi Napoleon giải thể các đoàn hội và đình chỉ các cuộc rước truyền thống, tấm khăn thánh được giấu trong một chiếc tủ đặt phía sau bàn thờ trong vương cung thánh đường. Tấm khăn vẫn được giữ ở đó trong suốt thời gian này cũng như trong cuộc biến động chính trị làm bất ổn nước Ý vào giữa thế kỷ XIX. Tuy vậy, trong những năm ấy, người ta vẫn không quên được tấm khăn. Vào ngày 10 tháng 10 năm 1861, đức cha Zangari đã xác nhận tấm khăn, và sau đó đến ngày 15 tháng 9 năm 1885, đức cha Galeati đã tái xác nhận tính cách xác thực của tấm khăn thánh.

Tấm vải quý giá này sau cùng đã được đưa ra khỏi nơi cất giấu vào năm 1932. Sau khi được xác nhận hợp lệ, tấm khăn đã được đặt trong một khung kính và được bày kính liên tục tại nguyện đường Bí Tích.

Kích thước của chiếc khăn rất thuận tiện cho người xem. Chiều dài là 4 feet 2.5 inches (khoảng 1,27 m), và chiều rộng là 1 foot 4 inches (khoảng 0,4 m), lớn hơn những khăn thánh chỉ rộng bằng chiếc khăn tay đang được sử dụng rộng rãi ngày nay. Tuy vậy, người ta tin rằng tấm khăn thánh này đã được gấp đôi trong thánh lễ phép lạ đã xảy ra, bởi vì hai vết máu khít vào nhau khi tấm vải được gấp lại.

Một số các nếp gấp khác cũng hiện rõ trên tấm vải. Có năm nếp gấp ngang và bảy nếp gấp dọc. Ngoài những vết máu, còn có thể nhận ra các vết mốc và một vài giọt sáp nhỏ.

Được biết không thể sử dụng việc phân tích hóa học cho thánh tích, bởi vì các thế kỷ đã làm cho các chất không phải là tơ vải trở nên đồng nhất với nhau; vì vậy, chỉ có thể thực hiện việc quan sát hình thể mà thôi.

Tính xác thực của tấm khăn thánh đã được xác định theo ba phương cách. Thứ nhất, tấm vải (theo mô tả, được dệt khá đẹp và đã ố vàng theo thời gian) đã được các học giả giám định có từ thế kỷ XIV. Thứ hai, lớp giấy kết dính với tấm khăn có những hình chữ kiểu Gothic, đã được các nhà bác học giám định có từ thời kỳ của phép lạ xảy ra. Thứ ba, mặc dù không còn một tài liệu chính thức nào được lưu giữ, nhưng có rất nhiều thủ bản do các tác giả nổi tiếng vào thời kỳ ấy đã đề cập đến lịch sử và thừa nhận tính cách lịch sử của tấm khăn.

Tấm khăn thánh có thể được nhìn thấy trong một nguyện đường mới trong nhà thờ chính tòa Macerata, nơi đây tấm khăn được tôn kính đặc biệt vào ngày lễ Mình Máu Thánh Chúa Kitô và trong tuần bát nhật của lễ này.

8. PHÉP LẠ TẠI BRUSSELS, NƯỚC BỈ

Năm 1370

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 20, Regina xb, USA, 2002)

Phép lạ Thánh Thể tại Brussels, nước Bỉ xảy ra vào thời kỳ có cuộc đối kháng quyết liệt giữa một số tín hữu Kitô Giáo và những người Do Thái. Dường như vào năm 1369, có một người Do Thái tên là Jonathan cư ngụ tại thị trấn Enghien nhỏ bé, cách Brussels chừng 15 dặm. Jonathan có một người bạn là Jean, quê ở Louvain (khi ấy đang sống tại Brussels), người bạn này sau đó đã giả vờ trở lại Kitô Giáo.

Jonathan nài nỉ người bạn kiếm cho anh ta một vài Bánh Thánh đã được sử dụng trong thánh lễ. Lúc đầu Jean không chịu nghe theo, vì thế sau cùng Jonathan đã hứa thưởng 60 đồng tiền vàng nếu Jean chịu làm việc này. Lòng tham cuối cùng đã chiến thắng lương tâm của Jean, và anh ta lập tức dò la các nhà thờ tại Brussels để kiếm cách xâm nhập. Sau cùng, hẳn quyết định chọn nhà thờ thánh nữ Catharine, ngôi nhà thờ này chỉ được một ông từ coi sóc qua loa bởi vì nhà thờ này lưu giữ Thánh Thể cho các bệnh nhân.

Vào đêm ngày 4 tháng 10 năm 1369, Jean bắc một chiếc thang lên tường nhà thờ, đục một cửa sổ và lên vào bên trong. Sau khi đã mở cửa nhà tạm, hẳn tìm thấy một bình vàng, bên trong có 15 Bánh Thánh nhỏ và một Bánh Thánh lớn được dùng trong giờ chầu phép lành. Sau khi rời nhà thờ, hẳn đến Enghien và trao các Bánh Thánh lại cho Jonathan, tên này thưởng cho hẳn một bọc tiền đủ số như đã hứa trước.

Số phận của tên trộm không được rõ, nhưng người ta kể lại Jonathan đã bị giết chết trong khu vườn nhà hẳn không đầy hai tuần sau vụ trộm – trước sự hoảng hốt của người con trai nhỏ của y. Sau đó một thời gian, người vợ góa của Jonathan đã đi đến thành phố Brussels và mang theo chiếc bình với các Bánh Thánh bên trong.

Vào ngày 4 tháng 4 năm 1370, nhằm thứ Sáu tuần Thánh, những người Do Thái tụ tập trong hội đường của họ tại Brussels. Sau khi đặt các Bánh Thánh trên bàn, họ tàn đãi và báng bỏ thậm tệ. Sau khi phạm thánh một lúc, họ rút dao ra và đâm xuyên qua các Bánh Thánh.

Tức thì trước những cặp mắt sững sờ của bọn Do Thái, máu đã vọt chảy ra từ các vết đâm. Hơn nữa, các vũ khí của bọn tấn công rơi ra khỏi tay chúng, chúng run rẩy và ngã lăn xuống đất kinh hoàng.

Để xong mình với các Bánh Thánh chảy máu này, bọn Do Thái đã ép buộc một phụ nữ tân tông tên là Catharine đồng ý đưa các Bánh Thánh đến cho những người Do Thái tại Cologne. Nhưng vì cảm thấy hối hận và xao xuyên cực độ, chị ta đã quyết định đem toàn bộ vấn đề kể cho cha sở nhà thờ Đức Bà là linh mục Pierre Van den Eede. Phụ tá của đức giám mục Cambrai à Brussels là cha Jean d'Yssche cũng được báo tin về vụ lấy cắp này, và cùng với một ủy ban các giáo sĩ khác, ngài đã hết sức xúc động khi nhận lại các Bánh Thánh từ tay Catharine.

Sau khi được thu hồi, các Bánh Thánh đã được đưa đến nhà thờ Notre Dame de la Chapelle. Một ít Bánh Thánh được lưu giữ tại đây, các Bánh Thánh còn lại được cung nghinh trong cuộc rước đèn tạ long trọng đến nhà thờ chính tòa thánh Michael được tổ chức vào tháng 5 năm 1370. Các Bánh Thánh được các giáo sĩ thành phố hộ kiệu, cùng với tu sĩ các dòng Hành Khất, ngài công tước cùng phu nhân xứ Brabant, và rất đông các hiệp sĩ, các nhà quý tộc và công dân của thành phố, cùng với nến sáng, hương thơm và những bài thánh ca chúc tụng, trong khi đường kiệu được trang trí lộng lẫy để tôn vinh Thánh Thể. Giữa niềm hân hoan và xúc động dạt dào, các Bánh Thánh đã được tôn kính tại một nguyện đường trên ca đài cho đến khi một nguyện đường mới xứng đáng hơn được xây dựng. Sáu Bánh Thánh đã bị hủy hoại hoàn toàn trong ngày tội ác. Sau cùng, ba Bánh Thánh đã được đặt vào một bình pha lê được cân vào giữa một hình thánh giá bằng vàng.

Sau những cuộc điều tra, có hai bản tường trình khác nhau liên quan đến số phận sau cùng của bọn phạm thánh. Một bản ghi rằng vua Wenceslas, cai trị vùng Brussels vào thời kỳ ấy, đã cho bắt và xử bọn Do Thái; chúng đã thú nhận hành vi của mình và hậu quả là bị hỏa thiêu. Một bản ghi rằng cộng đồng Do Thái đã trừng trị bọn bị kết án ấy bằng hình phạt đầy khổ xứ.

Trong những năm tháng biến động 1579–1585, khi những người bè Calvin báng bỏ các thánh đường và phá hủy các thánh tích và tượng ảnh, các Bánh Thánh được lưu giữ tại nhà thờ Notre Dame de la Chapelle

đã biến mất. Những Bánh Thánh được đặt trong hình thánh giá tại nhà thờ thánh Michael lúc đầu được giấu tại bệnh viện Mười Hai Tông Đồ, và sau đó được giấu vào lỗ khoét trong một cây xà bằng gỗ tại nhà thờ thánh Michael. Khi những người theo bè Calvin lục lọi tìm các Bánh Thánh, họ đã đứng ngay bên dưới cây xà này khi đi vào – mà không biết rằng các Bánh Thánh đang ở ngay trên đầu.

Một thời kỳ bất ổn khác cho Giáo Hội tại Brussels là năm 1794, trong thời kỳ cuộc Cách Mạng Pháp, khi những thanh đồng thau và các đồ trang trí giá trị bị cướp đoạt, các bức thảm, các bình đựng bằng bạc hoặc bị phá hủy hoặc bị đánh cắp. Người ta cũng cướp đi các bức tranh của Venius, Rubens và Van Dyck. Tuy nhiên, một bộ tranh diễn tả các biến cố lịch sử của phép lạ đã được gìn giữ, và hiện nay ta có thể nhìn thấy trong nhà thờ thánh Michael.

Muốn hiểu biết và trân trọng phép lạ này, điều quan trọng là chúng ta phải xét đến vì sao biến cố phép lạ này đã được trình bày trên các khung cửa sổ kính màu, các bức họa, các tượng điêu khắc và các bức trướng, những vật đã thu hút vô số tín hữu hành hương và du khách. Trước tiên, chúng tôi xin trình bày một số thông tin về chính ngôi nhà thờ chính tòa.

Ngay từ khởi đầu, ngôi nhà thờ này đã mang tên thánh Michael. Nhưng vào thế kỷ XII, với phong trào sùng kính thánh Gudule lên đến đỉnh cao, tên nhà thờ được đổi lại và mang tên thánh Gudule, và hài cốt của thánh nhân đã được tôn kính tại nhà thờ này từ năm 1047. Vào tháng 2 năm 1962, tên của nhà thờ được đổi lại một lần nữa và nhận tên thánh Michael như trước, để phù hợp với đáng thánh bốn mạng nguyên thủy của nhà thờ. Nhưng một số tài liệu về lịch sử và kiến trúc cũng như một vài tài liệu du lịch đã đơn giản ghi sai lầm ngôi nhà thờ này là nhà thờ chính tòa thánh Gudule.

Tại nhà thờ chính tòa thánh Michael có hài cốt nhiều nhân vật quý phái cả về danh hiệu lẫn chức quyền. Nhà thờ này cũng là một điển hình về lối kiến trúc Gothic từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII. Ngôi nhà thờ ban đầu đã bị phá hủy, được tái thiết và mở rộng nhiều lần. Tuy nhiên có một vài chỗ thuộc ngôi nhà thờ ban đầu vẫn được giữ lại như giếng rửa tội có từ thế kỷ IX, và phòng áo từ thế kỷ XII. Dĩ nhiên, ngôi nhà thờ này được nổi tiếng nhờ việc lưu giữ các Bánh Thánh phép lạ năm 1370 trong một nguyên đường đã được xây dựng trong khoảng các năm 1534-1539.

Một trong những cửa sổ kính màu trong nhà thờ chính tòa có hình người vợ góa của Jonathan trao các Bánh Thánh cho những người Do Thái; một cửa sổ khác có hình các Bánh Thánh được cung nghinh từ nhà thờ Notre Dame de la Chapelle đến nhà thờ chính tòa thánh Michael. Một cửa sổ khác có hình các Bánh Thánh được giao cho đức cha John Hauchin, tổng giám mục Mechlin, người trước kia đã từng phụ trách nhà thờ thánh Michael. Ba cửa sổ khác có hình những biến cố trong lịch sử của phép lạ.

Hoàng đế Charles V dâng cúng cho nhà thờ chính tòa những cửa sổ kính màu lộng lẫy. Trong số này, có một cửa sổ có hình hoàng đế và hoàng hậu là Isabella xứ Bồ Đào Nha trong tư thế thờ lạy Thiên Chúa Cha, Đáng cho hai vị nhìn thấy cây thánh giá bằng vàng với ba Bánh Thánh phép lạ bên trong. Vòm khai hoàn trong nhà thờ cũng là vật dâng cúng của hoàng đế để tôn vinh phép lạ, ngoài ra còn bốn cửa sổ kính màu khác nữa. Những cửa sổ này có hình các vị thánh được sùng mộ, phần trên các cửa sổ trình bày các sự kiện đặc trưng liên quan đến phép lạ. Một cửa sổ khác, được làm vào năm 1542 nhưng về sau bị phá hủy, cũng có hình hoàng đế, hoàng hậu, và các vị thánh quan thầy của họ. Thay thế vào chỗ này hiện nay có một cửa sổ được làm vào năm 1848, trình bày sự hiển vinh của phép lạ. Một cửa sổ kính màu ở phía bên trái cửa sổ này có hình hoàng đế, hoàng hậu, và các con là Philip, Mary và Joan, cùng các vị thánh bốn mạng của họ đang tôn kính phép lạ.

Trên một bàn thờ có hình của thánh Michael và thánh Gudule cùng những vị thánh được tôn kính trong nhà thờ, trong khi bên dưới bàn thờ có ba bức tượng điêu khắc diễn tả các biến cố của phép lạ. Thứ vị là

phía sau bàn thờ, chôn vào tường là một phần của cây xà bằng gỗ có lỗ khoét rất kín, nơi các Bánh Thánh phép lạ đã được giấu trong suốt thế kỷ XVI đầy biến động.

Những giai đoạn lịch sử của phép lạ đã được vẽ lại trên các tấm trướng Gobelin hằng năm được treo vào tháng Bảy và tháng Tám tại các cây cột trong ca đài. Việc trưng hình vào tháng Bảy chắc chắn đã bắt đầu rất sớm trong lịch sử của phép lạ, vào thời kỳ khi ngày lễ ghi nhớ phép lạ được cử hành bằng một cuộc cung nghinh long trọng hằng năm vào Chúa Nhật sau ngày 15 tháng Bảy; việc này đã được tổ chức hằng năm trong nhiều thế kỷ. Một tấm trướng thường xuyên được treo từ năm 1770 vẽ cảnh một phép lạ chữa bệnh kỳ diệu xảy ra trước các Bánh Thánh.

Tất cả những tác phẩm và công trình nghệ thuật đầy hấp dẫn này được in trong một quyển sách hướng dẫn về nhà thờ chính tòa xuất bản vào năm 1975. Cũng trong quyển sách này có một lời chú thích gây đầy ngạc nhiên như sau:

Vào ngày 30 tháng 12 năm 1968, các vị có thẩm quyền trong tổng giáo phận Malines-Brussels tuyên ngôn rằng các lời tố cáo về vụ trộm và phạm thánh đối với bí tích Thánh Thể vào năm 1369-1370 chống lại cộng đồng người Do Thái tại Brussels là vô căn cứ.

Các du khách và các tín hữu hãy đặt các bức hình trong nhà thờ chính tòa vào bối cảnh lịch sử chính xác và đừng hiểu sai việc tôn thờ bí tích Thánh Thể.

Những nguyên nhân của lời đính chính này không được nói rõ, nhưng dường như vẫn có một lời giải thích nào đó được đảm bảo cho việc sùng kính đã được thực hiện từ năm 1370 và đã được cử hành hằng năm trong suốt nhiều thế kỷ. Hơn nữa, không thể chối cãi phép lạ này đã được các vị giáo sĩ, giáo phẩm cũng như những người có chức quyền địa vị tôn kính ngay từ ban đầu. Hơn nữa, lịch sử của phép lạ đã được nhiều tác giả ghi lại, chẳng hạn R.P. Lucq, O.P.; Navez; Estienne Ydens; Cafmeyer; và Griffet.

Bất chấp lời đính chính, các du khách và các tín hữu Brussels vẫn tôn kính phép lạ này qua việc kính viếng ngôi nguyện đường, nơi các Bánh Thánh phép lạ này đang được lưu giữ. Nguyện đường này được khởi công xây dựng từ năm 1534, kích thước khang trang, và mang hàng chữ dâng kính “Bí Tích của các phép lạ.” Tại nguyện đường này cũng như trong phần chính của nhà thờ chính tòa, các tín hữu hành hương, du khách, và các tín hữu Brussels chiêm ngưỡng 99 tác phẩm mỹ thuật, kiến trúc, và công trình nghệ thuật có từ thế kỷ XIX, đa số diễn tả phép lạ Thánh Thể tại Brussels.

Một ngôi nhà thờ đáng được đề ý tại Brussels là Chapelle de l’Expiation được xây dựng năm 1436 tại địa điểm của hội đường nơi phép lạ Thánh Thể đã xảy ra.

9. PHÉP LẠ TẠI MIDDLEBURG-LOUVAIN, NƯỚC BỈ

Năm 1374

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 21, Regina xb, USA, 2002)

Thời gian đã làm mất danh tánh của người phụ nữ quý phái, người đầu tiên được đề cập trong lịch sử của phép lạ này, chỉ biết bà là người bản xứ giàu có tại Middleburg (nằm ở phía nam nước Hòa Lan). Bà rất tốt lành với những gia nhân và ân cần chăm lo sự thăng tiến tinh thần của họ. Chính bà đích thân dạy dỗ, thôi thúc họ bằng chính việc sốt sắng tuân giữ các việc đạo đức truyền thống của Giáo Hội.

Vào Chúa Nhật thứ nhất mùa Chay năm 1374, theo thói quen thường lệ, bà hối thúc các gia nhân chuẩn bị đón mùa sám hối bằng việc xưng tội và lãnh nhận bí tích Thánh Thể. Tuy nhiên, những lời của bà chỉ được các gia nhân đón nhận như một bồn phạm chẳng đáng dừng. Một gia nhân được biết dưới cái tên

đơn giản là Jean thành Cologne, anh này cảm thấy bó buộc phải đi cùng với các người khác vì sợ xấu hổ, nhưng anh ta lên rước lễ mà không chịu dọn mình xưng tội.

Cùng qui với những người khác trên hàng song, Jean chờ linh mục đến cho rước lễ. Nhưng khi vừa được đặt lên lưỡi anh ta, Mình Thánh liền biến thành thịt làm Jean không sao nuốt được! Quá hoảng sợ trước sự kiện bất ngờ, anh ta cố gắng giấu nổi khó khăn của mình, nhưng lại phạm sai lầm khi cắn vào thịt. Vào lúc ấy, ba giọt máu nhỏ xuống từ bờ môi anh ta, thấm xuống tấm vải phủ hàng song hiệp lễ.

Sững sờ khi thấy thịt chảy máu trong miệng Jean và nhỏ giọt xuống, vị linh mục lập tức phản ứng bằng cách lấy Thánh Thể ra và kính cẩn mang lên bàn thờ, đặt vào một chiếc bình nhỏ bằng vàng.

Người ta thuật lại Jean đã bị phạt mù ngay lập tức vì tội rước lễ phạm sự thánh. Cảm thấy quá hối hận vì tội mình, anh ta qui dưới chân linh mục và thú nhận tội lỗi trước mặt cộng đoàn. **Việc thành tâm sám hối của Jean đã cho anh được phục hồi thị giác.** Sau đó, được biết Jean đã sống một cuộc đời gương mẫu và bền đỗ đến chết trong lòng sốt mến sùng kính bí tích Cực Thánh.

Các chi tiết về phép lạ đã loan truyền khắp nước và được tường trình lên đức cha Frederic III, tổng giám mục Cologne, người trước kia đã từng là công tước xứ Sarwerden. Vì khi ấy Hòa Lan thuộc đế quốc Đức, Middleburg ở dưới quyền cai quản của đức tổng giám mục Frederic. Ngài truyền phải đem Thánh Thể phép lạ ấy đến thành phố Cologne và lưu giữ tại nhà thờ chính tòa.

Cuộc kiệu Thánh Thể từ Middleburg đến Cologne đã tạo nên một sự kiện lôi cuốn trong chuyến hành trình 700 dặm. Sau khi Thánh Thể được lưu giữ an toàn tại nhà thờ chính tòa, người ta đã đặt làm một mặt nhật tinh vi để đặt Thánh Thể phép lạ vào đó. Mặt nhật có hình thánh giá, ở đầu mỗi thanh có một vành khuyên nhỏ bằng vàng có một ren bằng vàng xuyên qua. Có tượng Đức Mẹ và Thánh Cả Giuse đứng bên dưới hai tay, trong khi ở hẳn phía dưới có bức tượng nhỏ thánh Phêrô và thánh Phaolô. Ở phần giữa của thánh giá có một khung kính, qua đó có thể nhìn thấy Thánh Thể phép lạ. Việc đặt sau khung kính bầu dục ấy là ngoại thường, vì Thánh Thể phép lạ được để trên một chén thánh nhỏ bằng vàng có một nắp đậy, vì Thánh Thể để ngang với mép của chén thánh này.

Cha Jean Bayrens, bề trên tu viện thánh Augustine tại Cologne, rõ ràng ảnh hưởng quan trọng đối với đức tổng giám mục, vì ngài đã được phép đưa Thánh Thể phép lạ từ nhà thờ chính tòa đến tu viện của ngài. Ngay khi dòng thánh Augustine được đặc quyền ấy, Thánh Thể lại được tôn vinh bằng những nghi thức đặc biệt.

Năm 1380, cha bề trên Bayrens được chuyển về tu viện ở Louvain nước Bỉ. Để cố gắng cổ động lòng sùng kính đối với phép lạ này, ngài xin phép đức tổng giám mục đưa một phần của Thánh Thể này đến Louvain. Vào lúc ấy, Thánh Thể nguyên vẹn được tôn kính vẫn còn vết răng cắn làm cho chảy máu. Đức tổng giám mục chấp thuận đề nghị, nhưng dường như mọi người đều cho rằng việc dùng một dụng cụ để chia Thánh Thể làm hai phần có vẻ bất kính. Trong vòng ba ngày, các tu sĩ đã cầu nguyện và ăn chay để xin soi sáng một giải pháp cho vấn đề này. Lời cầu nguyện của họ được nhậm lời, họ phát hiện Thánh Thể đã chia làm hai phần mà không có con người can thiệp vào. Một phần Thánh Thể cùng với miếng khăn vải dính máu được trao cho cha bề trên để chuyển về Louvain; phần còn lại được lưu giữ tại Cologne trong nhà thờ giáo xứ thánh Alban.

Tại Louvain, người ta đã đặt một người thợ kim hoàn của thành phố làm một bình đựng mới. Nửa Bánh Thánh phép lạ được lưu giữ giống như tại Cologne – Thánh Thể được đặt trên một chiếc bình nhỏ để phía sau khung kính của một hộp đựng hình thánh giá. Hộp này được giữ và tôn kính tại nhà thờ thánh Jacques của dòng thánh Augustine suốt bốn thế kỷ bình an.

Đề tôn kính phép lạ, hội Bí Tích Phép Lạ đã được bề trên giám tỉnh dòng thánh Augustine thành lập vào năm 1426; những phần tử trong hội được thông công các việc lành phúc đức của các tu sĩ thuộc tỉnh dòng. Năm 1429, bề trên tổng quyền của dòng thánh Augustine tại Rome cũng chuẩn nhận cho họ một số đặc quyền. Và năm 1431, Đức Giáo Hoàng Eugene IV đã ban thêm các ân xá.

Năm 1665, Thánh Thể phép lạ được long trọng đưa đến một bàn thờ mới. Nhân dịp này, đức Alexander VII đã ban phép lành và các ân xá. Những ảnh vấy được đúc có hình Thánh Thể trong hộp đựng xinh đẹp và quý giá, nhiều họa phẩm lớn trình bày các biến cố lịch sử của phép lạ đã được thực hiện, một số hiện vẫn còn tại nhà thờ thánh Jacques.

Trong bốn thế kỷ bình an, Thánh Thể phép lạ đã được các giới chức dân sự, các thẩm quyền Giáo Hội và hoàng gia đến kính viếng. Những dịp kỷ niệm bách chu niên hoặc thường niên của phép lạ được cử hành rất long trọng và sốt sắng, với những phép lành và ân xá của đức Paul V và đức Clement XIV. Nhân dịp kỷ niệm đệ tứ bách chu niên, một chiếc hộp đựng bằng vàng nạm đá quý đã được một thợ kim hoàn tại Brussels thực hiện.

Với biến cố nữ hoàng Marie-Thérèse băng hà năm 1780 và vua Joseph II lên kế vị, sự bình an của Giáo Hội Công Giáo bị xáo trộn nghiêm trọng vì sự kiện phá bỏ các dịp lễ và các tập quán của Giáo Hội, các tu viện, các linh mục và tu sĩ nam nữ bị bách hại.

Khi tu viện thánh Augustine sắp sửa bị đóng cửa, Thánh Thể phép lạ và chiếc khăn thấm máu được ủy thác cho những người đạo đức bảo quản, và họ thấy cần phải đưa những vật thánh này đến một nơi an toàn. Có lần các thánh tích đã được giấu trong một chiếc rương lớn bằng gỗ sồi, mà hiện nay vẫn còn. Một vật khác cũng còn giữ được là chiếc khăn dùng để bọc các thánh tích khi chuyển đến nơi an toàn vào ngày 18 tháng 1 năm 1793, thời kỳ cao điểm của cuộc Cách Mạng Pháp.

Trong thời gian nguy hiểm này, Thánh Thể phép lạ và tấm khăn thấm máu vẫn không bị quên lãng. Mặc dù bị cấm mặc trang phục giáo sĩ, nhưng thỉnh thoảng các linh mục vẫn có thể dâng thánh lễ một cách âm thầm trước các thánh tích.

Hòa bình được tái lập, Thánh Thể phép lạ và tấm khăn được đem về nhà thờ của bệnh viện thuộc các nữ tu dòng thánh Augustine ngày 27 tháng 9 năm 1803. Cần thiết phải như vậy vì nguyện đường của tu viện dòng thánh Augustine đã bị bọn nổi loạn làm hư hại nặng nề. Một tháng sau, ngày 20 tháng 10 năm 1803, các thánh tích lại được đưa về nhà thờ thánh Jacques, và người ta tiến hành việc giám định để xác minh tính xác thực của các thánh tích. Chính tại ngôi thánh đường này, hiện nay vẫn còn giữ tấm khăn thấm máu và một phần Thánh Thể phép lạ.

Trong thời gian ấy, tấm khăn được cho nhà thờ của dòng thánh Augustine tại Nimegue ở Hòa Lan mượn. Khi được trả về vào ngày 13 tháng 1 năm 1808, khăn thánh lại được giữ gìn tại nhà thờ thánh Jacques. Vào năm ấy, người ta cũng làm một hộp đựng đặc biệt cho thánh tích này. Tấm khăn được để phía sau một tấm kính tròn có khung kim loại quý. Sau đó được đặt vào một hộp đựng có một ống thủy tinh có phần đế bịt kín bằng vàng và có một thánh giá bằng vàng ở phía trên. Ta có thể nhìn thấy tấm khăn rõ ràng bên trong.

Phần Thánh Thể phép lạ được giữ tại Louvain đã ngả sang màu nâu và có phần nhỏ hơn phần kia, tuy nhiên hoàn toàn vẫn có thể nhận thấy đó là thịt. Thánh Thể và chén thánh nhỏ đỡ bên dưới được đặt vào một hộp đựng được làm vào năm 1803 và được đặt phía sau một khung pha lê ở giữa một thánh giá bằng vàng. Khi hộp đựng này được tôn vinh trên bàn thờ chính hoặc được cung nghinh, một Bánh Thánh mới được truyền phép sẽ được đặt phía sau một chén thánh nhỏ cùng với phần Thánh Thể phép lạ.

Tất cả những giấy tờ quan trọng liên quan đến lịch sử, các cuộc di chuyển, và các cuộc giám định những thánh tích phép lạ đều được giữ trong văn khố của nhà thờ thánh Jacques. Mặc dù Thánh Thể và tấm khăn thánh thấm máu vẫn còn được giữ tại nhà thờ này, nhưng chính nhà thờ lại bị đóng cửa, không thể tổ chức những nghi lễ cho quần chúng vì phần nền đang bị lún, làm cho toàn bộ kiến trúc thiếu an toàn.

10. PHÉP LẠ TẠI SEEFELD, NƯỚC ÁO Năm 1384

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 22, Regina xb, USA, 2002)

Tại giáo phận Innsbruck, giữa những ngọn núi um tùm cây cối của tỉnh Tyrol ở phía tây nước Áo là ngôi làng Seefeld và nhà thờ giáo xứ thánh Oswald – một thánh đường nổi tiếng nhờ một phép lạ đã xảy ra tại đó vào ngày thứ Năm tuần Thánh năm 1384.

Vào thời đó, hiệp sĩ Oswald Milser trấn thủ lâu đài Schlossberg ở phía bắc Seefeld. Lâu đài này là một vị trí chiến lược để bảo vệ một quan ải hiểm yếu và được coi như một tiền đồn biên giới. Vị hiệp sĩ dường như hết sức tự mãn vì địa vị và uy quyền; cũng chính vì tính tự mãn của ông mà đã xảy ra sự kiện được ghi lại trong quyển Kỷ Yếu Vàng Hohenschwangau như sau:

Oswald Milser cùng với các thuộc quyền của ông xuống nhà thờ giáo xứ Seefeld. Ông đòi – hễ từ chối tức là chết – một Bánh Thánh lớn; Bánh Thánh nhỏ ông coi là quá thường. Ông lệnh cho đám thuộc hạ vũ trang bao vây vị linh mục đang hoảng sợ cùng với cộng đoàn. **Vào cuối thánh lễ, Milser, kiếm tuốt trần và đầu đội mũ, đi đến bên trái của bàn thờ chính và đứng ở đó. Vị linh mục kinh hãi trao Mình Thánh cho ông, tức thì đất dưới chân kẻ phạm thượng bỗng nhiên sụp xuống. Ông ta bị lún đến đầu gối. Tái nhợt như chết, ông ta dùng cả hai tay nắm chặt lấy bàn thờ, các đầu tay cho đến ngày nay vẫn còn được nhìn thấy.**

Những diễn biến khác từ đây tiếp tục, kể lại vị hiệp sĩ đầy hoảng hốt, xúc động van xin linh mục lấy Mình Thánh khỏi miệng ông. Ngay khi vị linh mục vừa lấy Mình Thánh ra, đất liền cứng trở lại. Lập tức, Oswald từ chỗ sụp đó bước lên và ra khỏi nhà thờ, vội vã đến tu viện Stams, nơi đây ông đã xưng tội kiêu ngạo của mình. Ông đã làm việc sám hối và qua đời một cách thánh thiện hai năm sau đó. Thế theo ước nguyện, hiệp sĩ đã được mai táng bên cạnh lối vào nhà nguyện Thánh Thể. Chiếc áo khoác bằng nhung ông đã mặc trong thánh lễ ngày thứ Năm tuần Thánh ấy được sửa lại thành chiếc áo lễ và tặng cho tu viện Stams.

Hồ sơ nhà thờ kể lại khi được lấy ra khỏi miệng vị hiệp sĩ, Bánh Thánh có màu đỏ, như thể mọng đầy máu. Ngay sau phép lạ ấy, hiệp sĩ Parseval von Weineck xứ Zirl đã dâng cúng một mặt nhật bằng bạc được làm theo kiểu Gothic để làm hộp đựng tôn trung Bánh Thánh phép lạ, và hiện nay vẫn còn.

Sau phép lạ, vì có nhiều đoàn người đông đảo đến hành hương, nên một nhà trọ đã được xây lên. Con số người hành hương gia tăng nhanh chóng đến nỗi ngôi nhà thờ trở nên quá chật hẹp. Vào năm 1423, công tước Friedrich đã lo liệu để xây một ngôi nhà thờ khác lớn hơn tại chính địa điểm cũ. Nhà thờ này hoàn tất vào năm 1472. Gần một thế kỷ sau, hoàng đế Maximilian I vì ấn tượng trước con số tín hữu hành hương đến Seefeld nên đã hứa xây một tu viện kế cận. Được khởi công xây dựng vào năm 1516, tu viện này sau đó thuộc quyền các tu sĩ dòng thánh Augustine cho đến năm 1807. Từ thời điểm ấy, tu viện này được dùng như một khách sạn để tiện việc phục vụ các tín hữu hành hương.

Đại công tước Ferdinand II xứ Tyrol cũng quan tâm đặc biệt đối với phép lạ này. Vào năm 1574, ông đã xây dựng bên trong nhà thờ này một nguyên đường Máu Thánh và đã lưu giữ Minh Thánh phép lạ trong một thời gian.

Đối với hiện trường phép lạ, lỗ sâu nơi vị hiệp sĩ bị lún đến đầu gối vẫn còn được bảo quản và chỉ cho các du khách nhìn thấy. Để giữ cho tốt, lỗ này thường được đậy bằng một chiếc vỉ có thể nhấc lên cho những ai muốn thấy. Chỗ lún nằm ở phía nam của bàn thờ phép lạ.

Trong gian cung thánh còn có bàn thờ phép lạ bằng đá, được giữ nguyên tại vị trí ban đầu. Chỗ này cách hơi xa chiếc bàn thờ được trang trí được đặt thêm vào sau đó, khi ngôi nhà thờ được mở rộng. Ngay phía trên bàn thờ bằng đá là một phiến đá bàn thờ mới có các cột đỡ bên dưới. Toàn bộ được xếp đặt khít đến độ khoảng cách giữa hai phiến đá chỉ chừng một vài inches, để có thể nhìn thấy rõ bàn thờ phép lạ. Tuy nhiên, trên mặt bàn thờ đá vẫn còn thấy rõ dấu tay bầu của hiệp sĩ Oswald khi phép lạ xảy ra. Những dấu tay này cũng được chỉ cho các du khách.

Ngoài chỗ lún dưới nền nhà và bàn thờ phép lạ, tại gian cung thánh cũng còn một dấu tích thứ ba của phép lạ – đó là mặt nhật đưng Thánh Thể phép lạ. Mặt nhật này được đặt trong một nhà tạm trên bức tường phía nam của cung thánh, gần bàn thờ chính.

Nhà thờ được bài trí nhiều vật nhắc nhớ về phép lạ. Một bức panô được vẽ năm 1502 trang trí tường phía nam của ca đài, và có những cửa sổ kính màu trình bày biến cố. Một trong những bức phù điêu ở trên chỗ thông gió ở lối đi chính trình bày về phép lạ, và một tác phẩm bích họa lộng lẫy trên trần nhà nguyện Máu Thánh, trình bày vị linh mục và vị hiệp sĩ lúc hiệp lễ, trong khi các thiên thần nâng mặt nhật đưng Thánh Thể. Về nguy nga của nhà thờ còn được tăng thêm nhờ những vật vô giá như các bức tượng, các tác phẩm chạm trổ và đồ đạc theo phong cách Gothic.

Ngôi nhà thờ thánh Oswald nguyên thủy không biết đích xác được xây khi nào, nhưng đã được sách niên giám năm 1320 đề cập đến. Ngôi nhà thờ hiện nay được hoàn thành vào năm 1472 là một công trình kiến trúc đã được hiệp hội thợ xây Innsbruck xây dựng duy nhất còn sót lại. Ngôi nhà thờ này được coi là kiểu mẫu rõ nét nhất của kiến trúc Bắc Tyrolian Gothic.

Vào năm 1984, nhà thờ thánh Oswald đã kỷ niệm 600 năm phép lạ xảy ra chính tại gian cung thánh diễm phúc này.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 15

1. PHÉP LẠ THÁNH THỂ TẠI LÀNG BOIS ISAAC, NƯỚC BỈ (BELGIUM), Năm 1405

Ở nước Bỉ có một làng nhỏ được gọi là Ittre, cách Brussels 15 dặm về hướng Nam. Ittre không có tên trên bản đồ.

Năm 1405, Chúa Giêsu đã chọn nơi này để ban cho chúng ta món quà đặc biệt của chính Ngài trong một Phép Lạ Thánh Thể.

"Chàng Thanh niên Chúa đã chọn là Gioan đệ Bois (Gioan Rừng cây). Chàng là một Thanh niên quý tộc và là người thừa kế của Chúa Isaac. Đời chàng thì đủ chuyện: trai gái, ăn chơi hội hè, cỡi ngựa, nhiều sự sang trọng khác của một người thuộc hạng quý tộc, không làm chi cả và lười thối đủ điều. Đối với ta, tất nhiên đây không phải là hạng người đáng lãnh nhận phép lạ cả thể của Chúa Giêsu. Nhưng có một điều: Anh đã thừa hưởng một gia sản thiêng liêng của các tổ tiên tức lãnh chúa Isaac, người có mối tương quan đặc biệt với Đức Mẹ.

Vào thế kỷ thứ 11 lãnh chúa Isaac đã bỏ tiền xây một nhà nguyện tôn kính Đức Mẹ. Một tượng Mẹ được đặt trong ngôi nhà nguyện, dưới tước hiệu "Mẹ Ôn Sủng và Niềm An ủi." Ngôi nhà nguyện đã trở nên Đền Thánh Đức Mẹ cho nhiều người dân địa phương. Nhiều phép lạ và những cuộc lành bệnh đã được nhận như do sự cầu bầu của Đức Mẹ tại đền thánh này. Rồi năm 1336, một cơn dịch thảm khốc phát ra, thúc đẩy lòng dân rờ tượng Mẹ khỏi căn nhà nguyện. Họ rước kiệu cùng với tượng Mẹ đi khắp cả nước, khẩn xin Mẹ cầu bầu cho họ trước nhan Chúa nhân từ, xin Chúa chặn đứng cơn dịch. Mặc dầu lời cầu xin của họ được nhận lời cơn dịch đã chấm dứt nhưng tượng Mẹ không trở về ngôi nhà nguyện nữa. Trong 69 năm tiếp đó căn nhà nguyện không được dùng làm đền thánh, cho đến khi Phép Lạ Thánh Thể xảy ra.

"Miêu duệ lãnh chúa Isaac tức Gioan Bois không phải là người hoàn toàn xấu. Anh vẫn giữ đạo Công giáo của tổ tiên. Lúc ấy đương mùa Xuân, vào ngày Thứ Ba trước Lễ Hiện xuống, khoảng nửa đêm, chàng đang ngủ say trên giường.

Có tiếng nói êm dịu đánh thức chàng. Khi mở mắt ngái ngủ ra, chàng thấy trước mặt một Thanh niên trạc 30 tuổi, mang chiếc áo khoác màu xanh có viền bằng lông chồn. Một làn sáng toát ra và bao quanh Người Thanh niên ấy. Khuôn mặt Ngài xịu xuống. Cặp mắt Ngài đăm chiêu nhìn Gioan, khiến chàng tỉnh ngủ mau chóng. Gioan giật mình vì làn sáng và sự hiện diện khó hiểu của Người Thanh niên trong phòng ngủ của mình.

Gioan hỏi xem Ngài cần gì. Trước khi trả lời Chàng Thanh niên mở chiếc áo khoác ra. Thân hình Ngài đầy những vết sẹo, vết bầm và thương tích rỉ máu. Gioan muốn ngoảnh mặt đi nhưng mắt chàng không thể rời khỏi hình ảnh đáng thương của thân hình người ấy. Ngài đã bị đánh đập dã man. Một lần nữa đôi mắt Người Thanh niên xuyên thấu lòng Gioan. Cuối cùng Ngài nói:

"Hãy nhìn xem họ bạc đãi tôi như thế nào. Hãy kiếm cho tôi một lang y và một quan tòa, người sẽ biện hộ cho tôi."

Gioan hoảng hốt hoang mang. Tâm trí chàng rối bời. Chàng cảm thấy một sự buồn sầu khó hiểu khi nhìn vào thân mình bị hành hạ quá dã man của Người Thanh niên này. Chàng lắp bắp, xin lỗi vì không thể tìm lang y đến vào giữa lúc đêm khuya như thế. Người khách không tỏ ra dấu gì bất mãn. Ngài nói tiếp như chưa hề nghe Gioan trả lời.

"Anh đã có thể tìm thấy lang y cách dễ dàng nếu anh biết chỗ tìm." Ngài nói tiếp: "Làm sao tôi lại không bị bao phủ bởi những vết thương? Mỗi ngày họ đều lại gây nên những vết mới." Rồi Người Thanh niên mở rộng chiếc áo khoác ra và chỉ vào vết thương lớn nhất ở cạnh sườn, bên dưới trái tim. Ngài nói, "Vết thương này giầy vò tôi nhiều nhất."

Gioan không nói lên lời. Chàng tiếp tục nhìn Người Thanh niên đang đứng trước mặt mình. Người Thanh niên khép áo vào. *"Nếu anh không tìm được thuốc cho tôi, ít là hãy đặt bàn tay anh lên các thương tích để xoa dịu tôi. Hãy làm những gì anh có thể. Tôi sẽ biết ơn anh cho đến khi anh có thể giúp tôi nhiều hơn... và tôi đã tha thứ cho thế gian."* Nói đến đây, Ngài biến mất.

Đêm sau, Người Thanh niên lại hiện ra với Gioan cũng cách thức như đêm trước. Ngài lại chỉ cho Gioan những vết thương của mình.

Gioan chia sẻ sự việc ấy với những người trong gia đình. Nhưng họ không tin.

Tối hôm đó chàng bảo người em trai cùng ngủ với mình. Chàng cần thêm vài sự chứng thực. Sự việc này có thật sự xảy ra không hay vì chàng là nạn nhân của tâm trí mình.

Đêm hôm ấy, Người Thanh niên lại hiện ra với Gioan. Lần này được phấn khích do sự hiện diện của em trai, Gioan mạnh dạn nói với Bóng Người: "Nếu tôi gọi lang y, tôi phải bảo ông ta đến nơi nào?"

Ngài trả lời, "Hãy lấy chìa khóa nhà nguyện và vào đây. Ở đây anh sẽ gặp tôi, và sẽ biết tôi là ai."

Rồi Gioan cảm thấy mình ngất trí, được di chuyển đến nhà nguyện bởi những năng lực bởi trời. Chàng thấy Tượng Chịu Nạn trong nhà thờ rất giống với hình ảnh Người Thanh niên đã 3 lần hiện ra với chàng. Cuối cùng, anh ta hiểu ra rằng chính Chúa Giêsu đã đến với mình.

Tình trạng xuất thần chấm dứt. Anh ta được đem trở lại giường. Anh quay sang hỏi xem em trai mình đã thấy gì, nhưng em chàng đang ngủ say. Gioan không chia sẻ được gì về những sự việc đã xảy ra với người em. Chàng đánh thức người em, và sau khi quở trách vì đã không thức để bảo vệ chàng, Gioan chia sẻ với em trai những gì đã xảy ra.

Suốt đêm hôm ấy tâm hồn Gioan rạo rực. Anh không thể ngủ được nữa. Anh ta không biết ngày hôm sau mình phải làm gì. Chàng phó mình cho Chúa trong tất cả những gì Ngài muốn về chàng. Chàng đã trở lại và được tràn đầy Chúa Thánh Thần.

Đêm ấy cha sở, Phêrô Ost, nghe thấy một tiếng gọi thầm kín bên trong. Một giọng phát từ trời nói "Hỡi Phêrô, sáng mai ngươi hãy đến Nhà Nguyện Bois Isaac và dâng Thánh Lễ tôn kính Thánh Giá."

Cha Phêrô Ost dậy sớm, và bắt đầu cuộc hành trình vượt qua rừng cây đến Nhà Nguyện Bois Isaac. Đến nơi, Ngài mở cửa nhà nguyện, rung chuông báo cho dân địa phương biết Thánh Lễ sắp được cử hành. Người đầu tiên bước vào, chính là Gioan Bois.

Khi vị Linh Mục bắt đầu dâng bánh rượ, Ngài mở chiếc khăn thánh ra và đặt vào vị trí để dâng hiến. Lúc Ngài cầu nguyện, Ngài thấy một miếng của tấm Bánh Thánh lớn nằm trên tấm khăn thánh mà Ngài đã dùng dâng lễ Thứ Ba vừa rồi. Hôm đó cũng chính là ngày Chúa Giêsu hiện ra với Gioan lần thứ nhất.

Một luồng sợ hãi xuyên thấu thân mình Ngài. Vị Linh Mục nghĩ rằng chắc trong Thánh Lễ mình đã làm rớt mụn Bánh Thánh xuống trên khăn thánh và đã gấp lại sau Thánh Lễ. Ngài tìm cách nhặt Bánh Thánh khỏi tấm khăn thánh. Cha Phêrô định sẽ chịu Minh Thánh sau khi truyền phép. Tuy nhiên, xem như Minh Thánh dính chặt vào khăn thánh, không chịu rời ra. **Khi Ngài cố sức kéo ra, Máu tươi từ Bánh Thánh bắt đầu chảy ra nhỏ giọt. Bánh Thánh vẫn không đổi hình dạng, vẫn màu trắng, nhưng Máu Thánh vọt ra chung quanh Minh Thánh.**

Vị Linh Mục cảm thấy đôi chân mình quỵ xuống. Ngài thấy sinh lực mình tan biến. Căn phòng bắt đầu quay cuồng. Ngài vịn bàn thờ để giữ thăng bằng. Gioan thấy sự việc xảy ra và chạy đến bên bàn thờ. "Cha đừng sợ. Phép Lạ này đến từ Thiên Chúa." Ban đầu vị Linh Mục nghi ngờ nhìn Gioan; nhưng Ngài thấy trong đôi mắt Gioan một ánh nhìn và một sức mạnh nội tâm phát ra từ chàng.

Cha Phêrô lấy lại tự chủ và tiếp tục dâng Lễ. Ngài gấp chiếc khăn thánh có mang Mình Thánh rỉ máu, và dùng khăn mới dâng Thánh Lễ. Tuy nhiên, trong lúc dâng Lễ Ngài cứ chú ý đến tấm khăn thánh ấy và nhận thấy vết máu càng lúc càng lớn hơn.

Sau Thánh Lễ, Cha Phêrô mở khăn thánh kia ra để xem máu từ Bánh Thánh còn chảy ra không. Bánh Thánh vẫn màu trắng, nổi trên vũng máu. **Mọi người dự Lễ đều chứng kiến Phép Lạ.**

Vị Linh Mục đau buồn vì nghĩ rằng đó là tội lỗi của mình. Nếu Ngài chịu hết Bánh thánh và không chừa lại mảnh vụn trên khăn thánh khi dâng Lễ 3 ngày trước thì đâu có việc gì xảy ra.

Trong 5 ngày Máu Thánh vẫn tiếp tục chảy ra từ Mình Thánh, cho đến Thứ Ba sau Lễ Hiện Xuống. Máu không tuôn chảy nhưng từ từ và đều đặn chảy ra. Khi ngừng chảy, Máu Thánh chiếm một khoảng diện tích rộng độ 3 inches và dài 6 inches trên tấm khăn thánh. Trong vòng vài tuần sau, Máu Thánh đã khô hoàn toàn.

Lúc này đây, những vị chức trách giáo quyền địa phương đã lấy làm hứng thú với tấm khăn kỳ lạ ấy và mang khỏi Thánh Đường Bois Isaac để điều tra. Giám Mục Thành Cambrai, Đức Cha Phêrô đệ Ailly, đã thí nghiệm khăn lễ bằng những cuộc thử nghiệm ghê sợ, trong đó có cả sự ngâm vào rượu, sữa, và kền.

Đúng lúc ấy, sự gì đã xảy ra cho anh chàng bê bồi Gioan Bois? Chàng trở nên sốt sắng. **Trong 6 năm trời chàng dùng thế lực của một người thuộc hàng quý tộc, lằng lộn tìm đủ mọi cách cầu xin đức giám mục trả tấm khăn thánh về Nhà Nguyễn Bois.**

Đức Giám Mục biết rằng mình không thể yên thân cho đến khi làm theo lời Gioan yêu cầu. Ngày 3.5.1411, vị Phó Giám Mục đã thánh hiến nhà nguyện để tôn kính Máu Cực Thánh Chúa Giêsu, tôn kính Đức Mẹ cũng như Thánh Gioan Tẩy Giả. Phép Lạ Thánh Thể được trả về nhà nguyện.

Gioan tiếp tục làm phiền Giám Mục Ailly, sau này thành Hồng Y. Sau hơn 2 năm bị Gioan nài nỉ, ngày 23.09.1413, Đức Hồng Y mở một cuộc điều tra để công khai xác nhận tính cách xác thực của phép lạ.

Đức Hồng Y gọi mình là một tín hữu đơn sơ, cá nhân Ngài hoàn toàn tin rằng sự can thiệp của Chúa đã làm nên Phép Lạ Thánh Thể tại Bois Isaac. Nhưng Ngài muốn tiến hành theo như Giáo Luật. Vì thế sự thử thách dành cho Chúa Giêsu và Gioan lại được bắt đầu. Tuy nhiên, Chúa Giêsu không cho phép thời gian thử thách quá lâu vì chỉ 17 ngày sau, ngày mùng 10.10.1413, một Tông Chiếu được ban hành, xác nhận tính cách xác thực của Phép Lạ. Đức Hồng Y cũng ban lệnh mỗi năm phải rước kiệu Thánh Thể cùng với sự tôn kính Mẹ Maria đã được ban chuẩn cho Nhà Nguyễn trước biến cố phép lạ xảy ra. Từ đó đến nay mỗi năm đều có tổ chức rước kiệu, trừ trong thời gian Cách Mạng Pháp, và có lẽ thời gian Quân Đức Quốc Xã chiếm đóng tại Bỉ.

Phép Lạ Thánh Thể vẫn còn được phô bày trong thánh đường ở xã nhỏ Ittre, nước Bỉ. Khách hành hương khắp cõi Âu Châu đến đền thờ này để kính viếng ơn đặc biệt Chúa Giêsu ban cho chúng ta.

(Minh Ngọc trích dịch từ cuốn THIS IS MY BODY, THIS IS MY BLOOD)

2. PHÉP LẠ TẠI DIJON, NƯỚC PHÁP

Trước năm 1433

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 23, Regina xb, USA, 2002)

Không biết chính xác phép lạ xảy ra vào năm nào, nhưng người ta kể rằng **một Bánh Thánh đã chảy máu xối xả khi bị một người ngoại giáo hành hạ**. Bánh Thánh này đã được giữ tại Rome trong một thời gian, được tôn kính và trân trọng như một kho tàng cao quý.

Bánh Thánh này đã được đưa ra khỏi Rome theo lệnh của Đức Eugene IV để ban thưởng cho công tước Philippe Tốt Lành xứ Burgundy, nước Pháp, vì đã có công bảo vệ Đức Giáo Hoàng tại công đồng Basel. Kinh sĩ Robert Anclou, một đại diện của Đức Thánh Cha đã đưa Bánh Thánh đến cho công tước vào năm 1433, khi ông đang ở tại Lille. Để có một nơi xứng đáng lưu giữ Thánh Thể, công tước Philippe đã chọn ngôi Nguyễn Đường Thánh tráng lệ (la Sainte Chapelle) tại Dijon, thủ phủ xứ Burgundy. Phu nhân của công tước là bà Isabelle xứ Bồ Đào Nha đã dâng cúng một mặt nhật lộng lẫy bằng vàng và bạc. Mặt nhật này còn được tô điểm bằng những đá quý, với một tấm men có biểu hiệu của hai xứ Bồ Đào Nha và Burgundy. Minh Thánh phép lạ trong mặt nhật này được tôn vinh trong các nghi thức đặc biệt trong khoảng thời gian trên 300 năm.

Người ta thuật lại sau khi được chữa lành một chứng bệnh nhờ Thánh Thể này, vua Louis XII đã gửi triều thiên của vua đến nhà thờ như biểu hiện của lòng biết ơn.

Khi cuộc Cách Mạng Pháp bùng nổ, Nguyễn Đường Thánh đã bị những người phản loạn chiếm đóng, cướp đi những đồ trang trí, rồi biến thành một nhà tù và xưởng thợ. Nhưng không hiểu sao Bánh Thánh phép lạ và chiếc phong cầm vẫn giữ lại được và được đưa đến nhà thờ giáo xứ thánh Michel để bảo quản. Vì Bánh Thánh được lưu giữ tại đó, nên có người đề nghị nâng nhà thờ thánh Michel thành nhà thờ chính tòa.

Tuy nhiên, chỗ mới này hóa ra lại không an toàn. Vào ngày 10 tháng 2 năm 1794, trước sự chứng kiến của đại biểu phe Cách Mạng, Minh Thánh đã bị “đốt cháy rụi.”

Nhà thờ thánh Michel sau đó bị biến thành đền thờ Lý Trí, “Temple de la Raison,” nơi phát hành những cáo thị về luật lệ.

Còn Nguyễn Đường Thánh đã bị phá hủy vào ngày 23 tháng 8 năm 1802 sau khi đã sử dụng làm nhà tù và xưởng thợ. Người ta nói hiện không còn lại một dấu tích nào.

3. PHÉP LẠ TẠI AVIGNON, NƯỚC PHÁP

Năm 1433

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 24, Regina xb, USA, 2002)

Sau khi thành công trong việc tẩy sạch bè rối Albigensian, những kẻ - ngoài các sai lỗi khác - còn chối bỏ sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu trong bí tích Thánh Thể, hoàng đế Louis VIII nước Pháp đã tổ chức một cuộc biểu dương công khai để đền tạ những phạm thánh mà bè rối đã gây ra.

Thành phố được chọn cho cuộc đền tạ công khai là Avignon, và thời điểm được đức vua ấn định là ngày 14 tháng 9 năm 1226, nhằm lễ Suy Tôn Thánh Giá, cũng là ngày đức vua chọn để thoái vị. Cuộc cung nghinh Thánh Thể được dự định tổ chức sẽ kết thúc tại một ngôi nguyện đường mới đã được xây dựng để tôn vinh Thánh Giá.

Đức vua mặc áo vải bố, thắt lưng bằng dây thô, và cầm một cây nến nhỏ đứng tại nguyện đường mới để chờ đoàn rước. Bên cạnh đức vua có hồng y Legate và toàn thể triều đình, cùng với đông đảo các tín hữu. Đoàn rước do đức giám mục Corbie chủ sự, ngài kiêu Minh Thánh đi qua các con đường của thành phố. Chính lòng sùng mộ của đức vua đối với bí tích Thánh Thể, và vì các tín hữu tham dự nghi thức được ơn thánh quá xúc động, nên Minh Thánh đã được tôn trọng thâm trầm và kéo dài suốt nhiều ngày sau đó, cho đến khi đức giám mục tin rằng tốt nhất là cứ tôn kính Thánh Thể công khai như vậy mãi mãi – một thói quen mà các vị kế nhiệm vẫn duy trì với sự chuẩn y của Đức Thánh Cha.

Lòng sốt sắng của dân chúng cuối cùng đã đưa đến việc thành lập một hội đạo đức có tên là Hội Nhân Xám. Trong nguyện đường Thánh Giá, các hội viên được hưởng quyền tôn thờ liên tục suốt 200 năm. Vào cuối thời gian này đã xảy ra một phép lạ diệu kỳ.

Để trân trọng phép lạ này hơn, trước tiên chúng ta nên xét đến địa thế của thành phố. Avignon tọa lạc trên bờ sông Rhone, trong lúc thị trấn chung quanh thành phố được sông Durance và lưu vực của sông Vancluse chảy qua. Hơn một lần, thành phố đã chịu ảnh hưởng vì những trận lụt lội tàn phá.

Vào năm 1433, do những cơn mưa lớn, các dòng sông đã vỡ bờ và tràn ngập, gây lụt lội cho thành phố. Vào ngày 29 tháng 11, nước lụt đe dọa nguyện đường Hội Nhân Xám. Những trận mưa xối xả đến độ các vị lãnh đạo lo lắng dòng nước dâng cao và chạm đến Thánh Thể. Để tránh tai họa, họ quyết định đưa Thánh Thể đến nơi an toàn.

Sau khi kiểm được một chiếc xuồng, một số hội viên đã chèo qua các con đường ngập nước để đến nguyện đường. **Khi vừa mở cửa, trước sự kinh ngạc tột độ, họ nhìn thấy dòng nước chảy vào nguyện đường liền rẽ đôi giống như nước Biển Đỏ trong thời Moses. Trước mặt họ, nước dựng đứng hai bên phải trái, về phía các bức tường và cao đến 4 feet (khoảng 1,2 m).** Hai nhân chứng lập tức quì gối trước phép lạ, trong khi những người còn lại vội vàng đi loan truyền tin tức về sự kiện.

Một đoạn trích từ hồ sơ của nguyện đường liên quan đến phép lạ như sau:

Vào năm 1433, phép lạ khi dòng nước tràn vào ngôi nguyện đường này thật vĩ đại. Sáng thứ Hai, ngày 29 tháng 11, dòng nước bắt đầu dâng cao. Nước tràn vào nguyện đường và đến tận bàn thờ. Bên dưới bàn thờ có đầy các hồ sơ giấy tờ và các quyển sách da, vải khăn, và các bình thánh, nhưng không vật gì bị ẩm ướt, mặc dù ngày hôm sau, tức thứ Ba, nước vẫn không ngừng dâng cao. Đến hôm sau, thứ Tư, nước mới bắt đầu rút...

Vào ngày 1 tháng 12, nước bắt đầu rút, nhiều đám đông tụ tập trước nguyện đường để tận mắt nhìn thấy các sách vở, giấy tờ, vải khăn và tất cả những thứ khác để bên dưới bàn thờ vẫn hoàn toàn khô ráo.

Phép lạ thúc đẩy sùng kính sốt sắng đối với bí tích Thánh Thể, người ta thảo luận làm cách nào để tôn vinh và kỷ niệm phép lạ này cho xứng đáng. Sau cùng, mọi người quyết định phép lạ sẽ được kỷ niệm vào ngày 30 tháng 11, ngày phép lạ được phát hiện lần đầu tiên, và sẽ được cử hành như một dịp lễ đặc biệt.

Trong nhiều năm, vào ngày kỷ niệm này, các hội viên hội Hội Nhân Xám đều cởi giày dép và quì lê gối từ cửa nhà nguyện.

Không may, vào năm 1793, thời kỳ đỉnh cao của cuộc Cách Mạng Pháp, nguyện đường Thánh Giá đã bị hủy hoại. Tuy nhiên, khi giai đoạn tai ương này chấm dứt, nguyện đường đã được tái thiết nhờ lòng

hào tâm của một gia đình quý tộc. Sau khi công cuộc tái thiết đã hoàn thành, đức tổng giám mục Avignon đã ban lại các đặc ân như trước kia, tức là một nguyên đường được đặt Minh Thánh vĩnh viễn. Được biết đặc ân này vẫn duy trì cho đến ngày nay.

4. PHÉP LẠ TẠI TURINO, NƯỚC Ý

Năm 1453

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 25, Regina xb, USA, 2002)

Tại nước Ý vào những năm ở thế kỷ 14, 15 Đức Tin người Công Giáo theo trào lưu xã hội xuống dốc đáng lo ngại. Nhiều người đạo đức thiết tha với đời sống đức tin hằng cầu xin Chúa ban cho những dấu lạ nhân tiền hầu có thể cứu vãn tình trạng Đức Tin yếu kém trong thời kỳ này. Lời cầu khẩn với Chúa của những tâm hồn đơn sơ thánh thiện đã được Chúa thương nhận lời. Và ngày 6 tháng 6 năm 1453 Chúa đã ban cho họ một phép lạ như lòng mong ước ngay lành của nhiều người.

"Hai quân nhân vừa mới được giải ngũ, họ được mô tả là những kẻ thuộc tầng lớp mạt hạng không hề tôn kính những sự thánh thiện. Khi đi qua thành phố Exilles, thì một trong hai tên ấy quyết định ăn trộm nhà thờ. Tên kia liền đồng ý ra mặt. Sau khi đã vào được bên trong, bọn chúng vơ vét những trang phục, chân đèn, và các vật quý giá khác. Mò mẫm lên bàn thờ, chúng mở cửa nhà tạm và lấy một mặt nhật bên trong có một Bánh Thánh lớn. Sau khi đã dồn tất cả lại, chúng chất lên lưng một con la rồi thẳng đường đi về hướng thành phố Turin là nơi chúng hy vọng sẽ bán được tất cả những đồ chúng đã đánh cắp.

Trời vừa chập tối, con la vừa bước qua cổng thành Turin liền bị vấp và ngã xuống đất. Mọi thứ đồ chất trên lưng đều đổ tháo và văng vãi tứ tung – kể cả chiếc mặt nhật có chứa Bánh Thánh. **Nhưng Bánh Thánh không rơi xuống đất, mà bay vọt lên không, và bay lơ lửng giữa những tia sáng rạng rỡ như một mặt trời sáng chói.** Sự kiện này xảy ra tại khu chợ xứ Grain, tọa lạc ngay trước nhà thờ San Silvestro, hiện nay là vương cung thánh đường Minh Thánh Chúa.

Dân chúng từ các nơi gần đó tuôn đến để xem điều kỳ diệu. Trong số này có mười giáo hữu: Pietrino xứ Gorzano, thuộc gia đình quý tộc thành Turin; Pietrino Da Aieris; Gasparino Buri Miolerio; Martino Bellenda; nhà quý tộc Giorgio Gastaudo; Michele Murri, một người vị vọng; Giovanni Fraconino, thợ rèn; Bonifacio thành Cassino; Antonio Manerio thành Milan, và Bartolomeo Canarino.

Sau khi đã xem xét phép lạ, một vị linh mục có tên là Bartolomeo Coccono nhanh chóng báo tin cho giám mục thành Turin là đức cha Ludovico quê Romagnano. Bận lễ phục xong, và được các nhà quý tộc và nhân viên tòa án tháp tùng, đức giám mục đi đến hiện trường phép lạ và quì gối kinh ngạc trước Bánh Thánh đang lơ lửng. Sau khi thờ lạy Thánh Thể, ngài xin một chén thánh. **Được trao một chén thánh, đức giám mục đứng lên và nâng cao. Trước sự chứng kiến của mọi người hiện diện, Bánh Thánh từ từ hạ xuống cho đến khi đáp hẳn vào trong chén thánh.**

Trong niềm sốt sắng cao độ, Bánh Thánh được đưa về nhà thờ chính tòa thánh Gioan Tẩy Giả, có nhiều tu sĩ và vô số dân chúng, kể cả mười nhân chứng đầu tiên đã được nhìn thấy phép lạ. Vì ánh quang rạng ngời của Bánh Thánh, mọi người đều gọi phép lạ này là Mặt Trời Công Chính.

Để ghi nhớ phép lạ, tổng giáo phận Turin có một chút thay đổi trong những câu xưng đáp sau một số ca vãn. Thay vì câu xưng như thường lệ: Panem de caelo praestitisti eis – “Người đã ban cho họ Bánh bởi trời,” vị linh mục sẽ xưng: Hic est panis vivus – “Đây là Bánh Hằng Sống.” Mọi người sẽ đáp lại: Qui de caelo descendit – “từ trời xuống.” Sau thánh lễ, khi ca vịnh O Sacrum Convivium được hát lên,

hai câu xướng đáp ấy lại được hát lần nữa. Thay đổi này đã được đức giám mục Ludovico thành Romagnano, người đã tiếp nhận Bánh Thánh vào chén thánh khi phép lạ xảy ra, xướng xuất, và sau đó được đức cha Rorengo di Rora áp dụng cho vương cung thánh đường Minh Thánh Chúa, và đã được tuân giữ mãi mãi tại nhà thờ giáo xứ Exilles, nơi Bánh Thánh đã bị đánh cắp.

Chén thánh mà Bánh Thánh đã đáp xuống được giữ trong nhà thờ thành phố. Về kích thước, chén thánh này phù hợp chính xác với những chén thánh khác được sử dụng vào thời kỳ của phép lạ. Ngoài ra, còn có huy hiệu của nhà Rovere được thấy bên chân chén thánh, có ý chỉ rằng nó thuộc về kinh sĩ Antoinetto Delle Rovere, bấy giờ đang là kinh sĩ tại nhà thờ chính tòa Turin từ 1449 đến 1460.

Nhà thờ Exilles, nơi Bánh Thánh lúc đầu đã bị đánh cắp, còn chịu một tổn thất gần với thời đại của chúng ta khi các tên trộm lại xâm nhập vào nhà thờ ngày 1 tháng 4 năm 1975. Rõ ràng bị lừa mất trước giá trị của nhà tạm bằng vàng cổ xưa, bọn chúng đã gỡ nhà tạm ra khỏi bàn thờ chính và đem đi. Nhà tạm này, nhiều người tin chính là nhà tạm đã dựng mặt nhật và Bánh Thánh đã bị đánh cắp vào năm 1453, bên ngoài có một vẻ trang nghiêm và kiêu dáng tinh vi. Nhưng có lẽ các tên trộm rất thất vọng khi khám phá ra rằng nhà tạm ấy thực sự không phải bằng vàng, mà chỉ là gỗ mạ vàng mà thôi.

Còn Bánh Thánh phép lạ thì sao? Theo lệnh của Tòa Thánh được truyền đến Turin trong chuyến kinh lý theo Giáo Luật của đức cha Peruoài vào năm 1584, Bánh Thánh ấy đã được hủy đi sau khi đã được lưu giữ suốt 131 năm. Nguyên nhân của việc này là "... không ép buộc Thiên Chúa phải duy trì một phép lạ mãi mãi qua việc giữ cho Bánh Thánh phải luôn luôn nguyên vẹn và tinh sạch."

Vì có nhiều tài liệu được viết sau biến cố năm 1453, nên các bản viết hiện nay vẫn còn, minh chứng phép lạ thành Turin là điều chắc chắn. Các tài liệu năm 1454, 1455 và 1456, tài liệu mang tên Observations của Enea Silvio Piccolomini viết từ 1460 và 1464, và các chi tiết do linh mục Giovanni Galesio viết một vài năm sau biến cố, cũng như lời chứng của mười giáo hữu chứng nhân, tất cả đều xác nhận biến cố này. Về các chi tiết phép lạ ở đây, chúng tôi dựa chủ yếu vào các bản văn của cha Galesio thành Turin, người viết văn được nói giống như những vần thơ.

Ngoài số lượng thủ bản và các tài liệu rất nhiều được viết từ thời kỳ phép lạ cũng như các thế kỷ sau đó, nhiều vị giáo hoàng cũng đã công nhận phép lạ này. Các đức Pius II, Gregory XVI, Clement XIII, Benedict XIV, thánh giáo hoàng Pius X, và Pius XI tất cả đều ban những ân xá và đặc ân. Vào dịp kỷ niệm 400 năm phép lạ, đức chân phúc giáo hoàng Pius IX đã chuẩn thuận một bài kinh Thần Vụ và một bài lễ đặc biệt cho tông giáo phận Turin.

Năm 1953, nhân dịp kỷ niệm 500 năm phép lạ xảy ra, nhiều nghi lễ đặc biệt đã được tổ chức tại Exilles cũng như tại Susa, một trong những thị trấn mà các tên trộm đã mang Thánh Thể đi qua. Một cuộc rước vĩ đại được tổ chức đi lại hành trình các kẻ trộm đã thực hiện để đến Turin. Tham dự trong cuộc rước này có các đức hồng y, các giám mục, và đông đảo linh mục tu sĩ, cũng như hàng ngàn giáo hữu.

Cũng đáng chú thích ở đây rằng nhà thờ chính tòa thánh Gioan Tẩy Giả, nơi trước kia đã lưu giữ Bánh Thánh phép lạ, được nối liền với một nguyện đường tráng lệ, nơi người ta có thể tìm được một báu vật quý giá khác, đó là tấm khăn liệm thành Turin.

5. Không ăn vẫn sống

Năm 1467

Thánh Nikolas de Flue có tên gọi thân mật là Bruder Klaus (1417-1487), bồn mạng nước Thụy Sĩ, trước khi qua đời 20 năm, coi như một phép lạ về Phép Thánh Thể. Trong 20 năm, Ngài đã từng sống hạnh

phúc trong bậc gia đình với vợ và 10 con, giàu sang và chức quyền. Năm 1467, nghe tiếng Chúa gọi, với sự ưng thuận của vợ con, Ngài từ giã gia đình, bỏ hết mọi sự sống đời ần tu, nhiệm nhậ, chay tịnh, ở miền Alsace. Suốt 20 năm không ăn không uống gì cho đến khi qua đời.

Xưa và nay, nghe vậy người ta cho là khó tin?

Thời ấy, hay tin, dân chúng đã đến bao vây hang động Ranft, một thắg, nơi ngài tu trì, xem có ai ra vào tiếp tế gì không. Sau một thắg canh giữ, không thấy gì, người ta mới cho đó không phải là chuyện bịa đặt.

Về Giáo quyền, trước những tin ngược xuôi, đã cử Đức Cha Thomas, giám mục phụ tá Konstanz, đến tận nơi gặp thánh nhân xem sao. Đức Cha đem theo bánh rượu để thử nghiệm. Sau khi tìm hiểu về ơn gọi của Nicolas, Đức Cha hỏi Nicolas: Theo Nicolas, nhân đức nào quan trọng. Nicolas thưa: đức vâng lời. Đức Cha liền lấy bánh và rượu giấu trong cặp mang theo, bẻ làm 3, đưa cho Nicolas, và bảo: hãy vâng lời, ăn đi. Nicolas cầm một miếng bánh, bẻ làm 3 miếng nhỏ nữa. Lâu ngày không ăn, khó khăn lắm, Nicolas mới ăn hết phần nhỏ bánh và uống chút rượu. Nhưng vừa nuốt khỏi miệng, liền ói ra ngay. Kinh ngạc Đức cha kính phục Nicolas không ăn không uống mà vẫn sống.

Chuyện lạ được loan ra khắp miền. **Cha Oswald Ysner, linh hướng của Nicolas đã làm sáng tỏ sự việc và cho biết: từ đầu, cha đã hướng dẫn Nicolas về việc chay tịnh và xác quyết, mỗi khi sau khi chịu lễ, Nicolas cho biết trong người có sức chịu đựng mầu nhiệm lạ thường, sức mạnh tràn ngập, bùng lên trong người, như ngậy ngát khiến mình dư sức chịu đựng không còn muốn ăn uống gì nữa. Sau khi thánh nhân qua đời, người ta thử nghiệm một khúc xương của ngài xem xương đó của một người có bao nhiêu tuổi. Kết quả cho biết khúc xương đó của người từ 40 đến 60 tuổi. Khoa học giáo nghiệm xác định sự biến dưỡng của Nicolas ngưng vào quắg 50 tuổi. Kết quả vừa kể, bổ túc và xác nhận Thánh Nicolas trong 20 năm cuối đời sống nhờ tác động của Phép Thánh Thể.**

Năm 1481, Thụy sỹ có sự tranh chấp ranh giới quyền hành, Thánh nhân đã trở về dàn xếp, đem lại hòa bình cho cả nước. Sau đó ngài lại trở về tu xá Ranft, tiếp tục tu sống thêm 6 năm nữa mới qua đời (21-3-1487), có vợ con xung quanh. Cả Thụy sỹ, Tin Lành lẫn Công giáo đều quý mến, tôn kính.

Đức Giáo Hoàng Pio XII tôn phong ngài lên bậc hiển thánh ngày 15-5-1947. Và chọn ngày 25-9, làm lễ kính Thánh Nicolas. (Điền Ngữ Các Thánh, Lm. Hồng Phúc, tr. 222-223. Báo TTĐM. Số 301,4-2003, tr. 30)

(Thi Chương)

6. BÁNH THÁNH VÀ CHÉN THÁNH TỎ HIỆN CHO 2 NGƯỜI DO THÁI

Thánh Tomas de Villanueva là tu sĩ dòng Thánh Agostino. Ngài sinh năm 1486 và qua đời năm 1555 tại Valencia bên nước Tây-ban-nha. Thánh nhân xuất thân từ một gia đình thượng lưu.

Ngày còn là tu sĩ trẻ, Cha Tomas de Villanueva kết thân với một thanh niên từ Do thái giáo trở lại Kitô Giáo. Tạm gọi tên chàng là Antonio. Từ ngày lãnh nhận bí tích Rửa Tội và gia nhập Giáo Hội Công Giáo, Antonio nhiệt tâm sống đạo. Chàng sống đạo thật nghiêm chỉnh và chân thành.

Một ngày chàng lâm trọng bệnh. Biết mình không thoát lưới hái tử thần, Antonio mời Cha Tomas de Villanueva đến và kể cho Cha nghe câu chuyện đời mình như sau.

Thưa Cha là người Cha, là vị an ủi, là ông thầy thuốc và là đắg chỉ đạo diu dắt linh hồn con. Xin Cha thứ lỗi cho con vì đã làm phiền Cha khi mời Cha ghé đến nhà thăm con. Thật ra con muốn tỏ lộ cùng

Cha một bí mật trọng đại. Con không muốn vĩnh viễn ra đi trước khi ủy thác cho Cha điều bí mật con vẫn giữ kín trong lòng.

Một ngày, thân phụ con sai con đi giải quyết một vấn đề nghiêm trọng. Con ra đi cùng với một thanh niên Do Thái đồng tuổi với con. Trên đường, chúng con bắt đầu thảo luận về Đấng MESSIA mà người Do Thái chúng con vẫn còn mù quáng mong mỏi chờ đợi ngày Ngài xuất hiện. Chúng con thảo luận nồng nhiệt đến độ nảy sinh niềm ước muốn được trông thấy Đấng MESSIA. Lòng đầy trào ra miệng. Chúng con cất tiếng tha thiết nguyện xin:

- A, phải chi giờ đây Ngài xuất hiện ngay nơi thời đại chúng con, hẳn chúng con sẽ sung sướng biết là chừng nào. Thật hạnh phúc biết bao nếu chúng con được may mắn trông thấy Ngài tận mắt!

Cuộc trao đổi tư tưởng cứ thế tiếp tục và càng nói, lòng chúng con càng bùng lên niềm ao ước chân thật: trông thấy Đấng MESSIA! Chúng con mãi mê nói cho đến lúc chúng con trông thấy một luồng sáng tuyệt đẹp xuất hiện trên bầu trời. Trời đã chạng vạng tối. Ánh sáng chói chang khiến chúng con có cảm tưởng như bầu trời mở ra. Ngay lúc ấy, con nhớ lại lời thân phụ con thường nói với chúng con:

- Thỉnh thoảng trời mở ra và chúng ta có thể xin Chúa vài ơn với niềm hy vọng chan chứa là thế nào Chúa cũng nhận lời chúng ta cầu xin.

Tức khắc, chúng con quì sụp xuống. Và với trọn tâm tình tha thiết, chúng con khẩn nài THIÊN CHÚA tỏ lộ Đấng MESSIA cho chúng con. Chúng con xin Chúa cho chúng con được chiêm ngưỡng thánh nhan Đấng chúng con hằng mong mỏi trông chờ từ mấy ngàn năm qua.

Giữa những tiếng khẩn nài và trước ánh sáng chói chang mà hai cặp mắt chúng con dán chặt không rời, bỗng chúng con trông thấy xuất hiện gần nơi chỗ chúng con đang quì, một Chén Thánh lóng lánh với Bánh Thánh lơ lửng bên trên. Bánh Thánh có chiều kích giống y như Bánh Thánh vị Linh Mục Công Giáo giơ cao cho giáo dân thờ lạy sau khi truyền phép. Không bút nào tả hết nỗi kinh hoàng của chúng con vào chính lúc ấy. Nhưng chỉ trong thoáng giây thôi. Bởi vì ngay sau đó, chúng con cảm nghiệm niềm an bình và an ủi khôn tả. Chúng con được giải thoát khỏi mọi nỗi sợ hãi và cùng lúc, đôi mắt linh hồn chúng con được mở rộng. Nhờ ánh sáng từ trời soi chiếu, chúng con hiểu ngay rằng, Đấng MESSIA chúng con hằng mong đợi, đang ngự thật trong Bánh Thánh. Thời gian chờ đợi đã chấm dứt lâu lắm rồi. Và tôn giáo đích thật chính là Kitô Giáo.

Khỏi cần nói nhiều Cha cũng hiểu lòng chúng con tràn ngập niềm hân hoan và tri ân THIÊN CHÚA như thế nào. THIÊN CHÚA đã đích thân chữa lành bệnh mù quáng tinh thần của chúng con bằng một phép lạ quá diệu kỳ.

Khi trở về nhà, con nghĩ nên giữ kín chuyện con đã được Chúa ban cho ơn hoán cải tâm hồn. Sau đó, vào một dịp thuận lợi, con vội vàng xin lãnh nhận bí tích Rửa Tội và gia nhập Giáo Hội Công Giáo, duy nhất, thánh thiện và tông truyền. Từ đó, giống như Cha đã biết, con luôn luôn sống đời Kitô hữu chân chính. Con luôn trung tín với các giáo huấn Tin Mừng của Chúa chúng ta là Đức Chúa GIÊSU KITÔ, Đấng Cứu Độ thế giới cùng toàn thể nhân loại.

(Père Eugène Couet, "Les Miracles Historiques du Saint Sacrement", Éditions D.F.T, Réédition 1998).

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 16

1. PHÉP LẠ TẠI MORROVALLE, NƯỚC Ý Năm 1560

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 26, Regina xb, USA, 2002)

Mới hai giờ sáng Chúa Nhật III sau Phục Sinh, nhằm ngày 16 tháng 4 năm 1560, chuông báo động cháy của làng đã gióng liên hồi đánh thức cha Bonaventure dòng Anh Em Hèn Mọn. Hoảng hốt, cha vội vàng bận áo và chạy ra trước sân tu viện. Từ đây, ngài có thể nhìn thấy nhà thờ thánh Francis. Ánh lửa từ bên trong các cửa sổ của nhà thờ đồng nghĩa với một tai họa – đó là lửa đang cháy, đe dọa đến Minh Thánh Chúa.

Khi nghe hồi chuông báo động khẩn cấp, các linh mục và dân chúng trong làng vội vã đến cứu. Có hai người là Antonio Lazzarini và Claudio Paganelli dũng cảm cố gắng, nhưng sức mạnh của ngọn lửa quá dữ dội và họ nhận ra rằng mọi sự có lẽ sẽ mất hết. Trận hỏa hoạn kéo dài suốt bảy tiếng đồng hồ. Khi ngọn lửa đã ngán, ngôi nhà thờ chỉ còn là một đống đổ nát với tro tàn nghi ngút.

Từ Ancora, cha bề trên tỉnh dòng là Girolamo đã đến để lượng định sự thiệt hại, ngài nhờ cha Battista và thầy Illuminato giúp xem xét hiện trường chung quanh bàn thờ đã bị thiêu cháy và đổ sập.

Khi đẩy những khúc cây bị cháy đen và những khối cẩm thạch đổ nát ra, cả ba vị đều sững sờ khi nhìn thấy trong một lỗ hổng giữa đám tro tàn và những hòn đá nhỏ có một Bánh Thánh, trắng tinh và nguyên vẹn. Quan sát kỹ hơn, họ thấy ngay là Bánh Thánh nằm trên một chiếc khăn thánh bị cháy sém, và chiếc khăn này lại nằm trên một tấm vải bị cháy loang lỗ.

Khi nhìn thấy Bánh Thánh nguyên vẹn giữa nơi bản thiêu và tàn hoang như thế, các linh mục đã sấp mình quỳ thờ lạy và cầu xin ơn tha thứ. Mọi người nhìn thấy Bánh Thánh đều ca ngợi sự nguyên vẹn ấy như một phép lạ, nhất là vì nhà tạm nơi lưu giữ Bánh Thánh ấy đã bị cháy rụi, và tất cả các bình thánh trong nhà tạm đều bị hư hại. Tìm kiếm chung quanh, các ngài còn tìm được chiếc hộp đựng tám Bánh Thánh này trước lúc nhà thờ bị hỏa hoạn, với chiếc nắp vẫn còn đây kín.

Vì có những đám đông dân chúng từ các miền xa đến xem hiện trường, nên đại diện tòa tổng giám mục Fermo đã ban lệnh phải tôn trọng và bảo quản hiện trường của phép lạ một cách xứng đáng và trật tự. Thánh Thể phép lạ và chiếc nắp của hộp đựng liền được đặt vào một bình pha lê, sau đó được niêm kín. Chiếc bình này được đặt trong một chiếc hộp bằng ngà, và khóa lại bằng ba chìa khóa. Hai chìa được giao cho cha bề trên và chìa còn lại được trao cho người bảo vệ tu viện.

Tin tức về phép lạ khiến đức Pius IV ban lệnh điều tra kỹ lưỡng. Để điều hành công việc này, ngài đã chọn đức cha Ludovico, giám mục Bertinoro, với sự phụ giúp của cha Cristoforo Bartoli, chưởng lý nhà thờ Loreto. Các chi tiết của sự cố này đã sớm được tường trình lên Đức Thánh Cha, và ngài đã thảo luận với nhiều vị chức sắc nổi tiếng của Giáo Hội.

Năm tháng sau khi phép lạ xảy ra, đức Pius IV đã ban hành một bửu sắc, đề ngày 17 tháng 9 năm 1560. Trong văn kiện này, sau khi đã tóm tắt các chi tiết được đệ trình, Đức Thánh Cha đã công nhận sự liên chính, cần trọng và cần mẫn của đức giám mục Ludovico trong công việc điều tra phép lạ. Sau đó, Đức Thánh Cha tuyên bố ngài đã tham vấn với nhiều giáo sĩ danh tiếng, tất cả đều không thấy có sự gian trá

hoặc lưỡng lự nào trong bản tường trình, và đồng ý sự kiện ấy vượt trên mọi giải thích tự nhiên. Ý kiến và phán quyết của các ngài về sự kiện này là *“indubitato miracolo”* (phép lạ không thể hồ nghi).

Trong bửu sắc, Đức Thánh Cha cũng tuyên bố sẽ ban ơn toàn xá cho mọi tín hữu xưng tội với tinh thần sám hối và kính viếng nhà thờ thánh Francis vào dịp kỷ niệm hằng năm phép lạ này. Đức Thánh Cha cũng ban phép sử dụng bài kinh Thần Vụ kính Mình Thánh Chúa vào dịp kỷ niệm phép lạ này.

Nhờ sự hăng tâm hăng sản của các tín hữu sốt sắng, nhà thờ thánh Francis đã được tái thiết và khang trang hơn trước khi bị hỏa hoạn. Ba gia đình – Laoarini, Marchetti và Collaterali – đã đóng góp tài chính để làm lại các bàn thờ. Một tấm bia ghi ơn của họ hiện nay vẫn còn.

Trong thời gian 300 năm sau đó, nhà thờ này đã trải qua nhiều lần trùng tu, và đồng đảo các tín hữu hằng năm đều đến kính viếng để hưởng nhờ ơn toàn xá do đức Pius IV ban cho.

Trong những năm giữa thế kỷ XIX, khi nước Ý bị chia cắt thành nhiều vương quốc, lãnh địa, và tiểu quốc, đưa đến sự tình trạng hết sức bất ổn về chính trị. Giữa những phần đất của nước Ý xảy ra chiến tranh, và có thái độ thù nghịch đối với Tòa Thánh Vatican. Trong thời kỳ đau thương này, vào năm 1860, các quân lính và côn đồ phản đạo đã xông vào nhà thờ thánh Francis, xua đuổi các tu sĩ và đánh cắp những đồ thờ và những tác phẩm nghệ thuật giá trị. Một số người cho rằng Thánh Thể phép lạ đã bị mất trong sự cố đánh cắp ấy. Nhờ lòng dũng cảm của cha Luigi và em ngài là dược sĩ Bartolomeo Baldassarrini, bức họa mang tên Đức Mẹ Ân Sủng mới thoát được. Họa phẩm lâu đời và giá trị này đều được mọi người hết sức coi trọng. Hiện nay đang được lưu giữ tại nhà thờ thánh Augustine.

Sau khi bị bọn côn đồ phạm thánh, nhà thờ thánh Francis rơi vào tình trạng thê thảm đến nỗi thánh lễ và các nghi thức tôn giáo không còn được cử hành tại đây nữa. Vì thế, Tòa Thánh Vatican đã cho phép chuyên đặc ân toàn xá sang cho nhà thờ thánh Bartholomew cho đến ngày nay. Nhà thờ thánh Francis từ đó đã được trùng tu khang trang và được nhiều tín hữu hành hương và du khách thăm viếng.

Mặc dù Thánh Thể phép lạ đã bị mất, nhưng nắp của chiếc hộp đựng trước cuộc hỏa hoạn hiện nay vẫn còn. Chiếc nắp này hiện đang được giữ trong một ống thủy tinh đặt trong một chiếc bình có chân đế, và phía trên có một hình thánh giá.

2. CA ĐOÀN THIÊN THẦN THÁP TÙNG CUỘC RƯỚC KIỆU MÌNH THÁNH CHÚA.

Năm 1564

Ngày 11-8-1264, Đức Giáo Hoàng Urbano 4 (1261-1264) ban tự sắc thiết lập lễ trọng thờ kính Mình Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ trong toàn thể Giáo Hội Công Giáo. Cùng lúc, Đức Urbano 4 cũng giao cho thánh Tommaso d'Aquino (1225-1274) nhiệm vụ soạn các bản văn Phụng Vụ cho lễ trọng đại này. Tiếc thay, Đức Urbano 4 từ trần hơn một tháng rưỡi sau đó vào ngày 2-10-1264, vì thế lễ Mình Thánh Chúa bị bỏ lửng.

Mãi đến hơn 50 năm sau, nơi Công Đồng Vienne, Đức Clemente 5 mới truyền áp dụng tự sắc của Đức Urbano 4 về việc long trọng mừng lễ Mình Thánh Chúa trong toàn thể Giáo Hội Công Giáo. Hai năm sau, 1318, Đức Gioan 22 (1316-1334) lại thêm vào lễ Mình Thánh Chúa cuộc rước kiệu trọng thể. Mình Thánh Chúa được đặt trong Mặt Nhật và được long trọng rước qua các nẻo đường làng hoặc thành phố, với hoa nền trang hoàng thật lộng lẫy.

Vào thế kỷ 16, nơi thành Luchent ở miền Bắc nước Tây Ban Nha, tín hữu Công Giáo có thói quen mừng trọng thể lễ Minh Thánh Chúa cùng với cuộc rước kiệu Minh Thánh Chúa. Giáo dân tổ chức vô cùng chu đáo. Minh Thánh Chúa được long trọng rước qua các đoạn đường thật dài. Ngày 1-7-1564 để gia tăng phần long trọng cho cuộc kiệu, người ta xin đội trống kèn âm nhạc của thành phố Xativa đến tháp tùng Minh Thánh Chúa.

Mãi đến giờ Cuộc rước phải bắt đầu, vẫn không thấy đoàn âm nhạc trống kèn đâu cả. Mọi người kiên nhẫn chờ đợi trong vòng một tiếng đồng hồ. Sau cùng, Cha Sở ra hiệu cuộc rước khởi hành.

Khi đoàn rước đi qua cửa thành, mọi người bỗng nghe rõ một điệu nhạc trỗi lên thật du dương. Tiếng trống tiếng nhạc tiếng kèn gieo vào lòng mỗi người một niềm vui khó tả. Ai nấy hài lòng vì cho rằng đội kèn thành phố Xativa đã thật sự đến nơi. Nào ngờ sau một lúc lâu, vẫn không trông thấy bóng dáng nhạc sĩ nào cả. Trong khi đó, tiếng nhạc tiếng kèn tiếng trống vẫn tiếp tục trỗi lên những bản nhạc tuyệt vời.

Toàn thể các tín hữu Công Giáo trong đoàn rước kiệu Minh Thánh Chúa nhìn nhau lộ vẻ vừa ngỡ ngàng vừa hân hoan. Một số bạn trẻ tự động rời hàng ngũ để kiểm xem ai dám ngăn chặn không cho ban nhạc thành phố Xativa nhập đoàn rước. Nhưng các bạn trẻ không trông thấy một ai. Thêm vào đó, khi ở ngoài hàng ngũ, các bạn trẻ không còn nghe được tiếng âm nhạc du dương nữa. Trái lại vừa khi đứng nghiêm trang vào hàng ngũ, tức khắc tai các bạn trẻ lại nghe được âm nhạc tuyệt vời như trước.

Chính lúc này mọi người đồng ý với nhau rằng, THIÊN CHÚA đã gọi Các Thiên Thần của Ngài - ca đoàn thiên quốc - đến thay thế cho ban nhạc thành phố thất trung, không muốn dùng tiếng kèn điệu nhạc tiếng trống vang lên lời chúc tụng ngợi khen Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITO.

Tiếng nhạc thiên quốc tháp tùng đoàn tín hữu Công Giáo rước kiệu Minh Thánh Chúa dọc theo suốt các quãng đường dài, trong trang nghiêm và sốt sắng. Ngoài ra, không phải chỉ riêng các tín hữu tham dự cuộc rước kiệu Minh Thánh Chúa được diễm phúc nghe âm nhạc tuyệt vời đến từ Trời Cao, nhưng cả một bộ lão nữa. Vị cao niên này bị bệnh phải nằm liệt giường, không thể tham gia cuộc rước kiệu Minh Thánh Chúa. Nhưng lạ lùng thay, cả cụ già này cũng được diễm phúc nghe rõ tiếng nhạc du dương réo rắt của ca đoàn các Thiên Thần đến từ Trời Cao. Thật là tuyệt diệu.

3. PHÉP LẠ TẠI ALCALÁ DE HENARES, NƯỚC TÂY BAN NHA

Năm 1597

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 27, Regina xb, USA, 2002)

Đầu năm 1597, một người vô danh tánh đã đến nhà thờ của dòng Tên tại Alcalá de Henares và thú nhận anh ta thuộc nhóm quân Moorish đã thực hiện một số vụ đánh cướp tại các nhà thờ Công Giáo. Bị lương tâm cắn rứt, người đàn ông này đã kể lại cho cha Juan Juarez, dòng Tên, về việc anh ta và đồng bọn đã đánh cướp những bình thánh và bán kiếm lợi như thế nào. Người này còn xưng ra những vụ phạm thánh kinh hãi mà anh ta và những người khác đã thực hiện đối với các Bánh Thánh trong những bình thánh này. Anh ta còn thú rằng anh ta có một số bánh thánh mới lấy được từ ba nhà thờ khác nhau. Cha Juarez khi ấy nhận từ người đàn ông này 24 Bánh Thánh, tất cả đều trắng tinh và được bọc trong một miếng giấy dày.

Cha Juarez sau đó kể lại các chi tiết về vụ này cho cha Gabriel Vazquez, người lúc đầu định sử dụng các Bánh Thánh này trong thánh lễ sau đó. Nhưng vì một vài nơi như tại Murcia và Segovia đã có những vụ đầu độc, nên các ngài quyết định giữ các Bánh Thánh này trong một chiếc hộp nhỏ bằng bạc. Và vì

không sao xác minh được câu chuyện của người đàn ông kia có đáng tin hay không, nên các linh mục không biết chắc đó có phải là những tấm bánh đã được truyền phép hay chưa. Vì lý do ấy, các ngài không đặt các Bánh Thánh này vào nhà tạm, nhưng đặt tại phòng kho của nhà thờ. Trên nắp hộp được đính một lời nhắc như sau: “Hãy đọc giấy này trước và hãy làm điều được hướng dẫn trong đó.” Những hướng dẫn này nói rằng khi bị vậy bản, các Bánh Thánh nên được hủy đi bằng nước hoặc lửa, đây là cách thể Giáo Hội đã qui định đối với các Bánh Thánh không thể được sử dụng vì một số lý do nào đó.

Mười một năm sau, vào năm 1608, cha bề trên tỉnh dòng Toledo, tiến sĩ Luis de la Palmo, cùng với cha Juarez xem xét và thấy các Bánh Thánh vẫn giữ được màu trắng tinh và vẻ tươi mới. Cha bề trên tỉnh dòng sau đó truyền đặt các Bánh Thánh vào một gian hầm dưới đất để xem độ ẩm có làm hỏng được không. Chiếc hộp đựng các Bánh Thánh này được dán nhãn đúng qui cách và được đặt xuống hầm bên cạnh một số bánh lễ khác chưa được truyền phép, cũng được đặt trong hộp và dán nhãn. Chỉ một vài tháng sau, các tấm bánh chưa được truyền phép đã bị hư hoại, trong khi các Bánh Thánh vẫn còn tươi mới và nguyên vẹn. Tình trạng bất hoại này được coi như bằng chứng hiển nhiên về một quyền năng siêu nhiên đã gìn giữ các Bánh Thánh. Một vài tháng sau đó, cha Bartolomew Perez đề nghị đưa các Bánh Thánh vào nhà tạm.

Khi nghe ý kiến của các vị tiến sĩ danh tiếng xác quyết rằng khoa học không sao giải thích được tình trạng bất hoại của các Bánh Thánh, bác sĩ Don Pedro Garcia Carrero, giáo sư viện đại học đã thực hiện một giám định công khai tỉ mỉ. Trong cuộc giám định này, năm Bánh Thánh đã được bẻ ra. Sự nguyên vẹn và độ giòn đã làm cho vị giáo sư tin rằng tình trạng trường tồn thực sự là một phép lạ, vì tình trạng nguyên vẹn ấy thách đố các định luật khoa học tự nhiên.

Ngay khi tất cả các nhà thần học, các tu sĩ, và giáo sư danh tiếng đều đồng thanh nhìn nhận rằng sự tốt nguyên của các Bánh Thánh là một phép lạ, ngài hiệu trưởng Don Francisco Robledillo đã viết một lá thư đến vị tổng đại diện giáo phận Alcalá ngày 16 tháng 7 năm 1619, xin phép tuyên bố phép lạ một cách công khai và tôn trọng các Bánh Thánh cho các tín hữu thờ lạy, bởi vì dân chúng nào nức muốn chiêm ngưỡng và thờ phượng phép lạ đạo thánh.

Địa điểm được chọn để tôn trọng các Bánh Thánh là nguyện đường bên cạnh bàn thờ của nhà thờ dòng Tên. Tại đây, các Bánh Thánh đã được cung nghinh long trọng qua các đường phố chính của thành phố, nhân dịp ấy đã được trang hoàng bằng hàng trăm phủ trướng, cờ xí và biểu ngữ.

Vào năm 1620 đã có một cuộc kính viếng các Bánh Thánh đáng ghi nhớ là cuộc kính viếng của vua Don Felipe III cùng với hoàng gia và toàn thể triều đình. Đức vua đã dâng cúng một chiếc hộp quý giá bằng xà cừ và bạc, bên trong được bọc gấm đắt giá. Các Bánh Thánh đã được giữ trong hộp này cho đến khi đức hồng y Spinola, tổng giám mục Seville và Santiago dâng một mặt nhật để thay thế.

Mặt nhật này cao 2 feet 10 inches (khoảng 0,85 m), như hình một chiếc đèn bốn cạnh. Quanh trục giữa có tám phần, mỗi phần gồm ba Bánh Thánh xếp theo chiều dọc. Các phần này làm thành một hình bát giác chung quanh trục giữa, và toàn bộ được bọc kính. Bên trên là một vòm nhỏ, đỉnh là hình thánh giá nhỏ được khắc tinh vi. Người ta nói, trong nhiều năm, trên thánh giá này có treo một chiếc nhẫn rất đẹp của vua Joseph Bonaparte, người được anh là Napoleon phong làm vua nước Tây Ban Nha, dâng kính các Bánh Thánh nhân chuyến kính viếng vào ngày 18 tháng 9 năm 1810.

Các Bánh Thánh được giữ trong nguyện đường dòng Tên cho đến năm 1777, khi vua Carlos III ban lệnh cho kinh sĩ Ramón de los Herreros truyền đưa các Bánh Thánh về nhà thờ Thầy Chí Thánh. Đúng thời biểu, các Bánh Thánh đã được rước long trọng về nhà thờ mới. Các ảnh thánh, các đồ trang trí, châu báu

ngọc ngà, các bình thánh, đèn, và mọi thứ trình bày các Bánh Thánh phép lạ hoặc được dâng cúng để trang trí chỗ tôn vinh cũng được chuyển theo.

Tại nhà thờ Thầy Chí Thánh, các Bánh Thánh được tôn kính đặc biệt vào ngày thứ Năm lễ Chúa Lên Trời, ngày được ấn định để ghi nhớ phép lạ. Hằng năm vào ngày đó, dân cư tại Alcalá de Henares ăn bận những trang phục đẹp nhất để tham dự những cuộc lễ mừng, được nói là đặc sắc đến độ không sao diễn tả được.

Năm 1904, nhà thờ Thầy Chí Thánh được nâng làm một công trình quốc gia, nhưng vào năm 1931, khi những hoàn cảnh chính trị biến động và đưa đến cuộc nội chiến Tây Ban Nha, chính phủ đã đình chỉ tất cả những hoạt động tôn giáo bên ngoài nhà thờ, buộc các lễ nghi phải tổ chức trong khuôn viên nhà thờ. Những hoạt động này bị cắt xén và ngưng hẳn vào năm 1936 khi cuộc nội chiến bùng nổ.

Vì sự chống đối của các lực lượng phản loạn ngày càng lớn mạnh và sự thù ghét của nhiều người Tây Ban Nha, những người bị ảnh hưởng sự căm phẫn của phe phản loạn, tất cả những vật thánh đã được đem giấu tại nhiều địa điểm. Một nhật đặng 24 Bánh Thánh được gìn giữ kỳ diệu đã được một linh mục đem giấu tại một địa điểm bí mật trong nhà thờ, mà chỉ một vài linh mục trong cộng đoàn biết được.

Sau cùng, nhà thờ này cũng bị chiếm và bị biến thành một doanh trại quân đội. Trên tháp chuông đặt một súng đại bác và các cửa sổ đều được bố trí súng máy. Sau đó, cả thành phố và nhà thờ Thầy Chí Thánh đều bị dội bom. Để phá hủy bình địa, người ta đã đổ một thứ chất lỏng dễ cháy và châm lửa.

Trước hoặc là trong lúc nhà thờ bị phá hủy, một vị linh mục biết được chỗ giấu đã vào và đưa các Bánh Thánh ra, nhưng ngài bị phát hiện và bị ám sát, tương tự như rất đông các linh mục và nữ tu khác trong thời kỳ nội chiến tại Tây Ban Nha. Trong khi người ta chỉ biết các Bánh Thánh đã được đưa ra khỏi nơi cất giấu trong nhà thờ, nhưng lại không biết nơi giấu và khu vực chung quanh hiện nay ở đâu.

Các tín hữu cầu xin một phép lạ để ban lại cho họ 24 Bánh Thánh phép lạ, mà họ hy vọng sẽ tôn vinh trên bàn thờ chính của một vương cung thánh đường mới được xây cất.

4. ĐỒ ĐỆ LẠC GIÁO ZWINGLI HOÁN CẢI NHỜ PHÉP LẠ THÁNH THỂ

Đan viện hoàng gia San Lorenzo ở Escorial bên Tây-Ban-Nha, do vua Philipphê II (1527-1598) thành lập. Nơi đây có tôn kính Bánh Thánh Phép Lạ. Hơn 4 thế kỷ trôi qua nhưng Bánh Thánh vẫn giữ nguyên vẹn bản chất. Bánh Thánh Phép Lạ được đặt nơi bàn thờ bên trong Phòng Thánh. Bánh Thánh được che khuất bởi một bức tranh tuyệt đẹp. Bức tranh diễn tả vua Carlo II (1661-1700) cùng với toàn thể triều đình đang quỳ gối thờ lạy Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ.

Sử liệu đan viện San Lorenzo ghi lại sự tích Bánh Thánh Phép Lạ như sau.

Thế kỷ 16 là một trong những thế kỷ đau thương nhất của Giáo Hội Công Giáo. Tại Âu Châu nổi lên phong trào Cải Cách đưa đến sự ly khai làm phát sinh các hệ phái Tin Lành. Nổi bật nhất là 3 ông tổ lạc giáo: Jean Calvin (1509-1564) người Pháp, Martin Luther (1483-1546), người Đức và Ulrich Zwingli, người Thụy Sĩ.

Hòa Lan lâm cảnh nội chiến đẫm máu, dưới chiêu bài tôn giáo. Đâu đâu cũng gặp cảnh tang thương chết chóc. Các thánh đường và các tu viện bị xúc phạm, đốt cháy. Lợi dụng “nước đục thả câu” nhóm lạc giáo Zwingli cũng xuất đầu lộ diện đánh phá khắp nơi.

Một ngày trong năm 1592, đồ đệ Zwingli hùng hổ xông vào thành Gorkum. Họ đập ảnh tượng thánh và theo thói dữ vẫn làm, họ đi đến chỗ phạm thánh. Họ ủa vào nhà thờ chánh tòa ăn cướp những gì có giá trị. Sau cùng họ cướp Bình đựng Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ và trút bỏ các Bánh Thánh xuống đất. Chưa hết, như bị quyền lực Satan điều khiển, họ còn dám giơ chân đạp lên Minh Thánh Đức Chúa GIÊSU KITÔ. **Trước hành động xúc phạm, Đức Chúa GIÊSU KITÔ không trừng phạt nhãn tiền các thủ phạm. Ngài chỉ để lại một dấu tích như bằng chứng đau thương của lòng Nhân Hậu. Một Bánh Thánh bị chà đạp bỗng tuôn ra máu tươi của người sống.**

Chứng kiến hiện tượng lạ lùng, một trong các đồ đệ lạc giáo nhận được ơn hoán cải. Tạm gọi tên ông là Gioakim. Ông Gioakim vừa có tâm tình kính tôn trước Phép Lạ Thánh Thể vừa kinh hoàng về hành động phạm thượng của mình. Hai tâm tình hỗn độn đó khiến ông bị đứng im như trời trồng. Ông muốn chạy lại cầm lấy Bánh Thánh Phép Lạ nhưng một sức mạnh vô hình ngăn cản không cho ông nhúc nhích. Sau một lúc phấn đấu, ông chạy như điên ra khỏi nhà thờ. Ông chạy một mạch đến thẳng nhà Vị Tổng Đại Diện lúc bấy giờ là Đức Ông Jean Vander Delph. Ông xúc động kể lại cho Cha Bề Trên giáo phận nghe biến cố phạm thánh vừa diễn ra nơi nhà thờ chánh tòa.

Đức Ông cùng ông Gioakim đến ngay nhà thờ. Với tâm tình tràn đầy kính tôn trước Bánh Thánh Phép Lạ, Đức Ông mang Bánh Thánh chạy trốn khỏi nhóm lạc giáo Zwingli. Cả hai rời Gorkum tiến về thành phố Malines và đến thẳng tu viện các tu sĩ dòng Thánh Phanxicô. Đức Ông giao cho các tu sĩ nhiệm vụ cất giữ Bánh Thánh Phép Lạ đồng thời làm việc đền tạ vì Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể bị xúc phạm.

Về phần ông Gioakim, ông hoàn toàn ăn năn về tội lỗi tầy trời của mình. Ông không muốn rời xa Bánh Thánh Phép Lạ. Ông xin các tu sĩ cho phép ở lại tu viện. *Sau thời gian chay tịnh, khóc lóc đền bù tội phạm thánh, ông xin gia nhập tu viện. Từ đó ông tiếp tục cuộc sống tu trì trong tâm tình thống hối và yêu mến tràn bờ đối với Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể.*

Bánh Thánh Phép lạ được tôn kính nơi tu viện các tu sĩ Phanxicô ở Malines một thời gian. Sau đó vì cần trọng, Bánh Thánh được đưa sang Vienne, thủ đô nước Áo, rồi lại chuyển đến Praha, thủ đô nước Tiệp. Sau cùng, Bánh Thánh Phép Lạ được đưa sang Tây-Ban-Nha, đặt nơi Đan viện hoàng gia San Lorenzo ở Escorial.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 17

PHÉP LẠ TẠI FAVERNEY, NƯỚC PHÁP

Năm 1608

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 28, Regina xb, USA, 2002)

Phép lạ Thánh Thể xảy ra tại Faverney, nước Pháp, không phải là một Bánh Thánh biến thành thịt hoặc chảy máu, nhưng là hiện tượng siêu nhiên vượt trên định luật của trọng lực.

Tu viện có ngôi nhà thờ xảy ra phép lạ đã được thánh Gude thành lập vào thế kỷ VIII. Tu viện này sống theo qui luật thánh Biển Đức, và lấy tên là Notre Dame de la Blanche, Đức Mẹ Màu Trắng, để tôn vinh

bức tượng nhỏ hiện nay vẫn đang được đặt trong nguyên đường ở bên phải của ca đài. Tu viện này lúc đầu dành cho các nữ tu, nhưng từ năm 1132 đã biến thành một tu viện nam.

Nếp sống tu trì tại tu viện này vào những năm đầu thế kỷ XVII không sốt sắng xứng bậc. Cộng đoàn vốn vụn chỉ có sáu tu sĩ và hai tập sinh. Để duy trì đức tin cho các tín hữu khi ấy đã bị suy giảm vì ảnh hưởng Tin Lành, các tu sĩ đã tổ chức những nghi lễ hàng năm, kể cả việc châu kính Thánh Thể để mừng lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống và ngày thứ Hai sau đó. Để chuẩn bị cho dịp lễ, người ta đã lập một bàn thờ để đặt mặt nhật trước một khung lưới sắt được bài trí gần cửa vào của ca đài.

Năm 1608, các nghi lễ Chúa Nhật Hiện Xuống được rất đông tín hữu tham dự. Đến đêm, các cửa nhà thờ được đóng lại và các tu sĩ đang chuẩn bị về nghỉ ngơi, thì hai chiếc đèn châu phụt cháy trước Thánh Thể vẫn đang được tôn trưng trên bàn thờ trong một mặt nhật đơn sơ.

Hôm sau, thứ Hai, ngày 26 tháng 5, khi ông từ tên là Don Garnier mở cửa nhà thờ, ông thấy nhà thờ đầy những khói mù và lửa đang bốc lên từ mọi phía của bàn thờ. Ông chạy vội đến tu viện để báo cho các tu sĩ, và họ lập tức cùng với ông ra sức chữa cháy cho nhà thờ. **Trong khi các ngọn lửa đang bị dập tắt, một tập sinh mới 15 tuổi tên là Hudelot nhận thấy mặt nhật đang lơ lửng trên không – hơi ngả về phía trước, nhưng không chạm đến khung lưới sắt ở phía sau bàn thờ.**

Tin tức về điều lạ lùng này nhanh chóng truyền đi, các dân làng và những linh mục từ những vùng chung quanh chẳng mấy chốc đã chật cứng nhà thờ. Các tu sĩ dòng Capuchin thuộc tu viện Vesoul cũng vội vã đến chứng kiến phép lạ. Nhiều người quì gối châu kính trong tâm tình kính sợ trước mặt nhật đang lơ lửng, trong khi rất đông người nghi ngờ cũng đến để đích thân xem xét phép lạ. Cả ngày hôm ấy và suốt đêm không hề có giới hạn nào, những người hiếu kỳ được phép đi lại tự do trong khu vực này.

Sáng sớm thứ Ba, ngày 27 tháng 5, các linh mục từ các vùng lân cận thay phiên dâng các thánh lễ liên tiếp trong khi phép lạ vẫn tiếp diễn. Vào khoảng 10 giờ sáng, lúc truyền phép trong thánh lễ do cha Nicolas Aubry, cha sở họ Menoux cử hành, cộng đoàn nhìn thấy mặt nhật quay về góc thẳng đứng và từ từ hạ xuống bàn thờ đã được thiết lập để thay cho chiếc bàn thờ cũ đã bị hư hại trong cuộc hỏa hoạn. Mặt nhật lơ lửng như thế suốt 33 tiếng đồng hồ.

Sớm ngày 31 tháng 5, đức tổng giám mục Ferdinand de Rye đã ban lệnh thực hiện một cuộc điều tra. Người ta thu thập được 44 lời cung khai của các tu sĩ, linh mục, nông dân và dân làng. Hai tháng sau đó, vào ngày 30 tháng 6 năm 1608, sau khi nghiên cứu các lời cung khai và các tài liệu thu thập trong cuộc điều tra, đức tổng giám mục đã quyết định có lợi cho phép lạ.

Chúng ta hãy xem xét một vài chi tiết liên quan đến những phương diện của phép lạ.

Bàn thờ bị cháy trong lửa – tức là ngoại trừ các chân bàn, mọi sự - tất cả những khăn vải bàn thờ, cũng như các đồ trang hoàng quý giá - đều bị cháy thành tro tàn. Một trong hai chân đèn trang trí bên cạnh bàn thờ được tìm thấy đã chảy ra vì sức nóng – tuy nhiên, bất chấp sức nóng này, mặt nhật vẫn không bị hư hại gì. Hai Bánh Thánh bên trong mặt nhật vẫn nguyên vẹn, chỉ bị sém một chút. Bốn đồ vật bên trong một chiếc ống pha lê gắn liền với mặt nhật cũng không bị hư hại; những món này gồm có một thánh tích của thánh nữ Agatha, một miếng lụa bảo vệ nhỏ, một bảng tuyên ngôn ban các ân xá của Đức Thánh Cha, và một lá thư của giám mục mà phần niêm bằng sáp đã bị chảy và chảy trên tám giấy da nhưng không làm thay đổi nội dung.

Về sự kiện mặt nhật lơ lửng, 54 nhân chứng bao gồm nhiều linh mục xác nhận rằng trong lúc mặt nhật dường như ngả về phía khung lưới sắt, một cây thánh giá nhỏ phía trên mặt nhật không hề tiếp xúc với

lưới này – thực ra, lại cách lưới sắt một khoảng khá xa. Các nhân chứng cũng xác nhận rằng mặt nhật đã lơ lửng không có vật đỡ suốt 33 tiếng đồng hồ.

Các nhân chứng đã tuyên thệ đều ký vào một bản tài liệu hiện vẫn còn được lưu giữ trong nhà thờ. Họ thề rằng mặt nhật lơ lửng không bị ảnh hưởng của tiếng ồn ào của những người đi lại quanh phép lạ – hoặc do những người thường xuyên ra vào nhà thờ, hoặc của những người đứng và nói chuyện bên cạnh bàn thờ bị cháy, hoặc của những người chạm đến khung lưới sắt, cũng không phải do việc các tu sĩ khi dập tắt đám lửa và đặt một bàn thờ tạm thời vào vị trí cũ.

Một tấm bia cẩm thạch được gắn vào nơi mặt nhật lơ lửng để đánh dấu nơi đã xảy ra phép lạ. Người ta đục trên bia đã một hàng chữ, Lieu Du Miracle, nghĩa là Vị Trí của Phép Lạ.

Vào tháng 12 năm 1608, tức là năm phép lạ đã xảy ra, một trong hai Bánh Thánh đã được đặt trong mặt nhật khi phép lạ bay lơ lửng xảy ra đã được long trọng chuyển đến thành phố Dole, lúc ấy đang là thủ đô.

Trong thời kỳ Cách Mạng Pháp, mặt nhật phép lạ không may đã bị phá hoại, nhưng Bánh Thánh đã được cất giấu và bảo quản nguyên vẹn qua cơn nguy hiểm nhờ một thành viên trong hội đồng thành phố Favorney. Sau đó, người ta đã đặt làm một mặt nhật theo các bức ảnh trước thời Cách Mạng. Trong mặt nhật mới này là Bánh Thánh phép lạ đã bay lơ lửng suốt 33 tiếng đồng hồ, thoát khỏi cơn hỏa hoạn mà sức lửa nóng đã làm chảy chân đèn kế bên.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 18

1. PHÉP LẠ THÁNH THỂ TẠI SAN-PIETRO DI PATERNO (NAM Ý), Năm 1772

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 29, Regina xb, USA, 2002)

Ngày 28-1-1772 tại làng San-Pietro di Paterno cách thành phố Napoli (Nam Ý) 2 ngàn dặm, xảy ra một vụ phạm thánh trầm trọng. Bọn gian phi lên vào nhà thờ ăn trộm 2 Bình Thánh đựng đầy Mình Thánh Chúa.

Mấy ngày sau, ông Pasquale Capozzi - một nông dân ở làng gần đó - trông thấy nơi đồng phân bón bên cạnh hầm lúa nhà ông có một chân của Bình Thánh bị đánh cắp. Tức tức mọi người ra công tìm kiếm các dấu vết của Bánh Thánh. Nhưng tuyệt nhiên không thấy Bánh Thánh nào. Ai ai cũng nghĩ có lẽ nhóm gian phi đã thủ tiêu các Bánh Thánh hầu không để lại dấu vết nào .. Dần dần dân làng quên bằng vụ trộm Mình Thánh Chúa.

Nhưng THIÊN CHÚA Quan Phòng xếp đặt cách khác. Ba tuần sau, vào chiều 19-2, Giuseppe Orefice 17 tuổi từ Napoli trở về Paterno. **Khi rẽ vào đường cái từ Capodichino đến Casoria anh bỗng trông thấy một đám ruộng rực sáng trong nông trại của ông Pasquale Capozzi. Chiều hôm sau, anh cũng trông thấy quang cảnh tương tự. Anh lo sợ đem câu chuyện kể cho song thân nghe. Nhưng mọi người chế nhạo anh.**



Sáng sớm hôm sau nữa, Giuseppe cùng với thân phụ là ông Angelo và em trai Giovanni 10 tuổi lên đường đến thành phố Napoli. Khi đi ngang cánh đồng của nông trại ông Capozzi, cảnh lạ tái xuất hiện. Cậu Giovanni nhìn thấy và reo vui. Giuseppe cũng trông thấy như em trai. Nhưng ông Angelo lại không thấy gì cả.

Câu chuyện đến tai 2 vị Linh Mục thuộc giáo phận Napoli, Cha Geromino và Cha Giacomo Guarino. Cùng với Cha Sò, vào đêm khuya 24-2, cả 3 vị đến nơi xảy ra hiện tượng lạ. Giuseppe cùng em trai Giovanni và một trẻ khác tên Thomas Piccini tháp tùng 3 Linh Mục. Đến nơi được một lúc thì cả 3 trẻ được trông thấy hiện tượng lạ. **Ngoài 3 trẻ ra, không ai khác được trông thấy ánh sáng lạ.** Mọi người đến nơi 3 trẻ chỉ và tìm xem có gì khác thường không. Nhưng không ai tìm ra điều gì khác lạ.

Tối hôm sau, Cha Giuseppe Lindinier cùng đi với 3 Linh Mục nói trên. Giờ đây 4 vị Linh Mục xác tín rằng, THIÊN CHÚA đã chọn các trẻ thơ để tỏ lộ các bí nhiệm. Vì thế các vị mang thêm 4 trẻ khác. Đến nơi được một lúc thì các thiếu niên trông thấy ánh sáng lạ bao quanh gốc cây bạch dương. Mọi người lại ra công tìm kiếm, nhưng không thấy gì đặc biệt.

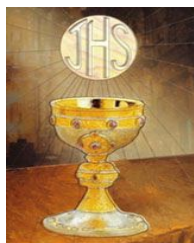
Các Linh Mục bỏ ra về. Sau đó nhóm trẻ cũng theo gót các vị. Nhưng khi các trẻ ra đến đường cái thì đám đông nơi cánh đồng lại la ó ồn ào. Nhóm trẻ như bị sức thần lôi kéo vội vàng trở lui. **Các trẻ cũng như bị sức thần ném ngã rạp xuống đất.** Vừa khi lóc góc đứng dậy chúng lại bị luồng ánh sáng chiếu ra từ cây bạch dương làm lóa mắt. Rồi từ luồng sáng chói chang này một chim bồ câu cất cánh bay lên và biến mất.

Mọi người tức tốc đào bới mảnh đất chung quanh cây bạch dương. Bỗng cậu bé Thomas Piccini thấy một vật tròn trắng tinh nằm trên đám cỏ xanh. Đến gần thì thấy đó là Minh Thánh Chúa. Một người nhanh chân chạy đi tìm Cha Giacomo Guarino. Lúc ấy là 2 giờ sáng. Đến nơi, Cha Giacomo vô cùng cẩn trọng dùng tay bới đất tìm kiếm Minh Thánh Chúa. Cha thật an ủi khi tìm thấy 40 Bánh Thánh vẫn còn nguyên vẹn. Cha để ngay vào Bình Thánh và đặt Bình Thánh trên bàn thờ thô sơ vừa được dựng lên dưới chân cây bạch dương. Với giọng run run cảm động Cha cất tiếng hát Kinh Tạ Ơn THIÊN CHÚA - TE DEUM.

40 Bánh Thánh nằm dưới đất gần một tháng nhưng không mấy may hư hại, mặc dầu mùa đông giá lạnh với những cơn mưa tầm tã. Thêm vào đó, phần đất chạm tới Minh Thánh Chúa vẫn khô ráo. Tuy nhiên, dân làng chưa thỏa nguyện. Bởi lẽ khi vụ phạm thánh diễn ra, trong Nhà Tạ Ơn có đến 2 Bình Thánh chứa khoảng 100 Bánh Thánh. Vậy thì các Bánh Thánh còn lại bị chôn dấu nơi đâu?

Tối hôm sau đó, nhóm trẻ hướng dẫn cuộc tìm kiếm lại trông thấy ánh sáng lạ. Chúng vội báo tin và mời Cha Giacomo Guarino đến ngay. Mọi người tìm kiếm thật lâu nhưng không thấy gì. Bỗng chốc Giuseppe Orefice quì sụp xuống nơi mảnh đất cần phải đào bới. Cha Guarino dùng dao để bới cho nhanh. Cha bỗng nghe một tiếng động nhẹ như tiếng bẻ bánh và Cha thấy miếng đất như chiếc vung chụp bẻ ra.

Trước mắt Cha xuất hiện hơn 50 Bánh Thánh trắng tinh, nguyên vẹn y như 40 Bánh Thánh tìm thấy tối hôm trước.



Diễn tả sao cho hết nỗi niềm hân hoan cùng lòng tri ân THIÊN CHÚA của dân làng Paterno. Họ long trọng rước Minh Thánh Chúa về Nhà Thờ. Tại đây một lần nữa mọi người cất tiếng hát Kinh tạ ơn TE DEUM.

(Père Eugène Couet, "Les Miracles Historiques du Saint Sacrement", Éditions D.F.T, Réédition 1998).

2- PHÉP LẠ THÁNH THỂ TẠI PERPIGNAN, nước Pháp

Ngày **15-9-1793**, trong tuần bát nhật lễ Sinh nhật Đức Mẹ, ngôi làng bé nhỏ **Pézilla-de-la-Rivière**, thuộc giáo phận **Perpignan, miền Nam nước Pháp**, đã vui mừng trông thấy thánh đường được mở cửa. Lý do là vì cuộc cách mạng 1789 vẫn còn ghi đậm nét kinh hoàng. Các Linh Mục, Giám Mục, Hồng Y - những vị trung thành với Giáo Hội Công Giáo Hoàn Vũ - bị bắt, bị giết hoặc bị lưu đày. Đoàn chiên vắng bóng chủ chăn, bơ vơ tang tác thật tội nghiệp thảm thương.

Linh Mục **Jacques Pérone**, cha sở họ đạo, từ nơi trú ẩn, can đảm trở về giáo xứ. Cha muốn lợi dụng trong chớp nhoáng khoảng thời gian yên tĩnh để mang lại cho đoàn chiên niềm an ủi được tham dự thánh lễ. Được mật báo, toàn thể tín hữu có mặt nơi nhà thờ. Mọi người vừa sốt sắng vừa trang nghiêm. Không thể diễn tả hết lòng hân hoan của bôn đạo. Nhưng niềm vui chỉ diễn ra vồn vẹn 3 hôm. Ngày **17-9-1793**, với con tim đau thắt, cha Jacques Pérone đành lên đường trở về nơi lưu đày tận bên nước Tây-Ban-Nha. Trước khi khuất hẳn, cha đau đớn quay lại nhìn giáo xứ thân yêu lần cuối. Đôi mắt đăm lẹ, cha buột miệng kêu lên: **"Ôi, nếu có thể, thì không gì mà tôi không đánh đổi để chỉ trở lại đó một khắc đồng hồ thôi!"**

Lời thì thào của cha Jacques Pérone đã lọt tai một thiếu nữ can đảm, đạo đức và khiêm tốn. Đó là cô **Rose Llorens**. Cô thầm đoán Bánh Thánh còn bị bỏ quên trong Nhà Tạm ở nhà thờ. Với lòng tin tưởng vững vàng nơi sự trợ giúp của Thiên Chúa, cô cương quyết tự nguyện sẽ giải thoát Chúa GIÊSU Thánh Thể khỏi các bàn tay xúc phạm của quân cách mạng vô luân vô thần.

.. Ngày **26-12-1793** ông **Jean Bonafos** về nhậm chức tân thị trưởng Pézilla. Ông là kẻ hiền đức và là người kính sợ Thiên Chúa. Thấy cơ hội thuận tiện, cô Rose trình bày ước nguyện với tân thị trưởng. Ông Jean Bonafos tức khắc chấp thuận. Ngày **7-2-1794**, cùng với một người thứ ba, ông thị trưởng và cô Rose đến nhà thờ. Ông thị trưởng tự tay mở cửa Nhà Tạm. Quả thật, ông trông thấy Bánh Thánh lớn nằm trong Mặt Nhật và 3 Bánh Thánh nhỏ còn nguyên với Bánh Thánh thứ tư bẻ đôi. Cả 4 Bánh Thánh nhỏ đặt trong Bình Thánh. Với đức tính cẩn trọng, ông Jean Bonafos lấy 4 Bánh Thánh nhỏ bỏ vào Khăn Thánh rồi ông đưa tất cả cho cô Rose cùng với mặt nhật có Bánh Thánh lớn.

Cô Rose Llorens trao mặt nhật với Bánh Thánh lớn tận tay bà Thomase, phu nhân thị trưởng. Chính ông thị trưởng Jean Bonafos đặt mặt nhật có Bánh Thánh vào rương bằng gỗ rồi dấu kín trong nhà. **Minh Thánh Chúa GIÊSU ở tại nơi trú ẩn khiêm tốn này gần trọn 7 năm, tức từ 7-2-1794 đến 9-12-1800.**

Chúa GIÊSU KITÔ không bị lãng quên. Cả hai vợ chồng ông thị trưởng luôn luôn dâng kính Chúa GIÊSU Thánh Thể lòng tôn thờ yêu mến thâm sâu.

Trong khi đó cô Rose trao 4 Bánh Thánh nhỏ cho thân mẫu là bà *Anne-Marie Llorens Estéva*. Theo lời khuyên của mẹ Joséphine de Romanya, Bề Trên tu viện Chúa Cứu Thế ở Perpignan, bà Anne-Marie đặt 4 Bánh Thánh trong một bình bằng thủy tinh, hoàn toàn trắng, rồi bọc kín với chiếc bị nhỏ bằng tơ lụa màu đỏ. Xong, bà đặt vào một ngăn tủ nhỏ dấu kín trong tường.

Nếu vì lý do cần trọng, gia đình ông thị trưởng Bonafos không thể tiếp rước nhiều người đến tôn thờ Chúa GIÊSU Thánh Thể, thì trái lại, gia đình cô Rose Llorens mở rộng cửa cho mọi người. Các tín hữu Công Giáo đạo đức, kín đáo đến thờ lạy Chúa GIÊSU KITÔ đang ẩn mình trong Bánh Thánh. Sau này, các giáo dân cao niên trong xứ đạo kể lại rằng, họ thường đem các trẻ em đến nhà cô Rose. Họ bảo chúng quỳ trước ngăn tủ có dấu Mình Thánh Chúa và dạy chúng cầu nguyện. *Hàng năm đến ngày Thứ Năm Tuần Thánh giáo dân trong làng thường dựng một bàn thờ trước ngăn tủ và trang hoàng hoa tươi thật đẹp. Rồi họ cùng nhau quỳ im lặng cầu Mình Thánh Chúa.*

.. Cuối năm 1800 là thời điểm đáng ghi nhớ đối với dân làng Pézilla-de-la-Rivière: chấm dứt những ngày bị bách hại tang tóc và cuộc rước khai hoàn Chúa GIÊSU Thánh Thể trở về ngôi thánh đường thân yêu.

Ngày 5-12-1800 cha phó Honoré Siuroles từ nơi trú ẩn trở về trước, đã đến nhà bà Anne Llorens. Cha trang trọng mở ngăn tủ nhỏ để lấy ra Bình Thánh bằng thủy tinh đựng 4 Bánh Thánh. Chính lúc này đây, cha phó vô cùng ngạc nhiên khi trông thấy 4 Bánh Thánh vẫn giữ nguyên nét trắng tinh toàn vẹn và Bình Thánh bằng thủy tinh lại được mạ vàng! Mạ vàng ngay bên trong lớp thủy tinh! Phép lạ trong phép lạ!

4 ngày sau, đến phiên cha sở Jacques Pérone trở về. Cha đến nhà ông thị trưởng Jean Bonafos lấy Bánh Thánh lớn và long trọng rước về thánh đường. Thật là một đại lễ cho toàn thể giáo xứ Pézilla-de-la-Rivière. Cha sở đặt Bánh Thánh lớn và 4 Bánh Thánh nhỏ vào trong Bình Thánh mới và để vào Nhà Tạm nơi bàn thờ chính. Gần một thế kỷ sau, tức năm 1875, khi thay Bình Thánh mới và đặt ra bên ngoài cho các tín hữu Công Giáo đến thờ lạy và kính viếng, giáo quyền lại một lần nữa có dịp ghi nhận rằng, các Bánh Thánh vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, y như lúc được cất vào Nhà Tạm ngày 15-9-1793.

(P. Eugène COUET, “Les Miracles Historiques du Saint Sacrement”, Éditions D.F.T, Réédition 1998, trang 226-230 / 150-161). (Soeur Jean Berchmans Minh Nguyệt)

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 19

1. PHÉP LẠ TẠI BORDEAUX, NƯỚC PHÁP, Năm 1822

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 30, Regina xb, USA, 2002)

Khi trật tự được vãn hồi sau cuộc Cách Mạng Pháp (1793-1798), Giáo Hội đã nỗ lực hết sức để chữa lại sự thiệt hại trong những năm kinh khủng đầy bất ổn, xáo trộn, và hủy hoại ấy. Đó là một giai đoạn quan

trọng khởi đầu cho Giáo Hội tại nước Pháp, với sự ra đời của nhiều dòng tu dần thân trong các nỗ lực từ thiện đa dạng.

Thành phố Bordeaux điếm phúc vì có ba cộng đoàn tu trì mới được thành lập. Cha William Joseph Chaminade thành lập một cộng đoàn cho nam giới gọi là Marianists; Mẹ de Laourous thành lập một cộng đoàn cho nữ giới để chăm sóc các phụ nữ cơ cùng; và cha Peter de Noailles thành lập một cộng đoàn cho nữ giới khác gọi là dòng Thánh Gia Bordeaux, các phần tử trong tổ chức này sẽ phục vụ Giáo Hội bằng nhiều phương thế khác nhau. Cộng đoàn thứ ba này - các phần tử đôi khi còn được gọi là các bà Loreto - được thành lập vào năm 1820, hai năm trước khi phép lạ xảy ra. Đáng sáng lập của cộng đoàn, cha de Noailles, lúc ấy đang là cha sở của nhà thờ thánh Eulalie. Cộng đoàn Thánh Gia Bordeaux phát triển rất nhanh, có nhiều nhà được thiết lập ở Bordeaux và vùng thôn quê lân cận. Tại một nguyện đường trong những nhà này, cụ thể là nhà ở số 22-24 phố Mazarin, phép lạ Thánh Thể Bordeaux đã xảy ra.

Chúng ta hãy để vị linh mục trong cuộc kể lại các sự kiện của phép lạ như ngài đã cẩn thận ghi chép lại. Dưới đây là bản dịch một phần của tài liệu ấy:

Tôi muốn tuyên bố rằng tôi là một linh mục hiện đang sống gần giáo xứ thánh Eulalie tại Bordeaux. Tôi không có ý định nào khác, chỉ muốn xác nhận một cách công khai đặc ân tôi muốn ghi lại biến cố có liên quan đến việc thành lập cộng đoàn các bà Loreto. Tôi chính là một nhân chứng cho điều kỳ diệu này. Trước mặt Đấng Cứu Độ, Thiên Chúa của tôi, tôi muốn làm chứng và xác nhận sự thật về những sự kiện được bao hàm trong tuyên ngôn này.

*Linh mục Noailles, bề trên dòng Loreto, không thể đích thân ban phép lành Thánh Thể cho cộng đoàn Loreto và nhờ tôi thay mặt ngài làm công việc này. Tôi đi đến nhà của các nữ tu, ngày mùng 3 tháng này, Chúa Nhật thứ ba trước mùa Chay, vào lúc bốn giờ chiều. Ngay khi vừa đến, tôi chuẩn bị làm giờ chầu phép lành Thánh Thể. Như tự nhiên, tôi đặt Minh Thánh, nhưng khi nhìn lên mặt nhật, tôi không sao thực hiện cho xong việc xông hương Thánh Thể. **Tôi nhận ra tôi đã đặt Bánh Thánh vào mặt nhật, nhưng thay vì Bánh Thánh, tôi lại nhìn thấy Chúa Cứu Thế, đầu, ngực, và tay, ở giữa vòng tròn của mặt nhật như một khung hình quanh Chúa, nhưng có điều khác là bức hình này sống thực.***

Dung mạo Chúa rất sáng láng, như một Thanh niên trạc 30 tuổi, cực kỳ xinh đẹp. Chúa mang một chiếc khăn màu đỏ sậm choàng qua vai và ngực. Đầu Chúa thỉnh thoảng hơi nghiêng về bên phải và rồi bên trái. Sững sờ trước phép lạ và không tin vào mắt mình, tôi cho đó là một ảo ảnh, nhưng phép lạ vẫn tiếp tục. Tôi không sao chắc chắn được nên ra dấu cho em giúp lễ cầm bình hương đến gần. Tôi hỏi em ấy có nhìn thấy gì khác thường không. Em trả lời đã nhận thấy phép lạ và em vẫn còn đang nhìn thấy. Tôi bảo em đi gặp bà bề trên. Tại phòng thánh, chính bà cũng đang sững sờ vì cảnh tượng này và miên man trong những tâm tình trào dâng. Về phần tôi, tôi sắp mình xuống đất. Tôi chỉ hướng mắt lên và hạ mình trước sự hiện diện của Chúa Cứu Thế của tôi. Những giọt nước mắt vui mừng chan chứa nơi tôi vì ân huệ này. Phép lạ tiếp tục kéo dài cho đến hết các ca vãn Thánh Thể, bài thánh ca, và những lời nguyện. Khi bài ca vãn chấm dứt, tôi đi lên bàn thờ, tôi không biết phải làm gì vì dường như lúc này tôi không còn đủ can đảm. Tôi nâng mặt nhật trong tay và ban phép lành, liên li ngắm nhìn Chúa Cứu Thế đang hiển hiện trong tay tôi. Tôi ban phép lành phép lạ cho các bà Loreto, một điều chắc chắn rất hiệu quả cho việc thành lập dòng mới này. Tôi đặt mặt nhật lên bàn thờ, nhưng khi mở ra, tôi không nhìn thấy Bánh Thánh mà Chúa Cứu Thế đã hiện đến ban phép lành. Run rẩy và tràn trề nước mắt, tôi rời nhà nguyện.

Ngay khi tôi vừa ra khỏi nhà nguyện, tất cả mọi người trong nhà dòng và các giáo hữu trong giáo xứ tuôn đến hỏi tôi có thấy điều kỳ diệu và nhiều câu hỏi liên quan. Tôi chỉ nói được những lời này: “Anh

chị em đã nhìn thấy Chúa Cứu Thế, đó là một dấu chỉ đặc ân Người ban cho chúng ta để làm cho chúng ta nhớ rằng Người thực sự ở với chúng ta và đòi hỏi anh chị em hãy luôn luôn yêu mến Người, thiết tha hơn trước kia, và thực hành các nhân đức, vì Người đã ban cho anh chị em một hồng ân lớn lao như vậy.” Tôi cáo từ và đi về nhà, nhưng suốt đêm tôi miên man nghĩ về phép lạ mà tôi đã được chứng kiến. Ngày hôm sau, thứ Hai, tôi đến giáo xứ thánh Eulalie và gặp cha Noailles. Tôi kể cho ngài nghe những gì đã xảy ra và những người khác cũng đến và nói về phép lạ. Mặc dù tôi tưởng mình đã nói dài về phép lạ, nhưng em giúp lễ và một vài người nữa trong nhà nguyện đã kể cho ngài nghe về những gì họ đã nhìn thấy...

Những gì xảy ra, tôi tuyên bố chính tôi đã nhìn thấy và hầu như đã chạm đến bằng tay của mình. Cho dù hậu quả lời chứng của tôi có thể nào đi nữa, tôi sẽ bị coi là đồ hết sức vô ơn và tội lỗi nhất mọi người nếu như tôi khước từ mình chứng cho sự thật này.

Tài liệu được ký tên, “Delort, linh mục,” đề ngày 5 tháng 2 năm 1822.

Ngoài chứng từ trên, bà bề trên, người đang quỳ châu tại phòng thánh, cũng làm một bản chứng từ. Từ đầu bản tường trình ấy, bà xác nhận mặc dù có thói quen cúi mặt trước Chúa Giêsu Thánh Thể, nhưng bà cảm thấy được thôi thúc nhìn lên. Bà viết tiếp:

Tôi nhận thấy Bánh Thánh đã được thay thế bởi Chúa Cứu Thế Giêsu Kitô sáng láng. Tôi có thể nhìn thấy từ đầu cho đến ngực của Người. Người ở bên trong vòng tròn của mặt nhật, nhưng dường như thỉnh thoảng Người cử động, và rồi mặt Người muốn trườn ra khỏi vòng khung để hướng về phía tôi. Tôi nhìn thấy ánh sáng chiếu ngời mọi phía, và dường như tia nào – cũng có một lúc – giống như những tia sáng dài, nở một bông hoa ở đầu trước khi biến mất. Mãi mê với sự kiện này trong suốt bài ca vãn Thánh Thể, các lời nguyện và bài thánh ca, tôi không còn sức để hát bởi vì trong lòng tôi là cả một khối sốt mến nồng nàn. Tôi tự nhủ mình thật vui sướng nếu thực sự Thiên Chúa muốn tỏ mình ra, và tôi thật hạnh phúc được gặp Người vì tôi thường mong ước đặc ân này. Tôi cảm thấy điều đó như một ảo ảnh, nhưng tôi vẫn nhìn thấy Chúa Cứu Thế dưới cùng một hình dạng. Tôi bị cuốn hút vào sự hiện diện này đến độ không nhận ra tác động gây ra nơi vị linh mục và những người khác. Tôi ra về mà không nói với ai lời nào, nhưng có những người đến và kể cho tôi về những gì họ đã nhìn thấy. Sau đó tôi nhận ra mình không sai lầm và tôi chúc tụng Chúa Cứu Thế về những hồng ân Người đã ban cho ngôi nhà nghèo nàn của chúng tôi. Tôi làm chứng tất cả những điều này trước sự hiện diện của Chúa Giêsu, Đức Mẹ Maria, và Thánh Giuse... Mặc dù chúng ta không phải lúc nào cũng nhìn thấy Chúa bằng mắt thân xác, nhưng Người đã thực sự ban cho tôi ơn được nhìn thấy Người.

Tài liệu này được ký “Mẹ Trinité, bề trên của nhà Loreto, ngày 6 tháng 2 năm 1822.”

Những chứng từ khác cũng đã được em giúp lễ và các nhân chứng khác thực hiện và ký tên, tất cả đều xác nhận họ đã nhìn thấy phân đầu, ngực, và tay của Chúa Cứu Thế có chuyển động, trong lúc Người mỉm cười dịu dàng với cộng đoàn. Họ còn kể rằng đôi khi bàn tay trái của Chúa còn chạm nhẹ vào chiếc khăn màu đỏ phủ trên vai, trong khi tay phải giơ lên ban phép lành. Thị kiến kéo dài suốt giờ châu phép lành, lâu khoảng chừng 20 phút.

Dựa trên tất cả những bản tường trình, đức tổng giám mục Bordeaux đã tuyên bố sự công nhận của Giáo Hội. Đức Leo XII ngay sau đó cũng chuẩn nhận biến cố và ký một đoạn sắc thiết lập lễ kính Thánh Gia trong nhà thờ ấy để ghi nhớ biến cố ấy, và công nhận hội dòng mới có ngôi nguyện đường phép lạ đã xảy ra. Ngoài ra, Đức Thánh Cha còn ấn định Chúa Nhật thứ ba trước mùa Chay, ngày phép lạ đã xảy ra, làm lễ kính Thánh Gia – một việc mừng kếp ngoại thường dường như chỉ được ban riêng cho giáo

phận Bordeaux. Vào năm 1921, đức Benedict XV đã mở rộng bài lễ và bài kinh của lễ này ra toàn thể Giáo Hội, và mừng trong mùa Giáng Sinh.

Hằng năm, trong những tu viện của dòng Thánh Gia có tổ chức những cuộc lễ mừng tôn vinh phép lạ này, nhưng theo chỗ chúng tôi được biết chỉ có các nữ tu, và một số ít tín hữu Công Giáo, là hiểu biết về biến cố này. Mặt nhật đơn sơ được sử dụng trong ngày xảy ra phép lạ ấy vẫn được giữ trong một tu viện của dòng tại Bordeaux.

Cha Peter de Noaille, sáng lập dòng Thánh Gia và cha sở trong thời kỳ phép lạ xảy ra, đang được đề nghị để được phong thánh.

2- Phép Lạ Thánh Thể ở Bordeaux, Pháp, năm 1822

§ Dân Chúa

Phép lạ Thánh Thể xảy ra ở Faverney, tuy Minh Thánh Chúa không biến thành thịt hay đổ máu. Nhưng đã không chịu ảnh hưởng luật trọng lượng một cách rất lạ lùng.

Tu Viện có nhà thờ phép lạ xảy ra, do thánh Giuda xây dựng vào thế kỷ thứ 8. Tu Viện sống theo luật thánh Biển Đức. Tên Tu Viện là “Tu Viện Đức Bà Trắng”, để tôn vinh một bức tượng nhỏ đặt trong nhà nguyện bên phải phía ca đoàn. Tu Viện ban đầu của các nữ tu, đến năm 1132 thì các thầy đến thay thế. Đời sống tu trì vào đầu những năm 1600 không được trọng vọng cho lắm. Vì vậy tu viện chỉ có 7 thầy và 2 tập sinh. Để duy trì Đức Tin của giáo dân đã bị yếu kém bởi ảnh hưởng của trào lưu Tin Lành. Các thầy đã duy trì những lễ hội hằng năm, gồm việc cầu Minh Thánh Chúa trong ngày lễ Chúa Thánh Thần và thứ Hai sau lễ. Để sửa soạn cho ngày lễ, một bàn thờ được xếp đặt trước một chấn song đầy trang trí gần nơi cửa ra vào của ca đoàn.

Năm 1608, những nghi lễ vào ngày Chúa Nhật lễ Chúa Thánh Thần được một số lớn dân chúng tham dự. Đến đêm, cửa nhà thờ đóng, các tu sĩ sửa soạn đi nghỉ, chỉ còn hai đèn dầu cháy sáng đặt trước hào quang trên bàn thờ.

Hôm sau, thứ Hai, ngày 26.5, thầy Phụ trách phòng thánh ra mở cửa nhà thờ, thầy thấy nhà thờ đầy khói và lửa bốc cháy mọi phía nhà thờ. Thầy vội chạy về Tu viện báo tin cho các thầy biết việc đang xảy ra trong nhà thờ. Lập tức các thầy vội vã chạy tới tìm mọi cách để cứu chữa nhà thờ. Khi đang dập tắt ngọn lửa, **một tập sinh trẻ, mới 18 tuổi, thấy hào quang lơ lửng trên không, hơi tiến lên phía trước, nhưng không nắm bắt được.**

Tin lạ chuyên đi nhanh chóng.. Dân làng và các linh mục lân cận đến đây nhà thờ. Các thầy dòng Phanxicô ở Vesoul cũng vội vã tới chứng kiến phép lạ. Nhiều người kinh ngạc quì xuống trước hào quang lơ lửng trên không. Nhưng đông đảo hoài nghi chỉ cốt đến xem sự lạ nhưng chưa tin. Những giờ còn lại trong ngày cũng như suốt đêm, người ta vẫn kéo nhau tới và những người hiếu kỳ tự do đi lại trong khu vực phép lạ.

Những giờ sáng sớm ngày thứ Ba, ngày 27.5, các linh mục lân cận luân phiên dâng lễ, phép lạ vẫn cứ tiếp diễn. Quãng 10 giờ sáng, lúc truyền phép trong thánh lễ do cha Nicolas Aubry, cha sở xứ Menoux, cử hành, cộng đoàn thấy hào quang nghiêng nghiêng và từ từ hạ xuống bàn thờ mà người ta để dưới thay cho bàn thờ đã bị cháy. Việc đó kéo dài 33 tiếng đồng hồ.

Ngày ngày 31.5, Đức Tổng Giám Mục Ferdinand de Rye truyền lập một uỷ ban điều tra có 54 người gồm các tu sĩ, linh mục, nông dân và dân làng trong xứ. Hai tháng sau, ngày 30.7.1608, sau khi điều tra

và cứu xét thận trọng, mọi người đã trình lên Đức Tổng Giám mục một bản phúc trình rất đầy đủ. Đức Tổng Giám mục đã duyệt xét mọi chi tiết nên ngài đã tuyên bố sự kiện xảy ra trên đây là một phép lạ.

Chúng ta tìm hiểu một vài khía cạnh phép lạ: Bàn thờ bị cháy thành một đồng tro, trừ các chân bàn thờ. Tất cả khăn bàn thờ cũng như đồ trang trí cũng bị cháy. Một trong hai chân nến trên bàn thờ bị sức nóng chảy thành đồng sắt. Sức nóng như thế mà hào quang vẫn nguyên vẹn. Hai Minh Thánh Chúa trong bình chỉ bị cong chút xíu. Bốn đồ vật trong một ống bằng pha lê gắn vào hào quang cũng không bị hư hoại. Xương thánh của thánh Agata, một mảnh lụa nhỏ bọc xương thánh, bản đồ của Đức Giáo Hoàng về các ân xá, và một thư của Đức Giám mục. Sáp gắn bị cháy xuống thư, nhưng không phá hủy các chữ. Tất cả đều được an toàn.,

Còn về việc hào quang lơ lửng trên không, 54 nhân chứng, trong đó có nhiều linh mục, đã xác nhận rằng: hào quang nghiêng về chẵn song, nhưng thánh giá nhỏ trên hào quang không hề chạm. Quả thực có một khoảng cách rõ ràng. Các nhân chứng quả quyết hào quang lơ lửng trong 33 giờ đồng hồ. Các nhân chứng đã viết lời thề và ký tên. Bản văn này vẫn còn lưu giữ cho tới ngày nay. Họ cũng thề rằng hào quang lơ lửng không do một tác động nào của dân chúng đứng chung quanh hào quang hay ra vào trong nhà thờ.

Một tấm bảng cẩm thạch được gắn dưới nơi đã xảy ra với những hàng chữ: **“Nơi xảy ra phép lạ”**

Tháng 12 năm 1608, năm xảy ra phép lạ, một trong hai Minh Thánh Chúa ở trong hào quang thời phép lạ, được long trọng rước về thành phố Dole, hồi đó là thủ phủ của miền này. Trong thời Cách mạng Pháp, hào quang chẳng may bị phá hủy. Nhưng Minh Thánh Chúa được các Nghị viên Hội Đồng thành phố Faverney bảo vệ. Họ giấu đi cho tới khi nguy hiểm trôi qua. Sau này, hào quang được làm lại như trước, dựa theo các bức tranh. Và Minh Thánh phép lạ được đặt trong hào quang này.

3. PHÉP LẠ TẠI DUBNA, NƯỚC BA LAN *(Hiện nay là Dubna, nước Nga)*

Năm 1867

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 31, Regina xb, USA, 2002)

Để trân trọng phép lạ tại Dubna, trước tiên chúng ta phải xét đến những hoàn cảnh chính trị và Giáo Hội tại Ba Lan vào năm 1863, bốn năm trước khi phép lạ xảy ra.

Nước Nga láng giềng khi ấy có một ảnh hưởng đối với Ba Lan, họ cố gắng loại bỏ tinh thần dân tộc và ngôn ngữ Ba Lan. Ngôn ngữ chính thức tại Ba Lan trong thời kỳ ấy là tiếng Nga. Tại những nơi công cộng và các lớp học, việc sử dụng tiếng Ba Lan bị cấm nghiêm ngặt. Những người Ba Lan bị thất nghiệp, mọi đoàn thể bị đàn áp, các địa danh mang tên Ba Lan đều bị đổi sang tiếng Nga và các điền trang tư nhân đều bị tịch thu.

Giáo Hội Ba Lan phải chịu các điều kiện vừa vô lý vừa khó khăn. Vì Công Giáo được nhìn nhận là tôn giáo chính, nên họ đã cố gắng hết sức – và đã thành công – trong việc làm sút mẻ lòng trung thành với Đức Thánh Cha và giảm thiểu uy quyền của ngài trên Giáo Hội. Các tu viện bị đàn áp, tài sản Giáo Hội bị tịch thu, các việc sùng kính công cộng, các cuộc rước kiệu, việc thiết lập các đền thánh bên đường, và việc trùng tu các nơi thờ phượng đều bị cấm đoán, trong khi các sách phụng vụ và việc sùng kính của bè rối được áp đặt vào các nhà thờ Công Giáo.

Vào năm 1865, tất cả những mối bang giao giữa nước Nga với đức Pius IX, người có thái độ nâng đỡ và thông cảm với dân tộc Ba Lan, bị cắt đứt. Thay vì để Đức Thánh Cha điều hành Giáo Hội, một hội đồng kinh sĩ đã được thành lập tại thành phố St. Petersburg để làm việc như một cơ quan điều hành chính yếu. Các giám mục, các linh mục hạt trường và các công hội đã chống lại biện pháp này, kết quả là một số vị lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội Ba Lan bị đày sang Nga. Theo gương của các vị lãnh đạo, các giáo sĩ – được sự kính phục và nêu gương cho các tín hữu - cũng can đảm giữ vững lập trường và không nhìn nhận thẩm quyền của hội đồng kinh sĩ.

Tuy nhiên, trên thực tế cũng có nhiều người Công Giáo nhất đảm đã bỏ đạo để theo bè đảng.

Trong những thời kỳ đàn áp như thế, dường như Chúa Cứu Thế cảm thương dân tộc Ba Lan chịu chiến tranh tàn phá. Như để làm bù đắp niềm hy vọng và ban cho họ một dấu chứng về sự chở che đầy tình hiền phụ, Người đã hiện ra tại một nhà thờ Công Giáo nhỏ tại Dubna, ở một ngôi làng nhỏ thuộc Ba Lan. (Ngày nay, theo sự kiện thay đổi đường biên giới, Dubna thuộc về nước Nga, cách thành phố Tula chừng 25 dặm về hướng Tây).

Các tín hữu trong giáo xứ rất đạo đức đã âm thầm làm việc sùng kính Bốn Mươi Giờ vào ngày 5 tháng 2 năm 1867. **Trong lúc mặt nhật được tôn kính trên bàn thờ, các tín hữu sát bàn thờ chỉ cho nhau thấy những tia sáng lấp lánh dịu dàng từ Bánh Thánh chiếu ra. Sau đó, bỗng nhiên, hình ảnh rõ nét của Chúa hiện ra ở giữa Bánh Thánh!**

Cha xứ đang cử hành các nghi thức đã cẩn trọng xem xét phép lạ. Hơn nữa, nhiều người trong cộng đoàn cũng đến gần sát bàn thờ để đích thân xem xét sự kiện hiện ra – mặc dù một phần vì sợ hãi, một phần vì sốt mến khiến cho họ không sao tiến lên các bậc của bàn thờ được. Người ta kể lại sự kiện hiện ra kéo dài đến khi việc sùng kính kết thúc. Mọi người hiện diện đều được nhìn thấy phép lạ – cả các tín hữu Công Giáo, những người đang tham dự nghi thức vì lòng đạo đức, và cả những người thuộc các bè đảng, những kẻ bị thúc đẩy chỉ vì tính tò mò.

Tin tức về sự kiện lan ra khắp khu vực và làng xã, và vì một vài người thuộc các bè đảng cũng đã chứng kiến sự lạ, nên việc này đã khiến nhà cầm quyền chú ý. Vị linh mục sau đó được triệu đến gặp giám đốc công an để làm tờ cung khai. Thông tin sau đó được chuyển đến ngài thủ hiến tại Schitomir, ông này dọa sẽ bỏ tù bất kỳ ai bàn tán về phép lạ. Tuy nhiên, vị linh mục đã tường trình chi tiết cho giám mục, nhưng ngài đòi giữ im lặng vì lo sợ nhà cầm quyền sẽ đóng cửa nhà thờ.

Mặc dù tin tức về phép lạ lan truyền rất nhanh chóng và âm thầm, nhưng đã gây được sự chú ý của toàn cõi đất nước Ba Lan đau thương – đem đến niềm ủi an và khích lệ lớn lao cho các tín hữu trong lúc đang đợi chờ phục hồi chủ quyền đất nước và được tự do sống niềm tin Công Giáo của mình.

4- PHÉP LẠ THÁNH THỂ TẠI LỘ ĐỨC

Kể từ cuộc hành hương toàn quốc Pháp đầu tiên vào năm **1888** các cuộc hành hương Lộ Đức nối tiếp đều mang một nét đặc thù. Đó là các cuộc rước kiệu Thánh Thể trọng thể, bày tỏ lòng tôn sùng kính yêu của các tín hữu Công Giáo đối với Chúa GIÊSU KITÔ ẩn mình trong bí tích Thánh Thể.

Thế nhưng, năm **1888** là năm đáng ghi nhớ nhất.

Tờ **Nhật Ký Lộ Đức - Le Journal de Lourdes**, số xuất bản **tháng 8 năm 1888** đã tường thuật tỉ mỉ biến cố trọng đại như sau.



Chúng kiến cảnh tượng buồn thương của các tín hữu hành hương - tuy vẫn giữ vững lòng tin cậy mến - , Trời Cao đã gợi ý cho một linh mục thánh thiện. Cha thâm nghĩ: “Tại sao không tổ chức một buổi rước kiệu Minh Thánh Chúa, mang Chúa GIÊSU Thánh Thể đi qua giữa đoàn bệnh nhân? **Tại sao không khuyến khích các tín hữu dâng lên Chúa GIÊSU Thánh Thể lời tung hô đi kèm lời khẩn cầu chữa lành bệnh tật phần xác, y như khi Chúa GIÊSU còn sống nơi dương thế?**”

Lời đề nghị của vị linh mục thánh thiện được Cha Picard hân hoan tiếp nhận. Cha tức khắc thu thập những câu chúc tụng, các lời van xin ghi trong Phúc Âm rồi in trên một tờ giấy khổ nhỏ và phân phát cho các tín hữu hành hương. Đúng 4 giờ chiều ngày 22-8-1888, Minh Thánh Chúa GIÊSU được long trọng rước ra từ Đền Thánh, đi giữa đoàn tín hữu hành hương tay cầm nến sáng. Sau khi đoàn rước đi qua Hang Đá Đức Mẹ Lộ Đức, các lời khẩn cầu bắt đầu vang lên với trọn nhiệt tâm, nhiệt huyết, không thể nào diễn tả cho hết.

Khi đầu đoàn rước tiến ra bờ sông Gave, mọi người hiện diện cùng có chung một tư tưởng: **“Lộ Đức không còn là Lộ Đức mà là thành Giêrusalem thời Chúa GIÊSU KITÔ. Chúa Cứu Thế đang xuất hiện sống động và khải hoàn với những công trình kỳ diệu ..** Suốt đời, tôi sẽ không bao giờ quên tiếng kêu, quên đám đông cùng với các lời khẩn thiết hòa lẫn nước mắt chan hòa tuôn rơi”.

Một luồng gió thánh linh đầy phấn khởi thổi trên đầu mọi tín hữu hiện diện. Từ trên các băng-ca, các chiếc giường, các xe lăn, những bệnh nhân đang đau đớn nơi thể xác, đồng thanh van xin. Hòa nhịp với lời cầu thống thiết, toàn thể các tín hữu hành hương cũng cất tiếng kêu xin, lập lại lời của người bất toại và người mù thành Giêricô thưa cùng Chúa GIÊSU rằng: **“Lạy Chúa, nếu Ngài muốn, xin Ngài chữa con lành bệnh!”**

Ngay lúc ấy, trước Hang Đá Đức Mẹ, ở giữa đám đông, ở giữa tình thương triu mến, ở giữa những gì thâm sâu nhất, cao cả nhất trong tâm hồn con người, trước mặt Con Thiên Chúa phúc lành, trước sự chứng kiến của toàn dân nước Pháp, 8 người bệnh nằm liệt giường được chữa khỏi và đứng thẳng lên: **“Hãy đứng dậy, vác giường mà về nhà đi!”**, *Mát-thêu, chương 9 câu 6.*

Làm sao diễn tả cho hết quang cảnh cảm động trên đây? Khi lời kinh Magnificat long trọng cất lên, vang dội và chiến thắng, không ai cầm được nước mắt cảm tạ và tri ân.

Người ta dễ dàng tưởng tượng ra quang cảnh đầy phấn khởi của buổi lễ cử hành ngay đêm hôm ấy. Cuộc rước được diễn ra trong vòng hai tiếng đồng hồ, làm sáng rực toàn khu vực Trung Tâm Thánh Mẫu Lộ Đức: từ Hang Đá cho đến Đền Thánh và mọi lối đi dọc theo bờ sông Gave. Sau khi hát Kinh Tin Kính,

đoàn tín hữu hành hương vang lên những lời chúc tụng như: **Vạn tuế Chúa GIÊSU KITÔ! Vua Chiến Thắng! Vạn Tuế Đức Bà Lộ Đức! Hoan hô Đức Thánh Cha Lêô 13!**



Sáng hôm sau 23-8-1888, muôn người như một, chỉ mở miệng để nói về cuộc rước kiệu Minh Thánh Chúa và biến cố xảy ra vào buổi chiều hôm trước. Vì thế, mỗi người tự nguyện sẽ tham dự cuộc kiệu Minh Thánh Chúa vào lúc 4 giờ chiều hôm ấy. Nói thế để hiểu rằng, toàn khu vực Trung Tâm Thánh Mẫu Lộ Đức đông chật tín hữu hành hương. Hàng trăm bệnh nhân nằm trên cáng được khiên ra đặt trên lối đi.



Khi Chúa GIÊSU Thánh Thể xuất hiện, tức khắc tái diễn quang cảnh xảy ra vào buổi chiều hôm trước. Hay nói đúng hơn, mọi tâm hồn như sốt sắng hơn, cảm động hơn và phấn khởi tươi vui hơn. Mọi người cất tiếng hát, đọc kinh và kêu cầu với những lời ghi trong Phúc Âm: **“Lạy Chúa GIÊSU, xin thương chữa lành chúng con! Lạy Chúa GIÊSU, kẻ Thầy yêu đang ốm nặng!”** Người đau bệnh cũng như kẻ lành mạnh, tất cả đều giơ tay khẩn thiết hướng về phía Minh Thánh Chúa.

Thế là, Chúa GIÊSU Thánh Thể Lộ Đức liền ra tay ban phúc lành, đáp trả lời kêu cầu của mọi người thiện tâm. **Một chủng sinh bị bệnh đang ở giai đoạn cuối đời, liền đứng thẳng lên khỏi chiếc cáng đang nằm, và mạnh dạn tiến bước theo sau chiếc kiệu Minh Thánh Chúa. Rồi một bệnh nhân thứ hai và một bệnh nhân thứ ba, cũng đứng lên hân hoan bước theo sau Chúa GIÊSU Thánh Thể.**

Các nhân viên khiêng cáng phải khó nhọc lắm mới giữ được các bệnh nhân nằm im. Mọi người như cuốn hút vào bầu khí hân hoan phúc lành, cảm tạ và tri ân. Khi ba người khỏi bệnh tiến gần đến Hang Đá Lộ Đức giữa tiếng vỗ tay vang dội, thì những vụ khỏi bệnh khác được tiếp diễn. Một người, hai người, rồi nhiều người được lành mạnh, đứng thẳng lên và vui tươi nhập bọn với anh chị em khác.

Ôi, diễn tả sao cho cùng những tâm tình kín ẩn của mọi người hiện diện lúc ấy. Không ai bảo ai, tất cả đồng thanh cất tiếng tụng hô: **“Hosanna - Vạn tuế Con Vua Đavít! Chúc tụng Đấng nhân danh Thiên Chúa mà đến!”**

Kể từ sau biến cố trọng đại ấy, hàng năm khi diễn ra các cuộc rước kiệu Minh Thánh Chúa nơi Hang Đá Lộ Đức, các tín hữu hành hương như cảm thấy lòng mình tràn ngập lòng tin/cậy/mến đối với Minh Thánh Chúa GIÊSU và không ngớt lời chúc tụng ngợi khen. Và Chúa GIÊSU Thánh Thể cũng rộng tay ban phát các ơn lành hồn xác cho tất cả những ai cầu khẩn Ngài với trọn lòng tin/cậy/mến.
(Soeur Jean Berchmans Minh Nguyệt)

5. HÌNH CHÚA HÀI ĐỒNG VÀ MÁU THÁNH TỪ MINH THÁNH

Ngày 13-7-1857, Đức Chân Phúc Giáo Hoàng Pio IX (1846-1878) đến hành hương Ferrare (Trung Bắc Ý). Chiều hôm ấy, cùng với đoàn tùy tùng gồm các Hồng Y, Tổng Giám Mục và Giám Mục, Đức Pio IX trang nghiêm tiến vào đền thờ Santa Maria del Vado nơi có thánh tích Phép Lạ Thánh Thể xảy ra trước đó gần 7 thế kỷ. Thánh đường nhân dịp này được thắp sáng trông thật uy linh lộng lẫy. Đức Pio IX đến quỳ trước Nhà Tạm, thờ lạy Đức Chúa GIÊSU Thánh Thể. Xong, ngài bước sang bàn thờ bên cạnh, nơi có thánh tích Máu Thánh Đức Chúa GIÊSU ghi trên các tấm đá. Đức Pio IX lặng lẽ quỳ gối thờ lạy Máu Châu Báu Cực Thánh của Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Sau khi thờ kính, Đức Thánh Cha tiến lại gần quan sát kỹ lưỡng các Vết Máu. Ngài quay sang nói với mọi người hiện diện:

- Các Giọt Máu này giống y các Giọt Máu Phép Lạ ghi trên Khăn Thánh thành Orvieto vào năm 1263.

(Câu nói chứng tỏ sự thật hiển nhiên của Phép Lạ Thánh Thể tại cả hai nơi: Ferrare và Orvieto, đều thuộc nước Ý)

Năm 1871, nhân kỷ niệm 700 năm xảy ra Phép Lạ Thánh Thể Ferrare (1171-1871), Đức Thánh Cha Pio IX ban cho thành một ân huệ đặc biệt. Đó là hàng năm vào Chúa Nhật thứ 5 sau Phục Sinh, toàn thể giáo phận Ferrare được cử hành các nghi lễ trọng thể để kính nhớ Phép Lạ Thánh Thể.

Sau đây là diễn tiến Phép Lạ được ghi trong sử liệu Giáo Hội Công Giáo.

Chúa Nhật Phục Sinh 26-3-1171, nơi nhà thờ Santa Maria del Vado, cử hành Thánh Lễ trọng thể mừng Đức Chúa GIÊSU Phục Sinh. Chủ tế Thánh Lễ là Cha Pietro di Verona, một Linh Mục nổi tiếng thánh thiện. Hiện diện trong Thánh Lễ còn có một số Linh Mục khác và đông đảo giáo dân thành Ferrare tham dự.

Sau lời truyền phép khi vị chủ tế giơ cao Minh Thánh Chúa cho giáo dân thờ lạy, bỗng toàn thể cộng đoàn trông thấy rõ ràng hình ảnh Đức Chúa GIÊSU Hài Đồng xuất hiện trong Bánh Thánh. Thân Thể Đức Chúa GIÊSU Hài Đồng nằm trọn trong Bánh Thánh. Vào thời kỳ đó, tại nước Ý, Bánh Thánh lớn thường có chiều kích gấp 4,5 lần Bánh Thánh lớn hiện nay. Do đó, toàn thể cộng đoàn có thể chiêm ngắm rõ ràng hình ảnh Đức Chúa GIÊSU Hài Đồng xuất hiện trong Bánh Thánh.

Thánh Lễ được tiếp tục trong sự xúc động sâu xa của toàn thể cộng đoàn. Thế nhưng, sự lạ êm ái nhẹ nhàng đầu tiên lại tiếp nối một sự lạ thứ hai, oai hùng và đáng run sợ hơn. **Đó là, khi vị chủ tế cầm lấy Bánh Thánh và bẻ ra làm đôi, bỗng Máu Thánh Chúa dồi dào tuôn ra từ Bánh Thánh. Máu Thánh chảy ra lênh láng. Chưa hết, Máu Thánh còn phun vọt lên khiến trần đền thờ lấm tẩm các giọt Máu Thánh. Mọi tín hữu có mặt đều khiếp kinh hồn vía..** Sau đó, người ta nghĩ rằng, Phép lạ Máu Thánh tuôn ra từ Bánh Thánh như câu trả lời cho những người Do Thái lúc ấy đang có mặt tại thành Ferrare. Những người Do Thái này thường rêu rao từ chối không tin Đức Chúa GIÊSU hiện diện thật sự trong Bánh Thánh. Không tin đã đành, họ còn dám chế nhạo và xúc phạm đến Đức Tin của các tín hữu Công Giáo.

Phép Lạ Thánh Thể quá hiển nhiên. Tin đồn loan nhanh trong thành phố và các vùng phụ cận. Mọi người tức tốc chạy đến chứng kiến tận mắt Phép Lạ Máu Thánh Đức Chúa GIÊSU tuôn ra từ Bánh Thánh. Chính Đức Cha Amato, giám mục Ferrare cũng đích thân đến ngay nhà thờ Santa Maria del Vado. Chứng kiến hiện tượng diệu kỳ, đức giám mục long trọng tuyên bố trước toàn thể các tín hữu:

- THIÊN CHÚA đã thực hiện một công trình cao cả và trọng đại.

Về phần Đức Cha Gerardo, Tổng Giám Mục giáo phận Ravenna, khi nghe tin đồn Phép Lạ Thánh Thể cũng mau mắn đến ngay Ferrare. Trước Máu Thánh phép lạ, Đức Cha quỳ gối thờ kính thật lâu. Sau đó, Đức Cha ban ân xá cho tín hữu nào đến kính viếng Máu Thánh Đức Chúa GIÊSU với trọn lòng tin yêu. Đức Tổng Giám Mục cũng không ngần ngại tuyên bố:

- Quả thật, chính THIÊN CHÚA đã làm một điều kỳ diệu.

PHÉP LẠ THÁNH THỂ THỂ KỈ 20

1 và 2. HAI PHÉP LẠ TẠI STICH, NƯỚC ĐỨC, Năm 1970

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 32, Regina xb, USA, 2002)

Stich là ấp nhỏ nhất trong ba ấp tạo nên một giáo xứ tại miền Bavaria, Tây Đức, giáp giới với Thụy Sĩ.

1- Vào năm 1970, cả ba ấp này được một linh mục coi sóc, ngài đến từ đền thánh Đức Maria Rhein, có từ thời đế quốc La Mã. Vì cha sở lâm bệnh, nên vị linh mục khách từ Thụy Sĩ đến nhận nhiệm vụ, và ngài chuẩn bị dâng thánh lễ theo nghi lễ công đồng Trent tại nhà nguyện Stich vào lúc 8 giờ tối thứ Ba, ngày mùng 9 tháng 6 năm 1970.

Thánh lễ vẫn tiếp diễn theo nghi thức truyền thống cho đến giờ truyền phép, **bỗng nhiên vị linh mục nhìn thấy trên tấm khăn gần chén thánh có một chấm đỏ nho nhỏ nhanh chóng lan rộng, lớn bằng một đồng tiền. Lúc nâng Máu Thánh tôn vinh sau khi truyền phép, linh mục cũng nhận thấy một chấm đỏ khác trên khăn thánh ngay tại chỗ chén thánh mới vừa đặt.** Nghi ngờ có chỗ rò, ngài thò tay xuống dưới miết qua phần dưới của chén thánh, nhưng hoàn toàn không thấy có chỗ ầm bên dưới.

Sau khi thánh lễ bế mạc, vị linh mục xem xét kỹ lưỡng ba tấm khăn trên bàn thờ: tấm khăn thánh, tấm khăn hẹp trải bên dưới được coi như khăn thánh thứ hai; và tấm khăn dài phủ bàn thờ. Vì tất cả đều khô, nên ngài không thể tìm được lý do giải thích sự xuất hiện của các chấm đỏ. Sau khi các tấm khăn dính máu được cất vào một vị trí an toàn, vị linh mục liền đến nhà xứ để tường trình diễn tiến cho cha sở đang yếu bệnh.

Vào thứ Năm, ngày 11 tháng 6, các tấm khăn dính máu được cha sở và vị linh mục Thụy Sĩ xem xét cẩn thận, cả hai đều không thể tìm ra lời giải thích tự nhiên nào về các vết dính. Sau khi đã được chụp ảnh, các tấm vải được gửi đến phòng thí nghiệm hóa học để phân tích.

Các kết quả giám định được nữ tu Marta Brunner thuộc đại học bách khoa Zurich gửi đến cho các linh mục. Trong bức thư gửi cho hai vị linh mục, với chữ ký của những người thực hiện cuộc giám định, nữ tu ấy đã tuyên bố các tấm vải đã được trao cho bốn chuyên viên phân tích khác nhau, nhưng không cho họ biết về những điều đã xảy ra trên bàn thờ. Nữ tu viết:

Tôi đã tuân theo chỉ thị của các cha một cách nghiêm ngặt, yêu cầu các chuyên viên cho biết đây là những vết rọu, vết máu hoặc chất gì khác. Kết quả từ bốn cuộc phân tích cho thấy các vết dính được tạo nên là máu người. Ngoài ra, giám đốc của phòng thí nghiệm bệnh viện còn cho biết theo phán đoán đã cân nhắc của ông, máu ấy chắc chắn là máu của một người đang chịu đau đớn cực độ.

Bốn người thực hiện cuộc phân tích là giám đốc phòng thí nghiệm hóa học, chuyên viên đứng đầu phòng kiểm soát máu, một sinh viên y khoa học kỳ thứ sáu, và chuyên viên đứng đầu phòng thí nghiệm về máu và máu đông.

Bức thư của nữ tu Marta được đóng dấu của viện thí nghiệm liệu pháp quang tuyến và y khoa nguyên tử, và dấu của đại học bách khoa Zurich.

2- Vào ngày 14 tháng 7 năm 1970, lúc 8 giờ tối, vị linh mục Thụy Sĩ theo chương trình sẽ dâng một thánh lễ nữa tại nhà nguyện xứ Stich, theo sách nghi lễ công đồng Trent. Ngày này tình cờ trùng với ngày kỷ niệm 400 năm bữu sắc *Quo Primum* của đức thánh Giáo Hoàng Pius V được ban hành năm 1570. Trong văn kiện ấy, đức thánh Giáo Hoàng truyền khắp Giáo Hội phải cử hành thánh lễ theo sách lễ Roma; các giám mục không còn được tự do phát hành các sách lễ riêng nữa. Sách lễ của đức Pius V thường được gọi là sách lễ công đồng Trent, vì được ban hành như một phần cải tổ của công đồng Trent.

Trước khi thánh lễ khai mạc, vị linh mục đảm bảo đá bàn thờ, các khăn bàn thờ, khăn thánh, và chén thánh đều tuyệt đối sạch sẽ và nguyên vẹn. Tuy nhiên, **ngay sau khi truyền phép, các chấm đỏ lại xuất hiện trên khăn thánh.** Quay sang bên, vị linh mục ra hiệu cho ông từ, ông lên và đến sát bàn thờ. Trong khi người thủ từ nhìn kính ngạc vào các vết đỏ, thì vị linh mục cho rọu lễ. Nhận ra thái độ bất thường của người thủ từ, cộng đoàn nghi ngờ có gì bất thường đã xảy ra và bồn chồn trong suốt phần còn lại của thánh lễ. Đến cuối lễ, vị linh mục đáp ứng tính hiếu kỳ của dân chúng bằng cách cho họ đến sát bàn thờ để tận mắt xem các vết dính.

Sự kiện thứ hai này cũng được tức tốc tường trình lên cha sở. Vì các tấm vải ngày 9 tháng 6 đã được giao cho phòng thí nghiệm của đại học bách khoa Zurich, nên cha sở quyết định gửi các tấm vải ngày 14 tháng 7 lên bệnh viện quận Cercee, 1 cũng với những biện pháp thận trọng, và không tiết lộ về nguồn gốc các vết dính. Các nhà khoa học chỉ được yêu cầu nhận diện chất lỏng đã tạo ra các vết dính ấy.

Kết quả những cuộc giám định các vết dính ngày 14 tháng 7 được gửi về ngày 3 tháng 8 năm 1970. Một bản báo cáo được gửi lên đức giám mục, tuyên bố ngắn gọn các vết dính ấy là máu người.

Sau khi đã nhận được kết quả các cuộc giám định, người ta bắt đầu nhận các tờ khai trình từ một số người đã chứng kiến các vết dính trên bàn thờ lúc phép lạ ngày 14 tháng 7. Vào ngày 8 tháng 11 năm 1970, thủ từ nhà thờ xứ Stich, ông Joseph Talscher cung khai rằng:

Vào chiều tối ngày 14 tháng 7, cha đang cử hành thánh lễ tại nhà nguyện xứ Stich. Lưu tâm đến những điều đã xảy ra vào ngày 9 tháng 6, chúng tôi bảo đảm các khăn trải trên bàn thờ đều sạch sẽ... Sau khi rọu lễ, linh mục ra hiệu cho tôi và chỉ vào bàn thờ. Khi ấy, tôi nhìn thấy các vết dính. Sau thánh lễ, tất cả chúng tôi đến gần nhìn cho rõ ràng các tấm vải và đặc biệt là có một vết lớn, to bằng tấm bánh thánh

của linh mục. Chúng tôi nhìn thấy một hình thánh giá rất rõ trên đó. Chúng tôi nhìn nhau kinh ngạc. Có một chút khác biệt giữa các vết dính này với các vết dính ngày 9 tháng 6, những cũng cùng một vị linh mục dâng lễ. Tôi tuyên thệ sẵn sàng lặp lại tất cả những điều này.

Ông Johannes Talscher, thủ tù đền thánh Đức Maria Rhein, anh em với người thủ tù của nhà thờ Stich, tuyên bố rằng họ đã tham dự thánh lễ ngày 14 tháng 7 tại nhà thờ Stich. Ông ấy còn viết thêm:

Tôi đã biết về phép lạ máu thánh ngày 9 tháng 6 khi linh mục này đang dâng thánh lễ, vì thế tôi hy vọng sẽ xảy ra lần thứ hai... Vào cuối lễ, cha đáng kính bảo chúng tôi đọc kinh Lạy Cha để tôn vinh Máu Thánh Chúa. Sau đó, tỏ vẻ cảm động, ngài cho chúng tôi biết hiện tượng ngày 9 tháng 6 lại xảy ra. Chúng tôi được phép lên gần bàn thờ. Tôi nhìn thấy bốn vết dính. Một vết lớn bằng tám bánh lễ dành cho linh mục và một hình thánh giá bên trong. Một vết khác lớn bằng tám bánh lễ nhỏ, và hai vết còn lại nhỏ hơn. Tất cả đều màu đỏ nâu. Theo ý kiến vững vàng và đã cân nhắc của tôi, các vết máu màu nhiệm này không hề có một lời giải thích tự nhiên nào cả.

Một nữ tu y tá của bệnh viện thành phố tại Rosenheim, Tây Đức, cũng có mặt trong thánh lễ ngày 14 tháng 7, đã ghi lại các chi tiết trong lời cung khai ngày 10 tháng 11 năm 1970:

Chúng tôi tất cả lên bàn thờ. Thoạt tiên, chúng tôi nhìn thấy ba vết dính, một vết lớn bằng tám bánh lễ lớn dành cho linh mục. Hai vết kia nhỏ như tám bánh lễ cho giáo dân. Sau đó, chị tôi là Maria kêu lên một tiếng kinh ngạc và chỉ cho tôi vết thứ tư ở về phía Phúc Âm của bàn thờ. Tất cả chúng tôi đều kêu lên kinh ngạc: “Nhìn kia, có cả hình thánh giá ở trên!” Các mép ngoài của các vết dính rất rõ nét. Chúng không thấm theo các sợi vải như những chất lỏng bình thường khác, nhưng xuyên thẳng qua các tấm vải bàn thờ và sắc nét. Mọi người có mặt đều kinh ngạc và hết sức xúc động, như trong tình trạng bị choáng váng.

Một bản cung khai khác được nhiều người có mặt trong thánh lễ ngày 14 tháng 7 cùng ký tên, nhận rằng khi nhìn thấy các vết dính, họ thấy các vết ấy vẫn còn ẩm và có nhiều cỡ khác nhau. “Những vết dính ấy có thể được thấy cả ở tám khăn nhỏ đặt bên dưới khăn thánh... Nhiều vết dính có một hình thánh giá ở giữa. Ngoài ra, cả hai tấm khăn bàn thờ đều ngấm cùng một vết dính.”

Đức cha Joseph Stimple, giám mục giáo phận Augsburg đã kịp thời thông tri cả hai sự kiện. Ngài chỉ định một ủy ban điều tra, vào ngày 9 tháng 10 năm 1970, vị linh mục người Thụy Sĩ được yêu cầu trình bày mọi chi tiết về cả hai phép lạ. Sau khi nghiên cứu kết quả các cuộc giám định khoa học và những cuộc phỏng vấn các nhân chứng, vấn đề đã được đệ trình lên thánh bộ Giáo Lý Đức Tin tại Rome.

Các tín hữu tại Stich cảm thấy diễm phúc vì hai phép lạ Thánh Thể đã xảy ra tại ngôi nhà nguyện khiêm tốn của họ, và kết quả là họ có một lòng sùng mộ sâu xa đối với bí tích Thánh Thể.

2. Em bé vừa chịu Mình Thánh Chúa không bị cháy

Trước thời Thánh Giáo Hoàng Pio X, trẻ em chưa được rước lễ. Tại Constantinople, thủ đô La Mã cũ, vào thời giám mục Mennas, người ta có thói quen sau thánh lễ nếu còn dư Mình Thánh thì kêu và đem phát cho con nít, hay học trò nhỏ.

Có một đứa trẻ Do Thái cũng đến rước Mình Thánh như trẻ khác. Khi em này về nhà, cha mẹ nó hỏi tại sao về trễ. Nó thật thà thừa vì ở lại rước lễ. Cha nó làm nghề nấu chế chai lọ thủy tinh, nghe vậy tức quá bèn bắt nó quăng luôn vào lò đang nấu thủy tinh. Người vợ đi đâu về nhà không hay câu chuyện, và thấy mất con, khóc lóc đi tìm con khắp nơi, suốt ba ngày mà không thấy. Em nhỏ trong lò thấy mẹ khóc thảm

thiết, liền trả lời vọng ra là mình đang ở trong lò. Người ta đến cạy mở lò và đem em nhỏ ra. Nó còn sống, khỏe mạnh, tươi cười bước ra khỏi lò.

Hỏi nó, nó cho hay có một bà sang trọng vào trong lò đem nước tưới lửa và đem đồ ăn nuôi nó sống. Cả thành đều hay tin này và cho đó là phép lạ. Hai mẹ con kia xin theo đạo. Nhưng người cha cố chấp không chịu hối cải, nên bị hoàng đế Justinien đóng đinh trên thập ác.

3. Minh Thánh Chúa và một người lính Liên Xô trẻ vô đạo!

Để ghi nhớ Khóa Tĩnh Huấn và Tuần Tu Đức X dành cho các Linh Mục và Tu Sĩ Nam Nữ Việt Nam đầy tình nghĩa huynh đệ và hữu ích, với đề tài chính : « Tìm hiểu Tông huấn Bí tích Tình Yêu – Sacramentum Caritatis, do Đức Ông Giuse Đình Đức Đạo tổ chức tại Roma, từ ngày 07.-11.05.2007, chúng tôi xin giới thiệu câu chuyện Chúa Giêsu Thánh Thể đã làm phép lạ cứu rỗi một người lính Liên Xô trẻ vô đạo, nhưng thành tín : Nhiều tháng trời anh đã mang trên mình một túi đựng đầy Minh Thánh Chúa với tất cả lòng kính cẩn, mặc dù anh không hề biết Minh Thánh là gì cả.

Khí hậu âm u, bầu trời âm đạm buồn tẻ. Sự vắng lặng của đêm Giáng Sinh, mà không có gì có thể so sánh được, đang từ từ phủ xuống trên miền đất hoang vu, không có lối cho xe chạy qua được. Những đồng tuyết đã tan chảy trong mây ngày qua làm cho con đường mòn trở nên sũng ướt lầy lội. Khu rừng rậm rạp, đen tối đang đứng chắn trước mặt, che khuất cả tầm mắt chúng tôi như một đồng mây đang ùn ùn kéo nhanh tới ập lên chúng tôi tựa một bức tường đang chực sập đổ xuống. Chúng tôi vội vàng đếm bước giữa mưa phùn, làm thấm ướt lạnh tới xương tuỷ.

Cha Anselmô (Anselm) kéo chiếc mũ áo choàng ngắn cũ kỹ của ngài thật sát vào đầu. Ngài bước đi với đôi mắt lim dim và không hé môi nói lấy một lời. Sự suy niệm thâm lặng của cha làm tôi đâm ra bực bội. Bây giờ khu rừng đầy đe dọa đang gập gềnh. Cái lều thợ săn chỉ còn cách xa vài ba ki-lô-mét nữa thôi. Tất cả các con đường mòn cũng như những lối đi vòng quanh ở vùng này tôi đều quen thuộc... Khó mà lạc đường được ! Tôi cảm thấy rừng mình lo sợ : Liệu chúng tôi có đến kịp giờ không ?

Khu rừng rậm rạp đã bao trùm lấy chúng tôi và đồng thời như bảo vệ lấy chúng tôi. Vẻ dễ chịu của các chồi cây bao bọc lấy chúng tôi như mùi hương thơm. Ở chỗ quặt cuối cùng, cha Anselmô đã đứng im lặng và nhìn quan sát trong đêm đang từ từ trở nên tối dần.

« Còn xa nữa không ? »

« Còn độ mười lăm phút nữa », tôi trả lời, « nhưng mỗi phút là rất quan trọng ! Cha cứ tưởng tượng : tối đa, anh ta chỉ còn 24 giờ để sống thôi ! Không có bác sĩ, lại bị các viên đạn bắn vào người... Con đã tự hỏi là làm sao anh ta có thể sống được như thế. May là bà vợ ông kiểm lâm hiểu được tiếng Nga. Một may mắn là cậu Hannes của bà ta đã tìm gặp được cha vào đêm vọng Lễ Giáng Sinh ! »

« Điều may mắn đó chính là sự quan phòng của Chúa ! Chị hãy xem, chúng ta chỉ cần tin tưởng phó thác nơi Chúa việc làm và ngày giờ của mình, và rồi các phép lạ sẽ tươi nở trên mọi nẻo đường chúng ta đi. Nếu như tôi đã không cột kỹ dây đôi giày gỗ của tôi, nếu như Hannes đã không đến được... liệu chúng ta đã có thể đến kịp thời được không ? »

Một ánh sáng yếu ớt nhấp nháy ở phía trái giữa bụi cây. Chỉ còn vài ba bước nữa ! Và chúng tôi đã gõ vào cánh cửa được gài lại bằng một then gỗ to, được bào qua loa. Hình như bà vợ ông kiểm lâm đang chờ đợi chúng tôi sẵn, nên đã ra mở cửa lập tức.

« Lay cha, thật cảm ơn Chúa! Anh ta vẫn còn sống... ! »

Chúng tôi bước vào nhà và đồng thời là căn phòng duy nhất, được trưng bày những cái gạc nai và những súng săn. Phía trái, ở cuối phòng, một người đàn ông đầu bó băng đang nằm trên chiếc giường xếp. Nét da căng và râu còn lún phún sơ sài, cho thấy đó là một chàng thanh niên đang tuổi sung sức. Anh ta mở mắt khi nghe cánh cửa cọt kẹt mở và mỉm cười. Những vết máu to, đã khô đọng trên vành môi anh ta.

« Lay Đức Mẹ, Mẹ đã không dỗi con », anh ta nói bằng tiếng Nga : « Vị Linh mục đã đến ! Mẹ thật nhân hậu ! »

Cha Anselmô cởi chiếc áo choàng ướt đẫm nước mưa, để xuống đất và đi lại phía người hấp hối :

« Hỡi con, Đức Mẹ luôn luôn trung tín. Bây giờ cha đến để giúp con. Vậy, cha có thể làm gì được cho con ? »

Anh ta nói tiếng Nga rất đúng giọng :

« Thưa cha, con tên là Andruscha. Con không muốn chết như một con chó ! »

« Không ai chết như một con chó cả. Linh hồn của con thì bất tử; Chúa Cứu Thế đã trả cho nó bằng một giá rất đắt ! »

« Vâng, thưa cha, con muốn được như những người có đức tin, như một Kitô hữu thực sự. »

« Con đã chịu phép rửa tội chưa ? »

« Thưa, chưa ! »

« Con có biết đức tin là gì không ? »

« Thưa, không ạ ! »

« Con có biết cầu nguyện không ? »

Người thanh niên bỗng mỉm cười và khuôn mặt anh ta rực sáng lên :

« Dạ, có ạ ! Con cầu nguyện luôn luôn ! »

Bà vợ người kiểm lâm cầm tay tôi và kéo ngồi gần bên bà trên một cái bao tải to đựng lợn xộn đầy khoai tây. Tôi đâm tò mò và hỏi bà : « Bà đã gặp được người thanh niên này ở đâu vậy ? » Quân đội Liên Xô tiếp tục các cuộc chiến đấu; các trận đánh vừa rồi xảy ra trong vùng này. Bà ta đặt ngón tay lên môi và nói nhỏ : « Chờ chút nữa lại nói ! » Tôi liếc mắt quan sát bà ta, kiểu nói trang trọng đặc biệt của bà ta làm tôi không khỏi ngạc nhiên. Đó không phải là một người đàn bà nhanh nhẹn và nói nhiều, mà tôi quen được từ bé tới giờ. Tự nhiên tôi có cảm giác là cái lều này tựa như một ngôi nhà thờ vậy, đầy những Đấng vô hình. Cái cảm giác đó thật rõ ràng và sống động ! Trong khi đó cuộc trao đổi giữa cha Anselmô và người thanh niên đang hấp hối vẫn tiếp tục. Nhưng sự thể có thực sự nguy hiểm cho anh ta không ? Giọng anh ta từng yếu ớt và không nói ra lời, đã trở nên mạnh mẽ, làm vang cả căn phòng rất rõ ràng. Tất cả mọi chuyện quanh tôi như hoàn toàn biến đổi hết. Tôi đã thoát ra khỏi thời gian, hoàn toàn đang cận kề một bờ bên khác, mà tất cả chúng ta đều phải vượt tới.

« Andruscha, nếu con biết cầu nguyện, con đã có đức tin rồi đó. Con biết gì về Thiên Chúa ? »

« Con chỉ biết Người ở trong con. Con cảm nhận được Người. Vì thế con đã trả lời Người!»

Phải chăng đây là ảo giác của một kẻ sắp chết? Người thanh niên mở rộng mắt và nhìn vị Linh mục với tất cả sự cảm động. Anh ta xem có vẻ dẫn đo từng tiếng và chấm dứt sự im lặng trước một hố sâu bất khả vượt qua; theo cách anh ta diễn tả thì đó là một điều không mấy tốt đẹp. Anh ta tỏ ra không quen với cách nói các chuyện đạo đức.

Cha Anselmô trừng mắt dò xét anh ta. Bỗng chốc ngài quì xuống bên cạnh người hấp hối.

“Con đừng quá lo lắng. Cha rất hiểu con!”

Đó không phải là xưng tội, nên tôi cảm thấy không cần phải bịt tai như trước kia với các người hấp hối khác. Tôi có bốn phận phải đi với cha Anselmô. Ngài không sinh ra ở miền này, còn tôi với tư cách là một nữ cụu hướng đạo sinh, tôi quen thuộc các lối đi, các ngõ đi tắt và các lối rẽ giữa khu rừng rộng mênh mông.

Andruscha nằm nhắm mắt, không động đậy. Nếu anh ta không thở ra mỗi lâu mỗi mạnh thêm, thì tôi cho là anh ta đã chết. Người vợ người kiếm lâm quì xuống và tôi cũng quì theo bà.

Bấy giờ Andruscha liền mở to đôi mắt sáng quắc. Hầu như trọn linh hồn anh ta được biểu lộ qua ánh nhìn của anh ta vào cha Anselmô với một lời thỉnh cầu âm thầm nào đó. Anh ta bắt đầu đem hết chút sức lực còn lại, cố gắng nói với từng tiếng đứt quãng:

“Con có một điều đang mang trên ngực đây. Con đã từng mang nó theo như một kho báu. Con đã không ngừng cầu xin Đức Mẹ cho con có dịp để trao nó lại cho một vị Linh mục. Và Đức mẹ đã nhậm lời con!”

Tôi nghĩ rằng anh ta đã dăng trí, nhưng cha Anselmô lại không nghĩ thế. Đang khi đang nói những lời đó, Andruscha trở mình và nhẹ nhàng lật chiếc chăn đang đắp trên mình anh ta, mở chiếc sơ mi dính đầy máu của anh ta và lấy tay tháo ra khỏi cổ sợi dây có buộc một chiếc túi nhỏ mà anh từng mang theo trên mình.

“Đó là cái gì vậy?”, anh ta hỏi nhỏ, “Vâng, đó điều con muốn trao lại cho cha! Lạy Đức Mẹ, con tạ ơn Mẹ.”

Với cái dao xếp bỏ túi, cha Anselmô đã cắt sợi dây, cầm lấy cái túi nhỏ, đi lại phía chiếc bàn, mở mấy chiếc kim găm gài bốn mặt chiếc túi nhỏ lại và tự nhiên quì sụp xuống. Và tôi cũng lập tức quì gối xuống. **Kìa, trong chiếc túi nhỏ đựng toàn Minh Thánh Chúa dính đầy máu.**

Andruscha đưa mắt chăm chú quan sát chúng tôi. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe anh ta hỏi:

“Đó là cái gì vậy?”

“Các bà hãy ở lại đây và cầu nguyện!” Cha Anselmô nói như ra lệnh. Bà vợ viên kiếm lâm hơi lùi lại một chút và quì gối xuống, hai tay chắp lại và nước mắt chảy dài trên má. Còn tôi không thể rời mắt khỏi tấm khăn nhỏ đầy máu, một chiếc khăn bất xứng đã thay thế cho chiếc khăn thánh Corporale.

“Đó là cái gì vậy?”, người thanh niên đang hấp hối lại hỏi tiếp.

Cha Anselmô không trả lời anh ta. Sự im lặng của ngài làmn tôi hơi bức mình. Ngài vẫn quì gối thờ lạy Minh Thánh Chúa bị đâm máu.

Bỗng chốc tôi hoài nghi tự hỏi: Số Minh Thánh này từ đâu tới? Có thực sự là Minh Thánh đã được truyền phép rồi hay chưa? Còn Andruscha không hề biết điều gì anh đã từng mang theo trên mình bấy lâu nay.

“Hỡi con, con hãy nói cho cha biết, ai đã trao cho con thứ này?”

“Một vị Linh mục, ngài trao cho con để con trao lại cho một vị Linh mục khác. Con hằng lo sợ là sẽ không thực hiện được điều đó!”

Anh ta thở ra dồn dập và từng hạt mồ hôi to chảy dài trên trán.

Anh ta tiếp tục nói sau nhiều lần cắt quãng:

“Đó chính là ở Lviv, chúng con đóng quân ở Lviv. Một buổi sáng nọ, con thả bộ đi dạo loanh quanh trong vùng. Chúng con không được phép đi xa khỏi trại đóng quân, nhưng ở gần đó có những cây cối và những khu rừng thưa thớt. Trên một con đường dẫn lên một triền dốc có một ngôi nhà thờ. Vì do những bóng cây chung quanh che phủ, nên ngôi nhà thờ hơi tối. Đứng trước bàn thờ là một vị Linh mục mặc áo trắng. Ngài làm các cử chỉ và đọc lầm rầm gì đó; con chẳng hiểu gì cả. Nhưng điều đó làm con rất thích, lòng con cảm thấy đầy vui mừng. Con quì gối xuống trong một góc và lặp đi lặp lại kinh của Chúa Giêsu: “Gaspadi pomyluy: Lạy Chúa Giêsu, xin thương xót con!” Bà nội con đã dạy cho con kinh đó. Đó là tất cả con biết được, bởi vì bà con chết lúc con còn bé xíu.

Trong nhà thờ không có ai khác ngoài con và vị Linh mục ra. Sau lễ phụng vụ, vị Linh mục đến chỗ con và hỏi con làm gì ở đây. Con trả lời là con đọc kinh của Chúa Giêsu và con cảm thấy sung sướng khi cầu nguyện như thế. Ngài cũng hỏi con là con có phải là một Kitô hữu không, và con trả lời là không, con không được chịu phép rửa tội, bởi vì cha mẹ con thuộc Komsomol và những người bezbojniki, những người vô đạo. Bấy giờ vị Linh mục nói với con: “Nếu con muốn, cha sẽ rửa tội cho con! Nhưng trước hết con phải học biết Chúa Giêsu, Đấng đã cứu rỗi tất cả mọi người nhờ cái chết của Người trên thập giá và nhờ sự sống lại của Người từ cõi chết!”

Từ đó, mỗi ngày con đi đến ngôi nhà thờ để gặp vị Linh mục, trước hết tại bàn thờ và tiếp đến là sau ngôi nhà thờ, nơi con hằng quì gối. vị Linh mục nói với con, ngôi nhà thờ này có tên là “heilige Sophia”, sự khôn ngoan của Thiên Chúa.

Con không hiểu được rõ lắm, bởi vì ngài nói tiếng Nga không được thạo lắm, nhưng điều chính yếu mà vị Linh mục nói thì con hiểu. Và lòng con cháy lên vì yêu mến Đức Giêsu, Đấng đã yêu con trước.

Trong trại lính ai cũng cười ầm lên khi nghe con kể cho các bạn con nghe điều con đã cảm nhận được. Lúc bấy giờ thường có bom dội luôn; nhưng chúng con ẩn khuất dưới các lùm cây.

Một buổi sáng, vị Linh mục không còn mặc áo lễ và không đi lên bàn thờ nữa; ngài đi thẳng đến chỗ con và nói. “Andruscha, người ta đã phản bội cha, cha sẽ bị bắt. Vì thế, cha xin con một điều, con hãy đưa tin cho các Sơ ở công trường Thánh Yura biết. Cha sẽ giao cho con một kho tàng quý báu để đưa lại cho các Sơ, bởi vì các Sơ không còn Linh mục nữa. Con phải cắt nghĩa cho các Sơ là con đến từ thánh địa Sophia và cha Stanislas đã sai con đi với sứ vụ đó. Trường hợp con không thể đến được nơi các Sơ ở,

con hãy trao lại kho tàng này cho một vị Linh mục. Con có hiểu không? Không trao cho ai khác ngoài một vị Linh mục. Với kho báu này, con mang Chúa Giêsu trên mình.”

Con hỏi ngài điều đó có nghĩa gì, nhưng ngài không còn thời giờ nữa để cắt nghĩa cho con, ngài chỉ đủ thời giờ để mở cái hộp trên bàn thờ và lấy trong đó ra cái túi nhỏ được đan bằng chỉ. Ngài đưa cho con và bảo: “Con hãy chạy đi, thật nhanh!” Người ta nghe nhiều bước chân đi. Con chạy nấp vào một cái bụi cây và nhìn thấy: Vị Linh mục ra khỏi nhà thờ, một đám người đàn ông mặc thường phục bao vây lấy cha. Từ ngày đó, con không bao giờ nhìn thấy cha nữa. Vào buổi chiều, con đi vào trong phòng vệ sinh, một nơi không còn ai nhìn thấy con được nữa, con mở cái túi vị Linh mục trao cho để xem và con chỉ thấy những chiếc bánh nhỏ cắt tròn được đựng đầy trong đó. Con đã muốn tìm các Sơ để trao lại như ngài đã dặn, nhưng chúng con không được phép rời trại lính và những ngày sau đó chúng con phải chuyển quân đi nơi khác. Con nhớ là vị Linh mục đã dặn. “Nếu con không thể trao lại cho các Sơ, thì con phải trao lại cho một vị Linh mục”. Nhưng con không gặp được vị Linh mục nào cả, và vì thế con đã xin với Đức Mẹ cho con gặp được một vị Linh mục... Cha xem, Đức Mẹ đã nhậm lời con, bởi vì cha là một vị Linh mục!”

“Andruscha, con đã làm gì với cái túi đựng đầy Minh Thánh, mà con vừa trao lại cho cha?”

“Con đã từng quăng nó đi, vì khi đi tắm, mấy thằng bạn con hay tò mò muốn biết đó là cái gì, vì con thường mang nó trên ngực. Bây giờ con đã lấy chiếc khăn mùi-soa của con và đặt những chiếc bánh nhỏ đó vào đó, dùng mấy chiếc kim găm gai chặt lại tứ phía, để không một chiếc bánh nào bị mất. Tại mỗi lần dừng chân con luôn đi tìm một vị Linh mục, nhưng con chẳng tìm gặp được vị nào cả, và con cũng không được phép rời toán quân của con. Bây giờ con đã cầu nguyện cùng Đức Mẹ, đừng để con chết trước khi làm tròn được sứ mệnh mà cha Stanislas ủy thác cho con.

Giọng của Andruscha từ từ lạc đi và rất khó lòng có thể hiểu được nữa. Tôi nghĩ rằng là một trách nhiệm lương tâm đồ hỏi khi tôi khẳng định là tôi phải ghi lại từng lời, điều anh ta đã kể lại. Bây giờ anh im lặng, nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt to ra và hỏi lần thứ ba:

“Đó là cái gì vậy?”

Cha Anselmô tóm tắt lại như thể ngài vừa tỉnh lại từ một giấc ngủ say. Thay vì trả lời câu hỏi của Andruscha, ngài lại nêu lên một câu hỏi khác. Tôi cảm thấy hầu như tức giận ngài luôn.

“Andruscha, tại sao người ta không đưa con vào bệnh viện sau khi bị thương như thế?”

“Bởi vì con không muốn. Bởi vì con sợ người ta sẽ lấy mất cái túi nhỏ và con sẽ không bao giờ gặp được vị Linh mục nào nữa. Máy bay đã bay rất thấp để tấn công chúng con dữ dội; quả thật người ta phải vất vả vì đủ thứ việc phải làm, như khiêng các người bị thương lại một chỗ.”

“Và đã xảy ra cho con ra sao?”

“Con không cử động được nữa. Ai cũng tưởng con đã chết!”

“Và sau đó?”

“Sau đó họ kéo đi hết, và con lòng đầy vui mừng được bỏ lại một mình, ôi thật vui mừng! Vì điều đó muốn nói rằng thế là con sẽ có dịp gặp được một vị Linh mục. Con rất đau đớn, nhưng lòng con tràn đầy vui mừng... Cha xem, thân xác con thuộc về tổ quốc, còn linh hồn con lại thuộc về Thiên Chúa! Vào buổi chiều người ta đã nhậm con và khiêng vào túp lều này!”

Đầy giọng cương quyết, cha Anselmô nói: “Andruscha, con hãy nghe đây, suốt thời gian qua con đã mang Chúa Giêsu trên người con. Người đã thương con, đến nỗi Người đã trở nên bánh để làm của nuôi chúng ta. Người ăn mình dưới những tấm bánh này. Con có tin vậy không?”

Một cái mỉm cười lạ lùng làm rạn rờ của khuôn mặt người lính trẻ.

“Vâng, con tin điều đó! Con đã cảm thấy con mang trên mình một kho báu. Ngày đêm rồi lại ngày đêm, con đã cảm thấy phải lặp đi lặp lại lời kinh của Chúa Giêsu. Và lời kinh đã làm cho lòng con âm áp vô cùng. Con chắc chắn rằng Đức Mẹ đã thương nhậm lời con xin!”

“Andruscha, con có muốn được rửa tội không?”

“Dạ, dạ, con muốn lắm!...”

Không được phép để một phút nào qua đi vô ích! Mũi anh ta đã thu nhỏ lại, nét mặt đã tái nhợt, hơi thở hỗn hển như muôn xé lồng ngực anh ra, tất cả đều báo trước cái chết đang tới. Chỉ còn đôi mắt sáng rực lạ lùng của anh ta là dấu chỉ của sự sống đang thu về trong thẳm sâu của linh hồn anh ta.

“Vâng, con muốn lắm!” anh ta nhắc lại cách thành khẩn.

Cha Anselmô quay lại phía người vợ viên kiểm lâm đang đưa cho ngài bát nước.

“Andreas, cha rửa con nhân danh Cha và Con và Thánh Thần!”

Tiếp đến, ngài nhấn mạnh từng lời:

“Con yêu quý, giờ đây cha trao cho con Đấng con đã mang trên mình bao ngày tháng qua, Bánh Hằng Sống. Đây là Đấng mà chẳng bao lâu nữa sẽ đón nhận con. Con có tin rằng Người hiện diện trong những tấm Bánh này không?”

Bấy giờ đã xảy một điều hoàn toàn không ai ngờ trước được. Andruscha ngồi dậy, chắp hai tay và kêu:

“Vâng, con xin tin, con rất tin điều ấy! Xin cha hãy mau ban cho con Bánh Hằng Sống!”

Cha Anselmô cầm Minh Thánh. Từ chỗ tôi đang quỳ, tôi nhìn thấy rõ đó là Minh Thánh Chúa có một vết đỏ! Cha Anselmô tiến lại gần người hấp hối, hai mắt anh ta rực sáng lên như hai ngôi sao, và ngài đã cho anh ta rước lễ...

Andruscha nằm ngã xuống nặng nề trên chiếc giường xếp của anh ta và khép nghiền hai mắt lại. Anh ta không còn mở nó ra bao giờ nữa. Chúng tôi đều quỳ xuống trên nền nhà và không còn dám thở nữa. Cái cảm tưởng mà tôi có được khi mới bước chân vào cái lều này, đã trở nên mạnh mẽ trong tôi. Thế giới vô hình bao trùm lấy chúng tôi với sự hiện diện thực sự của nó, một sự hiện diện tác động một cách toàn diện hơn cả những chiều kích cụ thể của chúng ta.

Sau một vài giây lát, cha Anselmô bắt vào mạch của Andruscha. Ngài yên lặng đứng dậy và làm dấu Thánh Giá.

“Chúng ta hãy cầu nguyện! Anh ta sẽ phù hộ cho chúng ta.”

Quì gôi và hết sức cẩn thận, cha đã đặt lại Minh Thánh vào chiếc khăn mùi-soa, xếp lại và để vào túi áo khoác của ngài.

“Tôi không được phép ở lại đây lâu hơn nữa”, cha Anselmô nói thê và quay lại phía bà vợ người kiểm lâm: “Xin bà lo cho anh ta một lễ nghi an táng theo đúng phép đạo!”

Người đàn bà ngược mặt giàn giụa nước mắt về phía chúng tôi, bà lẩm bầm: “Thật phúc đức biết mấy cho ngôi nhà này!”

Chúng tôi bắt buộc phải có mặt ở nhà trước khi luật giới nghiêm bắt đầu; chúng tôi không được phép làm mất thời giờ. Cha Anselmô kéo cái mũ trùm đầu sát vào đầu, bởi vì trời đang mưa phùn.

Trong khi sắp tới nhà, ngài đã quay về phía tôi và nghiêm giọng nói:

“Thê mà vẫn có những kẻ điên khùng còn hồ nghi rằng tự bản chất, linh hồn con người thuộc về Kitô giáo, và rằng trong chúng ta được đóng ấn một hình ảnh không thể phá bỏ được, hình ảnh của Đức Giêsu, Đấng là “hình ảnh thật sự của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1,15).

“Vâng, thưa cha!”

Tôi không còn nói được nữa, vì cổ tôi nghẹn lại rồi.

(Trích trong: Maria Winowska, “Blut an den Händen”, Paulusverlag Freiburg Schweiz, 1975, trang 75-85)

LM Nguyễn Hữu Thy

MỘT SỐ PHÉP LẠ THÁNH THỂ KHÁC

(Joan Carroll Cruz, **Phép Lạ Thánh Thể**, Chương 33, Regina xb, USA, 2002)

Cảm ơn Chúa vì nhiều phép lạ Thánh Thể vẫn được lưu truyền với các chi tiết thú vị, tuy nhiên cũng có rất nhiều vụ chỉ được kể vắn tắt. Nhiều sự kiện đã được truyền lại cho chúng ta ngay từ những thời kỳ sơ khai của Kitô Giáo trong các văn liệu hoặc tiểu sử của các vị thánh và các người lành thánh khác.

Chẳng hạn những phép lạ đã được thánh Cyprian kể lại. Ngài là giám mục Carthage suốt nhiều năm cho đến khi qua đời vào khoảng giữa thế kỷ III. Trong những năm đời giám mục của thánh nhân, xảy ra một cuộc cấm đạo kinh khủng gây đủ thứ khổ hình cho những tín hữu nào không chối bỏ đức tin để thờ lạy các ngẫu thần. Vì sợ các cực hình, nhiều người đã chối bỏ đức tin hoặc đành phải trốn đến các miền đất an toàn hơn.

Một đôi vợ chồng Công Giáo kia bị buộc phải trốn chạy như thê và thấy cần giao phó đứa con nhỏ cho người đầy tớ chăm sóc, vì họ tưởng là người này đáng tin cậy. Tuy nhiên, người đầy tớ liền đem đứa trẻ gái đến cho các viên chức ngoại đạo tại thành phố ấy. Họ ép đứa trẻ ăn một miếng bánh được chấm vào

máu các súc vật được sát tế cho các thần minh. (Đây là một hình thức, dựa theo thói lệ thông thường là cho tín hữu ăn thịt của một con vật đã được sát tế dâng cho thần minh).

Sau khi trở về, người mẹ không biết việc người đầy tớ đã làm, nên đưa đứa trẻ đi lễ, định cho nó rước lễ, vì hồi ấy có thói quen cho các con trẻ uống một chút Máu Thánh. Nhưng đứa bé gái, mặc dù rất nhỏ, không thể tố cáo việc người đầy tớ đã làm, nhưng khi vừa đến nhà thờ, nó lập tức cảm thấy khó chịu, không sao nén được. **Thánh Cyprian cho biết rằng chính ngài đã chứng kiến thái độ bất thường của đứa trẻ, nó kêu khóc vật vã. Đến giờ hiệp lễ, khi thầy phó tế đưa chén thánh đến gần, đứa trẻ ngoảnh mặt, ngậm kín môi và không chịu hiệp lễ.** Tuy nhiên, một vài giọt Máu Thánh cũng nhỏ xuống môi nó và ngậm vào miệng, nhưng đứa trẻ không sao nuốt được. Thái độ bất thường tại nhà thờ của đứa trẻ – theo kể lại - đã đưa đến việc khám phá tội lỗi của người đầy tớ.

* * *

Cũng trong thời kỳ bách hại ấy, dường như có thói quen cho các tín hữu một phần Bánh Thánh để giữ trong nhà, phòng khi bị bắt bớ, họ có thể nhờ Mình Thánh Chúa Kitô mà được thêm sức mạnh. Thánh Cyprian kể rằng có một phụ nữ đã nhận một phần Bánh Thánh và đặt vào một cái hộp để giữ, nhưng sau đó, người này lại chối đạo. **Về sau, khi bà ấy mở hộp ra, lửa đã từ bên trong phụt ra.** Thánh nhân kể rằng ngọn lửa bất ngờ ấy đã làm người phụ nữ bỏ chạy vì sợ và hối hận.

* * *

Thánh Cyprian còn kể về một người kia đã chối đạo mà còn liêu minh hiệp lễ, khi anh ta đến gần, linh mục vẫn không biết hành vi thờ lạy ngẫu thần của anh ta. Theo thói quen thời ấy, Thánh Thể được đặt vào tay tín hữu. **Ngay khi vừa chạm đến tay người này, Thánh Thể liền biến mất, trước cặp mắt kinh hoàng của anh ta, chỉ còn lại một ít tro tàn mà thôi.**

Thánh Cyprian đã tử đạo trong thời kỳ bách hại. Khi chịu hành hình chém đầu, thánh nhân đã tỏ ra một thái độ can trường và sẵn sàng chết vì đức tin. **Nhiều người yếu đuối đã muốn chối đạo nhưng nhờ nghị lực phi thường của thánh nhân mà kiên quyết tiếp tục sống đạo.**

* * *

Thánh John Chrysostom (347-407) có một môn đệ, một lần nọ, người này ép vợ là kẻ theo bè rối Arian cùng đi với mình đến nhà thờ của thánh John Chrysostom. Khi người đàn bà này lên rước lễ, bà cầm Bánh Thánh trong tay cho đến khi về nhà mới cho vào miệng, ăn như một bữa ăn bình thường. **Tuy nhiên, lúc cố nhai nuốt, bà nhận ra Bánh Thánh đã trở thành “một cục đá thực sự, cứng như đá lửa.”** Kinh hãi vì sự lạ lùng này, bà lập tức đến gặp thánh nhân, tỏ cho ngài viên đá với những dấu răng cắn và xin xưng tội. Phép lạ này đã được đức ông Guerin, chương lý của đức Leo XIII kể lại trong tác phẩm Hạnh Các Thánh.

* * *

Một câu chuyện tương tự về việc rước lễ bất xứng đã được Sozomen, một sử gia thế kỷ V, ghi lại. Sử gia kể tại thành Constantinople có một người cố sức để hoán cải người vợ theo bè rối. **Dưới áp lực này, bà ta giả vờ thay đổi cuộc sống và tham dự thánh lễ. Đến giờ hiệp lễ, khi lên rước lễ, bà nhận ra Bánh Thánh đã biến thành đá.**

* * *

Trong số các vị thánh trong Giáo Hội, có những vị là cha, mẹ, anh, và chị của thánh Gregory Nazianzus (d.389). Trong bài điệu văn ca tụng chị ngài là thánh nữ Gorgiona, thánh Gregory kể rằng trong nhiều năm trời, thánh nữ bị tê bại và các y sĩ đã bó tay. Nhờ có Thánh Thể được giữ nơi bàn thờ trong nhà, như thói quen được phép thời Giáo Hội sơ khai, một đêm kia, thánh nữ đã hướng về Thày Thuốc Thần Linh và cầu nguyện tha thiết xin được chữa lành. **Bất chước người đàn bà trong Phúc Âm chạm đến vạt áo Chúa Kitô và đã được lành bệnh, Gorgiona đã đến tựa đầu lên bàn thờ và cương quyết không chịu đi cho đến khi được chữa lành. Sau khi tự xúc dầu thánh, bà đã khóc lóc thảm thiết trước Thánh Thể. Thánh Gregory kể lại Gorgiona đã được bình phục ngay trong đêm hôm ấy.**

* * *

Trong tác phẩm nhan đề *Những Vinh Quang của các Thánh Tử Đạo*, thánh Gregory thành Tours (d. 595) đã kể lại một biến cố phi thường. Lướt qua những yếu tố hầu như khó tin, những sự kiện sau đây đã được sử gia Evagrius ủng hộ:

Trong thời kỳ bè Mennas chiếm đoạt chiếc ghế giám mục tại Constantinople... Trong thành phố ấy có một thói quen cổ xưa, khi còn nhiều Bánh Thánh sau khi hiệp lễ, người ta thường gọi các trẻ nam từ các trường học đến để rước cho hết. Xảy ra là một lần kia, trong số các trẻ ấy có đứa con của một thợ thủy tinh người Do Thái. Vậy đến khi cha mẹ vặn hỏi vì sao nó vắng mặt lâu như thế, đứa trẻ đã kể lại những việc đã xảy ra và nó cùng với các trẻ khác đã được lãnh nhận những gì. Trong cơn cuồng nộ, người cha tóm lấy đứa trẻ và ném vào lò lửa phùng phùng mà ông ta thường đun chảy thủy tinh. Người mẹ đi tìm đứa trẻ, nhưng không tìm được, bà chạy rảo khắp thành phố khóc lóc và tự cấu xé mình mảy máu đau đớn, liên tục réo gọi tên con. Thế là đứa trẻ nghe được tiếng gọi của người mẹ và từ trong lò lửa đã đáp lại. Lập tức, bà ấy phá cửa ra và xông vào. **Kìa, đứa con nhỏ của bà đang đứng giữa những hòn than cháy đỏ, bình an vô sự. Khi người ta hỏi làm sao nó ở trong đó mà không bị thương tổn gì, nó đáp rằng có một bà mặc y phục màu điều rất năng hiện đến, đem nước đến cho nó và dập tắt những hòn than chung quanh; và khi nó đói, bà đem cho nó thức ăn.** Khi hoàng đế Justinian nghe biết chuyện này, ông đã trao cả hai mẹ con - sau khi đã được chịu phép Thánh Tẩy - cho các giáo sĩ chăm sóc; còn người cha, vì ngoan cố không chịu tin những mầu nhiệm đức tin Kitô Giáo, nên vua truyền xử đóng đinh như một kẻ giết con tại ngoại ô thành phố Syca.

Thánh Gregory thành Tours còn nói thêm:

Đứa trẻ được rước lễ tại nhà thờ Đức Bà, nơi có một bức hình Đức Thánh Trinh Nữ được tôn kính trên một chỗ cao sáng, nơi ánh mắt đứa trẻ hướng đến và được thu hút mãnh liệt khi vào nhà thờ. Bức hình đứa trẻ nhìn thấy trong nhà thờ, Đức Mẹ bồng Con trên tay, chính là Đấng đã hiện đến với nó giữa lò lửa. Đứa trẻ lãnh nhận bánh, đó là Mình và Máu vinh quang của Chúa Giêsu Kitô.

Kinh nghiệm của đứa trẻ này làm ta hồi tưởng lại bài thánh ca trong Cựu Ước, chương 3, sách tiên tri Daniel, trong đó ba đứa trẻ cũng bị ném vào lò lửa phùng phùng vì không chịu thờ lạy ngẫu thần. Sau khi cầu nguyện cho mọi thụ tạo hãy chúc tụng Thiên Chúa, các trẻ ấy đã được giải thoát, bình an vô sự.

* * *

Thánh Gregory Cả (d. 604), giáo hoàng và tiến sĩ Hội Thánh, để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm, trong đó ngài đã minh họa tình yêu mến đối với Thánh Thể và sức mạnh của lễ hy tế Thánh Thể. Trong bài giảng 37, ngài đã kể lại:

Cách đây không lâu có một người bị bắt cầm tù và đày đi xa. Ông ta bị cầm giữ trong lao tù một thời gian khá lâu mà người vợ không hay biết, bà tưởng chồng đã qua đời, và vì thế hằng tuần, vào một số ngày, bà dâng thánh lễ để cầu nguyện cho ông. Sau một thời gian lâu dài trôi qua, người đàn ông trở về nhà, và kể cho người vợ ngỡ ngàng của mình rằng vào một số ngày trong tuần, những sợi xích cột trời ông trở nên lỏng ra; và nhờ thế, ông đã trốn thoát thành công. Vậy khi hỏi chồng điều lạ lùng ấy xảy ra vào những ngày nào trong tuần, **người vợ nhận ra những ngày xích xiềng lỏng ra chính là những ngày bà dâng lễ cầu nguyện cho ông.**

Trong quyển thứ tư của bộ sách *Đối Thoại*, hoặc những cuộc đàm thoại về đời sống kỳ diệu của các đấng thánh, thánh Gregory Cả kể lại câu chuyện sau:

Đức cha Agatho, giám mục giáo phận Palermo, đi từ đảo Sicily đến Rome. Trong cuộc hành trình, ngài gặp nguy cơ chìm tàu. Một con giông tố hãi hùng nổi lên, sắp sửa đánh chìm con tàu ngài đang đi. Không còn hy vọng gì, ngoại trừ lòng thương xót nhân lành của Thiên Chúa toàn năng. Khi ấy, tất cả mọi người bắt đầu cầu nguyện và dâng lên Chúa lời cầu xin hãy gìn giữ mạng sống cho họ. Trong khi họ cầu nguyện như thế, thì người thủy thủ đang cầm bánh lái, tuy được cột chặt vào tàu, nhưng một con giông mạnh mẽ đã làm đứt dây cột và kéo người thủy thủ xấu số kia xuống sóng nước, và đức cha Agatho coi anh ta như đã chết. Trong lúc đó, con tàu vẫn đi, sau những cơn hiểm nguy, đã đến được đảo Ostika. Tại đây, đức giám mục dâng thánh lễ cầu cho người thủy thủ không may; nhưng ngay khi con tàu được sửa chữa xong, tiếp tục hành trình đến Rome. Khi vừa lên bờ, đức giám mục đã thấy anh thủy thủ, người mà ngài tưởng rằng đã chết, đang đứng trên bờ. Tràn ngập niềm vui, ngài hỏi anh đã thoát những nguy hiểm dữ dằn suốt nhiều ngày như thế nào. Người thủy thủ khi ấy kể lại chiếc xuồng nhỏ bé của anh lúc nào cũng như sắp sửa lật úp, nhưng lại luôn luôn trôi lên trên những làn sóng, vô hại. Hết ngày lại đêm, anh ta mới thành công trong việc chinh phục những ngọn sóng; nhưng đuối sức vì đói và khát, chắc chắn anh cũng bị chết chìm nếu như không được phù giúp. Anh ta kể tiếp, “Thế rồi bỗng nhiên, khi tôi đã hoàn toàn vô vọng, như thể xuất thần, không biết mình đang ngủ hay thức, tôi nhìn thấy một người đứng trước mặt và cho tôi bánh. **Vừa khi tôi lãnh nhận bánh ấy, sức lực của tôi liền hồi phục, và ngay sau đó, tôi được một con tàu cứu vớt và chở về đây.**” Khi hỏi biết ngày giờ sự việc này xảy ra, đức giám mục nhận thấy trùng với ngày giờ ngài dâng thánh lễ tại đảo Ostika để cầu cho người thủy thủ xấu số.

Cũng còn một câu chuyện khác về phép lạ Thánh Thể liên quan đến chính thánh Gregory Cả. Chuyện này có những dị bản, đó là sự kiện **Thịt Chúa Kitô tỏ hiện một cách lạ lùng khi thánh Gregory đang cử hành thánh lễ tại vương cung thánh đường Sessorian tại Rome.** Điều này đã được Paul và John, phó tế, hai người viết tiểu sử thánh Gregory vào thế kỷ IX kể lại.

* * *

Linh mục Thomas á Kempis (d. 1471), tác giả sách *Gương Chúa Giêsu* (có người cho rằng ngài chỉ dịch tác phẩm ấy), đã sống đến 92 tuổi. Trong suốt 63 năm sống đời đan sĩ, ngài đã thi hành tác vụ linh mục đến 58 năm. Trong tác phẩm *Sử Biên Niên Núi Thánh Agnes*, ngài có kể hai phép lạ Thánh Thể. Truyện thứ nhất như sau:

Một người anh em của chúng tôi bắt đầu dâng thánh lễ tại bàn thờ thánh nữ Agnes. Suốt một thời gian khá lâu, ngài đã phải sử dụng hai chiếc nạng để đi đến đó. **Sau khi dâng lễ, nhờ sức mạnh Chúa Kitô và lời cầu bầu của thánh nữ Agnes, ngài thấy trở nên mạnh mẽ đến độ có thể vứt bỏ hai chiếc nạng, và hân hoan đi về chỗ với chúng tôi tại ca triều.** Một người anh em hỏi ngài đã làm và suy nghĩ những gì trong thánh lễ, ngài đã trả lời, “Tôi đã nghĩ đến những lời thánh sử Luca nói về Chúa Giêsu, ‘Và tất cả những ai chạm đến Người, liền có sức nhiệm từ Người phát ra và chữa lành cho họ tất cả.’” Do đó, bí tích Cực

Thánh, cùng với lời cầu bầu của các thánh, giờ đây có thể chữa lành cho những người bệnh tật nơi linh hồn và thân xác.

Cha Thomas á Kempis đã được chứng kiến phép lạ trên đây; còn phép lạ sau đây, ngài được một linh mục khác kể cho, người đã được lãnh nhận món quà đức tin.

Một người anh em thuộc tu viện chúng tôi, một ngày kia, trong lúc đang dâng thánh lễ tại bàn thờ thánh nữ Agnes, thì bỗng nhiên bị ma quỷ cám dỗ quá đỗi về đức tin vào bí tích Cực Thánh, mặc dù màu nhiệm trời cao này lúc nào cũng là một nguồn an ủi hết sức lớn lao đối với ngài. Vô cùng buồn bã và đau đớn, ngài đã nhìn lên Chúa và kêu khóc. Và này, ngài đã nghe một tiếng nói trong lòng, **“Con hãy tin như thánh Agnes, thánh Cecilia, thánh Barbara và những trinh nữ thánh thiện khác đã tin, những người đã chịu chết vì Chúa Kitô mà không chút hồ nghi về những lời của Người.”** Ngay khi được nghe những lời này, mọi nghi ngờ của ngài liền biến tan và cơn cám dỗ cũng chấm dứt. Sau đó, ngài đã kể lại cho tất cả những ai cũng chịu những cơn cám dỗ dữ dội như thế, **“Bạn hãy tin như thánh nữ Agnes, và sẽ không phải sai lầm trong đức tin.”**

* * *

Chúng ta chỉ được biết một vài chi tiết về những biến cố phi thường liên quan đến cha Francis Lerma, tu sĩ nổi tiếng và đáng kính của dòng Đaminh. Vị linh mục thánh đức này từ từ bị mất thị giác, cho đến khi không còn dâng thánh lễ được nữa. Ngài đã chịu đựng nỗi đau khổ bằng đức nhẫn nại của các thiên thần, mặc dù hết lòng khát khao thi hành chức năng tư tế của mình. **Vì quá ước ao cử hành thánh lễ, ngài đã xin được chữa lành cách lạ để hồi phục thị lực trong khoảng thời gian đủ dâng thánh lễ. Sau khi đã cầu nguyện thiết tha với ý nguyện này, ngài cảm thấy được soi động trong lòng hãy mở sách lễ. Vô cùng kinh ngạc, ngài lại có thể đọc được. Với niềm tràn ngập vui mừng, ngài vào phòng áo, mặc áo lễ, và tiến ra bàn thờ.** Khi lễ vừa xong, sự mù lòa liền trở lại. Sự kiện này tiếp diễn hết ngày này sang ngày khác: thị lực của cha Lerma được phục hồi để dâng thánh lễ, nhưng khi vừa rời bàn thờ, sự mù lòa liền trở lại.

* * *

Trong trường hợp sau đây, không tác giả nào được trích dẫn. Người ta kể rằng năm 1584 có một thiếu nữ người Đức quyết tâm chống đối luật Giáo Hội, cô đã hiệp lễ sáng Phục Sinh mà không chịu giữ chay Thánh Thể như thường lệ. Cũng từ ngày hôm ấy, cô đã bị quỉ ám và chịu hành hạ kinh hãi suốt nhiều tháng. Trong thời gian đó, cô không nhìn thấy và nghe được gì; miệng xùi bọt mép và răng nghiến kèn kẹt; co giật rất lâu và kinh khủng, với đủ mọi thái độ bất thường. Cô bị ma quỉ lôi kéo khi thì đến một nơi cao, lúc thì đến một chỗ thấp trong nhà, thỉnh thoảng còn treo mình trên cây.

Cha cô đã trình bày tường tận vấn đề với cha sở. Ngài đã đến làm phép nhà, đặt tượng chuộc tội trong phòng ngủ, và đeo các thánh tích quanh cổ của thiếu nữ. Người ta dâng những lời cầu nguyện công khai tại các tu viện và trường học. Nhưng cô gái vẫn chống đối, vứt bỏ các ảnh chuộc tội, bứt các thánh tích quanh cổ, và thái độ bất thường của cô càng trầm trọng thêm. **Sau cùng, người ta nghĩ đến việc đưa cô đến nhà thờ Hilfsburg kế cận, nơi lưu giữ thánh tích của thánh Boniface tổng giám mục, tông đồ của nước Đức. Thật khó khăn họ mới đưa thiếu nữ vào được nhà thờ. Nhưng khi vừa được đưa đến trước bàn thờ nơi Thánh Thể đang được tôn vinh thì ảnh hưởng của thần dữ đã chấm dứt và thiếu nữ trở lại bình thường.**

* * *

Trong tất cả các vị tướng lãnh phục vụ hoàng đế Louis XIV nước Pháp (trị vì 1643-1715), tướng Turenne được đức vua coi là người can trường và được toàn thể triều đình kính trọng nhất. Tuy nhiên, tướng

Turenne lại là người theo bè Calvin, một sai lầm mà ông không chịu sửa đổi, bất chấp ước nguyện của đức vua và những nỗ lực của nhà hùng biện thời danh là đức giám mục Bossuet. Vị tướng có rất nhiều thành kiến đối với Giáo Hội. Ông đặc biệt chống lại giáo lý về sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô trong bí tích Thánh Thể, một điều đối với ông dường như không thể tin được, mặc dù ông cho rằng một giáo lý như thế thực vô cùng tốt lành và an ủi cho những ai có đức tin. Tướng quân đã từng nói, “Nếu ai thuyết phục được tôi tin vào sự hiện diện thực sự của Chúa Giêsu trong bí tích ấy, tôi sẽ sấp mình xuống đất liên li để tôn thờ Người.”

Không xem sao thái độ cố chấp của Turenne, đức giám mục Bossuet vẫn tiếp tục thảo luận giáo lý này với ông. Hai người gặp gỡ nhau với mục đích ấy tại lâu đài Louvre, một địa điểm ngày nay thường được sử dụng để triển lãm nghệ thuật. Trong một lần hai vị đang gặp gỡ thì người ta phát hiện lửa cháy tại một gian phòng trưng bày. Ngọn lửa đe dọa thiêu rụi nhiều tác phẩm nghệ thuật. Turenne vội vã đến hiện trường đốc thúc mọi người. Mọi cố gắng đều được thực hiện để chế ngự ngọn lửa, nhưng tất cả các biện pháp đều vô ích.

Khi nhìn thấy sức mãnh liệt của ngọn lửa và nguy hiểm cận kề, đức giám mục đã theo ơn soi động. Ngài nhanh chóng tiến về nhà nguyện, lấy bình thánh đựng Thánh Thể và đưa về phía đối diện với gian phòng đang cháy. Sau khi lướt qua những đám khói, ngài đến sát bên ngọn lửa và đọc lời ban phép lành. Lập tức, các ngọn lửa bắt đầu ngùn ngụt, rồi sau cùng tắt hẳn. Các công nhân ngỡ ngàng trước sức mạnh và uy nghi của phép lạ, liền quì gối và cất kinh tạ ơn *Te Deum*. Với một đức tin mới được tìm thấy, tướng Turenne kinh hãi và quì gối thờ lạy Thánh Thể, mà giờ đây ông đã nhìn nhận. Từ lúc phép lạ xảy ra năm 1667 cho đến khi qua đời, tướng Turenne đã tỏ lòng mộ mến và thực hành đức tin chân thật, ông đã thờ lạy Đấng Cứu Thế hiện diện trong bí tích bàn thờ với tất cả tâm tình khiêm nhường và sùng mộ.

* * *

Theo kết quả bản hòa ước năm 1802 giữa vua Napoleon và Đức Thánh Cha, các nhà thờ tại Pháp được phép mở cửa trở lại. Biến cố này trùng với ngày lễ Minh Máu Thánh Chúa Kitô, năm ấy lại rơi vào ngày lễ bốn mạng của ngôi làng bé nhỏ Creteil. Một chương trình đã được dự định để mừng cả ba biến cố.

Trong khi nhà thờ được lau rửa sạch sẽ, đường kiệu Thánh Thể được sửa sang, bàn thờ lộ thiên được thiết lập và trang trí bằng những hoa tươi, một thôn nữ tên là Henrietta Crete nhớ lại những sự kiện trong Thánh Kinh, về những người yếu bệnh được đem đến cho Chúa khi Người đi ngang qua. Cô nghĩ lòng thương xót Chúa dành cho những người đau khổ lúc nào cũng như thế. Cô đã phác ra một kế hoạch và đem thảo luận với các bạn.

Cũng có một thiếu nữ khác tên là Augustina Mourette, con gái của người bán rượu, cô không còn sử dụng được tay chân và tiếng nói vì hậu quả của một cơn bệnh. Vào thời điểm dịp lễ, cô đã bị bại liệt được 18 tháng.

Trong ngày lễ, Henriette Crete và các bạn bạn toàn đồ trắng và đội khăn đến thăm người bạn yếu bệnh; họ mặc cho cô y phục ngày lễ xinh đẹp nhất và đẩy xe lăn của bạn đến chỗ bàn thờ lộ thiên. Để bạn gần bàn thờ, họ chờ đoàn kiệu đi đến. **Khi linh mục kiệu Minh Thánh đến gần, các thiếu nữ quì gối quanh người bệnh và tha thiết cầu nguyện cho bạn được lành bệnh.** Hết sức xúc động trước lòng sốt sắng của họ, vị linh mục nâng mặt nhật chúc lành cho người bệnh và đọc công thức chúc lành quen thuộc. Vừa xong lời chúc lành, cộng đoàn nhìn thấy thiếu nữ yếu bệnh chỗi dậy khỏi xe lăn một cách dễ dàng, và quì gối - mà không cần ai trợ giúp - để thờ lạy tri ân trước Người Thầy Thuốc Thần Linh. Augustina Mourette tức khắc được chữa lành hoàn toàn.

* * *

Tháng 5 năm 1847, nhạc sĩ kiêm nghệ sĩ dương cầm thời danh Hermann Cohen, một người Do Thái sinh tại Hamburg, đang lưu diễn một loạt chương trình hòa nhạc tại Paris. Hoàng tử Moskowa, bạn thân của nhạc sĩ, lúc ấy đang điều khiển ca đoàn thực hiện những việc tôn sùng thánh Năm tại nhà thờ thánh Valere.

Hermann Cohen nhận lời mời của hoàng tử để điều khiển ca đoàn trong một nghi thức, nhưng ông chia trí lơ đãng, không nghe bài giảng mà cứ trò chuyện với những người chung quanh. Tuy nhiên, đến giờ chầu phép lành, thái độ của ông hoàn toàn đã thay đổi. Chính ông kể lại:

Mặc dù không nhúc nhích để cúi gối như đám đông, nhưng tôi cảm thấy trong mình một thúc động không sao tả được. Tâm hồn tôi, quen với những trò giải trí thế gian, có thể nói dường như đã tìm lại được chính mình, và đồng thời ý thức được một điều gì đang xảy ra trong lòng mà cho đến lúc ấy vẫn hoàn toàn xa lạ. Không suy nghĩ gì thêm, tôi liền quì gối. Lúc linh mục ban phép lành Thánh Thể, lần đầu tiên tôi cảm thấy một xúc động không diễn tả được, nhưng rất êm ái trong lòng. Hôm sau, ngày thứ Sáu, tôi lại đến, và xúc động trong lòng lại xảy ra, còn mạnh mẽ hơn hôm trước, và tôi cảm thấy có một sức nặng đè xuống trên lưng tôi, bắt tôi phải quì gối một lần nữa. Tôi đã miễn cưỡng vâng theo thúc động ấy, lúc đó một tư tưởng bỗng nhiên vụt qua tâm hồn tôi một cách mãnh liệt: Con phải trở thành một tín hữu Công Giáo!

Vài ngày sau đó, vào một buổi sáng, tôi tình cờ lại ở gần khu vực nhà thờ thánh Valere. Tiếng chuông báo giờ thánh lễ. Tôi đi vào nhà Chúa, và ở lại đó như một người bất động, theo dõi thánh lễ. Tôi dự một, hai, rồi ba thánh lễ mà không suy nghĩ gì. Tôi không hiểu điều gì đã giữ tôi lại. Gần đến chiều tối, tôi miễn cưỡng lại được dẫn đến nhà thờ ấy – tiếng chuông dường như mời gọi tôi. Tôi cảm thấy Đấng Cực Thánh đang được tôn vinh ở đó, và ngay khi nhận ra, tôi bị lôi kéo đến hàng song hiệp lễ và quì xuống mà không sao cưỡng lại được. Tôi tự động cúi mình trong lúc linh mục ban phép lành Thánh Thể, và khi chỗi dậy, tôi cảm thấy một tâm trạng thư thái lạ lùng xâm nhập lòng tôi. Tôi trở về phòng và nằm xuống giường, nhưng suốt đêm, tâm hồn tôi, dù thức dù ngủ, cũng đều suy tưởng đến Thánh Thể. Tôi khắc khoải mong chờ cho đến giờ thánh lễ, và từ đó về sau, hằng ngày tôi đều đến dự thánh lễ tại nhà thờ thánh Valere với một niềm hoan lạc tràn ngập cả người tôi.

Cho đến thời điểm này, người nghệ sĩ dương cầm vẫn coi các tín hữu và các linh mục Công Giáo là những người cần phải xa tránh, nhưng giờ đây, ông cảm thấy một thúc bách không chống lại được phải trình bày với một linh mục về những kinh nghiệm của ông. Ông được hướng dẫn đến với cha bề trên Legrand để vâng theo lời khuyến dụ của ngài, nhưng theo lời Hermann thú nhận, "... sự dữ vẫn chưa bị khuất phục." Những buổi hòa nhạc đem lại cho ông vô số tiền bạc, cho ông quay lại với những buồng tuồng vui thú thế gian.

Sau buổi hòa nhạc tại Elms vào ngày 8 tháng 8 năm 1847, mặc kệ chúng bạn, ông đã đến một thánh đường và tham dự thánh lễ. Trong thánh lễ này, ông đã được ơn sám hối. Hai mươi ngày sau đó, ông đã được cha Legrand ban bí tích Thánh Tẩy. Rồi sau khi được lãnh nhận bí tích Thêm Sức, ông luôn nói không mệt mỏi, "Tôi đã tìm được Đấng tôi yêu mến. Người thuộc về tôi và tôi thuộc về Người. Tôi sẽ không bao giờ để Người phải ra đi lần nữa."

Vào một chiều tối không bao lâu sau đó, Hermann nấn ná ở lại trong nhà thờ của các nữ tu dòng Kín Đức Mẹ núi Carmel, nơi Thánh Thể đang được tôn kính trên bàn thờ. Xúc động sâu xa khi được biết các nữ tu thánh thiện này ở lại thâu đêm để tôn thờ Thánh Thể, ông quyết tâm thành lập một hội đoàn cho nam giới để thực hiện lòng sùng mộ tương tự như thế. Không bao lâu sau đó, hội Tôn Thờ Thánh Thể

được thành lập, và ngày 6 tháng 12 năm 1848, giờ châu đầu tiên đã được bắt đầu. Từ lúc ấy, hội đoàn này đã lan rộng khắp cả nước Pháp.

Được lòng yêu mến đối với phép Thánh Thể thúc đẩy, năm 1849, nhạc sĩ Hermann đã vào dòng Kín Đức Mẹ núi Carmel và nhận tên Augustine Maria phép Thánh Thể. Sau đó, thầy đã được lãnh nhận thánh chức.

Người nghệ sĩ lừng danh đã rao khắp Châu Âu, làm say sưa các thánh giá bằng trình độ tài năng tuyệt vời, giờ đây rao giảng vinh quang của bí tích Thánh Thể và niềm vui của những ai mê say Thánh Thể với lòng yêu mến và tôn thờ.

Khi được mời đến rao giảng tại Anh Quốc, cha Hermann đã xây dựng tại Kensington ngôi thánh đường xinh đẹp mang tên thánh Simon Stock và phục vụ trong chức vụ bề trên tiên khởi của tu viện này.

* * *

Lòng sốt sắng và trung thành nhiệt tâm với đức tin của dân tộc Ái Nhĩ Lan là điều không còn ai hồ nghi và đã được ghi dấu chắc chắn trong lịch sử nước này. Nổi bật trong lịch sử Giáo Hội có ba biến cố quan trọng đã nâng đỡ các tín hữu Ái Nhĩ Lan trong những thời buổi nguy hiểm đầy thử thách. Ba biến cố ấy đã được ghi lại trong các tác phẩm của sử gia kiêm thần học gia Wadding (d. 1657).

Biến cố thứ nhất xảy ra trong thời kỳ đô hộ của người Norman. Tuy phạm nhiều lỗi lầm, nhưng người Norman có lòng nhiệt thành xây dựng các thánh đường và tu viện. Tu sĩ các dòng đảm trách những thánh đường này chẳng bao lâu đã thiết lập các địa điểm phụng tự khắp nơi trên đảo quốc, đó là những nguyện đường được xây dựng tại các khúc sông cạn và những chiếc cầu. Ngoài thánh lễ buổi sáng, còn có những thánh lễ được cử hành vào lúc 6 giờ chiều cho những ai làm việc từ sáng sớm ngoài đồng áng. Khắp nơi đều có các địa điểm thờ phượng, nên ở đâu du khách cũng có thể nghe được chuông hiệu và tham dự thánh lễ ở nơi nào thuận tiện.

Phép lạ sau đây liên hệ đến một nhà thờ tại Clonmel, nói lên lòng sùng kính tham dự thánh lễ hằng ngày của dân chúng và một số nhà quý tộc Norman. Biến cố được kể lại như sau:

Edmund Butler, nam tước xứ Cahir, một ngày nọ, theo thông lệ đang tham dự thánh lễ tại nhà thờ [của dòng Phanxicô tại Clonmel] thì nghe tin hầu tước xứ Ormond và nam tước xứ Dunboyne cùng đồng đảng hùng hậu xâm lấn lãnh địa của mình. Không tỏ dấu hốt hoảng, ông nhất định tham dự cho hết thánh lễ. **Ông nghĩ rằng vì chuyện loài người mà đành bỏ thánh lễ thì thật bất xứng, bởi vì nhờ sức mạnh thánh lễ, có thể đánh đuổi kẻ thù dễ dàng hơn nhờ sức mạnh quân sự.** Hơn nữa, người đành bỏ mọi sự chẳng thà chịu bỏ ngang lễ hy tế cứu độ thì không phải thiệt thòi gì. Khi thánh lễ kết thúc, cùng với một số thân nhân và binh sĩ, nam tước đã mở cuộc tấn công, giành lại tất cả những chiến lợi phẩm và nạn nhân, lật đổ kế hoạch của kẻ thù mạnh mẽ, và đánh đuổi bọn chúng tháo chạy trong nhục nhã.

Trong lịch sử Ái Nhĩ Lan, đầu thế kỷ XVII, những người Tin Lành tiến hành cuộc bách hại Giáo Hội Công Giáo. Các linh mục bị cầm tù hoặc bị giết hại, việc thụ phong bị cấm chỉ, các tín hữu chịu đủ mọi hình thức đe dọa và bách hại. Trong thời kỳ này có hai sự kiện kỳ diệu đã xảy ra và đã được sử gia Wadding, một người đương thời, ghi chép lại các biến cố ấy trong tinh thần trách nhiệm.

Nhờ tác phẩm *Wadding Papers*, chúng ta được biết vị phó lãnh chúa xứ Ái Nhĩ Lan là người Tin Lành, một lần nọ ông đã mời toàn thể nghị viện đến dự dạ tiệc. Và để giúp vui, ông đã triệu một tên hề đóng vai thằng ngớ.

... Trong số những tên bất lương được tin dùng, có tên Fleming này rất tinh khôn và gian xảo, biết nghị viện thích thú những trò nhạo báng Công Giáo. Thoạt đầu, hắn giả bộ cử hành bí tích Thánh Thể, lấy một miếng bánh rồi đọc lời truyền phép, giờ lên như bên Công Giáo thường làm. Tương tự, hắn cầm một cốc bia, nhưng khi vừa giờ lên, hắn liền ngã vật xuống đất giãy giụa. Nghị viện nhìn thấy hết sức kinh hãi, nói rằng (nói thế nhưng nghĩ khác) hắn không chết, và nghĩ cách giấu giếm để phép lạ khỏi lan ra làm hoang mang tất cả những người theo tà giáo như họ.

Phép lạ thứ ba xảy ra tại Waterford và minh chứng ơn thánh được ban cho một số người yếu đuối, nhưng đặt trót niềm tin thác vào bí tích Thánh Thể.

Cha James Daton, linh mục dòng thánh Francis, đang dâng thánh lễ tại thành phố Waterford trong nhà của một giáo hữu thì bị quân lính bao vây và tìm bắt vào chính lúc tôn vinh Mình Máu Thánh. Người ta thông báo cho ngài bỏ trốn, nhưng ngài xin đừng quấy rối đang lúc ngài có trong tay Thầy Chí Thánh, Thánh Thể, Đấng mạnh mẽ hơn cả một đạo quân như chúng. Vậy khi binh lính xông vào, chúng không nhìn thấy gì ngoài những bức tường trắng, mặc dù bấy giờ trong nhà chật người, và vị linh mục trên bàn thờ đang có Thánh Thể trong tay. Biến cố này xảy ra vào ngày 18 tháng 2 năm 1609.

* * *

Nước Ý, quốc gia đã có rất nhiều phép lạ Thánh Thể được đề cập trong quyển sách này, còn được ban một phép lạ nữa tại tỉnh Abruzzo, thị trấn L'Aquila, nơi thánh Bernadine Siena đã qua đời và thi hài vẫn còn được lưu giữ.

Trước trận động đất ngày 2 tháng 2 năm 1703, L'Aquila đã bị hai trận động đất khác bất ngờ và tàn phá kinh khủng. Trên 2000 người bị chết, nhiều người đang ở trong nhà thờ. Con động đất bắt đầu vào giờ hiệp lễ, bất ngờ và mạnh mẽ đến nỗi nhà thờ hầu như sụp đổ tức khắc. Sau khi mặt đất ổn định trở lại và cuộc tìm kiếm những người sống sót bắt đầu, người ta thấy vị linh mục bị chết giữa đồng đồ nát, tay vẫn đang cầm bình thánh. Bên dưới và chung quanh bình thánh, giữa những đồng đồ nát tàn hoang, người ta đếm được 200 Bánh Thánh. Việc các Bánh Thánh này còn nguyên vẹn, không chút hư hại được coi như một phép lạ.

* * *

Trong những thời gian gần đây, tại Lourdes, có những sự kiện lành bệnh đã xảy ra sau khi các bệnh nhân được lãnh phép lành Thánh Thể. Trong số những vụ nổi tiếng nhất là sự kiện lành bệnh của hai người thợ: Gabriel Gargam (người Pháp), năm 1901, và Jack Traynor (người Anh), năm 1923. Cả hai đều bị thương nặng và không thể đi lại. Vụ chữa lành của Gabriel Gargam xảy ra lúc ban phép lành Thánh Thể cho các bệnh nhân sau giờ hiệp lễ vài tiếng, khi anh ta đã được tràn đầy ơn thánh và được chữa lành về phương diện tinh thần trước đó trong ngày. Vụ chữa lành của Jack Traynor bắt đầu khi anh ta tắm trong nước suối Lourdes và hoàn tất khi linh mục nâng Thánh Thể làm dấu Thánh Giá trên anh. Sự kiện chữa lành này làm chấn động nước Anh và khiến cho nhiều người trở lại.

